NĂM THỨ 6 – NGÀY 1-9-62

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *từ vụ Lào vụ Đức tới vấn đề tài binh* • DOHAMIDE *giới lãnh đạo thôn ấp Chàm tại Việt-Nam* • NGUYỄN VĂN HẦU *hò miền Nam* • TRẦN HƯƠNG TỬ *tổng kết về phong trào triết hiện sinh* • NGUYỄN HIẾN LÊ *nhân đọc bộ Việt-Nam ca trù biên khảo* • ĐOÀN THÊM *tìm đẹp : đồ đạc* • PHONG GIAO *kinh nghiệm dời văn* • LÊ TẤT ĐIỀU *bàn cờ tướng* • THÁI THỤC NGHĨA *3 bài thơ* • BÙI GIÁNG *người hải ngoại* • MINH ĐỨC *anh đi ngang nhà em* • TRẦN PHONG *Kanniverstan* • VÕ HỒNG *trả thù* • THÁI TUẤN *đọc « Tìm hiểu hội họa » của Đoàn-Thêm* • HỮU PHƯƠNG *Pasay* • VŨ HỐI — THU NGA — TRẦN QUANG HIẾU *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa* • TRÀNG THIÊN *viết và vẽ theo ý Henry Miller* • NGUYỄN NGU Í *thuật « nhận định về tiểu thuyết hiện đại » và « đại hội thứ XI của tổng liên đoàn giáo giới quốc tế »*

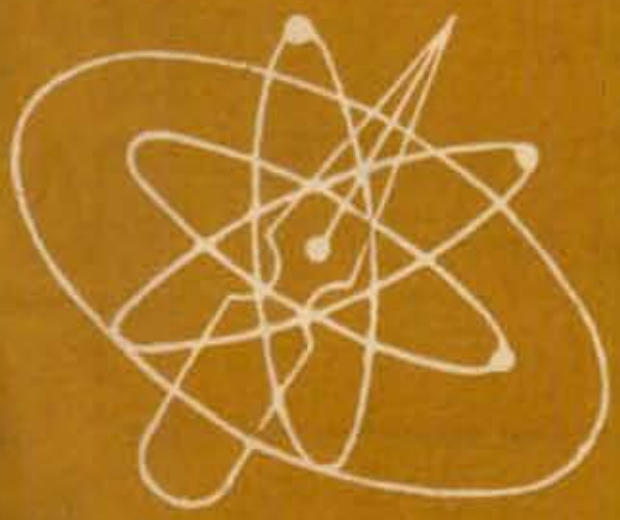

136

Một sự may mắn ! ! !

Nếu « **VERIGOUD** »

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

*

« **VERIGOUD** »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

★

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 136 ngày 1-9-62

HOÀNG-MINH-TUYNH *từ vụ Lào vụ Đức tới vấn đề tài binh*	3
DOHAMIDE *giới lãnh đạo thôn ấp Chàm tại Việt-Nam*	9
NGUYỄN-VĂN-HẦU *hò miền Nam*	15
TRẦN-HƯƠNG-TỬ *tổng kết về phong trào triết hiệt. sinh*	23
NGUYỄN-HIẾN-LÊ *nhân đọc bộ Việt-Nam ca trù biên khảo*	27
ĐOÀN-THÊM *tìm đẹp : đồ đạc*	37
PHONG-GIAO (*dịch Erskine Caldwell*) *kinh nghiệm đời văn*	51
LÊ-TẤT-ĐIỀU *bàn cờ tướng (truyện ngắn)*	59
THÁI-THỤC-NGHĨA *Tháng bảy — Mùa thu — Lưu lạc (thơ)*	66
BÙI-GIÁNG *người hải ngoại (thơ)*	67
Cô MINH-ĐỨC *anh đi ngang nhà em (thơ)*	68
TRẦN-PHONG (*dịch Johan Peter Hebel*) *Kanniverstan*	69
VÕ-HỒNG *trả thù (truyện ngắn)*	73
THÁI-TUẤN *đọc « Tìm hiểu hội họa » của Đoàn-Thêm*	83
HỮU-PHƯƠNG *Pasay (thơ)*	88
VŨ-HỐI — THU-NGA — TRẦN-QUANG-HIẾU *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa*	89
TRẦNG-THIÊN *viết và vẽ theo ý Henry Miller*	103
NGUIỄN-NGU-Í (*thuật*) *buổi nói chuyện « nhận định về tiểu thuyết hiện đại » của Vũ-Hạnh tại Văn Đàn*	108
NGUIỄN-NGU-Í *thuật buổi họp báo về đại hội thứ XI của Tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế*	111

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Algérie trên đường độc lập	HOÀNG-MINH-TUYNH
Cuộc sống gia-đình của người Chàm miền Trung	DOHAMIDE
Clément Rosset : triết-lý bi đát	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Góp ý về cú pháp	ĐỖ-HỒNG-VŨ
Tìm đẹp : tô điểm trong mỹ nghệ	ĐOÀN-THÊM
Claude Simon	TRÀNG-THIÊN
Trung tâm trái đất có gì ?	CÔ-LIÊU
Đọc « Những kẻ trầm luân ở thế-gian » của Frantz Fanon	NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về đâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Teddy (dịch Salinger)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Con Tư diêm (truyện ngắn)	VŨ-HẠNH
Tiêu bạc giả (truyện ngắn)	NGUYỄN-MẠNH-CÔN
Nỗi chết không rời (truyện ngắn)	THANH-TÂM-TUYỀN

từ vụ Lào, vụ Đức tới vấn đề tài binh

Hoàng-Minh-Tuynh

LẦN đầu tiên, từ sau cuộc hưu chiến tại Đông-Dương, Đông và Tây đã cùng nhau nhóm họp vào buổi sáng thứ hai, ngày 23 tháng 7 năm 1962, tại Điện Vạn Quốc ở Genève, là nơi trước đây Hội Quốc Liên đã nhóm họp để ký kết một hiệp ước chung giữa các nước.

Văn bản biến nước Lào *mutatis mutandis* thành một nước Áo tại Đông-Nam-Á thực tế chỉ là văn bản nối tiếp, kéo dài văn bản đã ký kết về Đông Dương năm 1954, song trong tám năm, không khí Điện Vạn Quốc trở thành nơi gặp mặt của nhiều cường quốc hiếm khích lẫn nhau, tại một địa điểm trung lập, đã biến thái rất nhiều.

Trước những bức bích họa của José Maria, mười ba đại biểu của các nước ký kết — trừ nước Lào không ký kết gì — gặp gỡ, đối đáp với nhau rất mực bình thản, lại chú trọng gìn giữ các phép xã giao quốc tế từng li từng tí. Họ lần lượt để tên trên các văn bản tuyên cáo trung lập và nghi thức áp dụng viết bằng Anh ngữ và Nga ngữ. Tất cả có năm mươi hai chữ ký trên các tài liệu thảo bằng tiếng của hai vị đồng chủ tịch, Lord Home và ông Gromyko. Buổi lễ cử hành từ 10 giờ 30, trong một bầu không khí trang nghiêm không nghi thức và chấm dứt sau đó một giờ. Các đại biểu đều đã đọc diễn văn từ chiều thứ bảy, tất cả những câu nói văn hoa ca tụng chủ trương sống chung hòa bình cũng như tất cả những dè dặt nêu lên về giá trị tượng trưng của cuộc thí nghiệm Lào, đều đã được tung ra, thao thao bất tuyệt, ngay trong buổi chiều

hôm đó. Duy có một vị tỏ vẻ đắc thắng một cách hơi quá lộ liễu, đó là Vương tử Souvanna Phouma, mặc dù giữa chiều thứ bảy, ông nhận được tin cấp báo của tướng Phoumi đánh đi từ Vạn Tượng cho biết đã bị Pathet Lào tấn công đột ngột.

* * *

« Tâm lý » Hội nghị Genève không chỉ biến thái vì tiền triển tình hình quốc tế có vẻ khả quan, thuận lợi mà còn bởi các cuộc tiếp xúc giữa người với người cũng có chiều tiến bộ. Người ta thấy, buổi sáng thứ bảy, ông Trần Nghị, bộ trưởng ngoại giao của Trung Hoa Cộng Sản, xác nhận một cách rất « có vẻ Khrouchtchev » rằng « các cuộc phân tranh quốc tế có thể giải quyết bằng những cuộc hiệp thương », rằng « Trung quốc thi hành, áp dụng chính sách « sống chung hòa bình ». Ông làm cho mọi người ngạc nhiên về luận điệu ôn hòa trong đoạn kết thúc bài đả kích Hiệp-Chúng-Quốc. Trong bữa tiệc tiếp kiến các đại biểu Hội nghị bữa chiều thứ bảy, có rất ít người vắng mặt. Lord Home và ông Couve de Murville đích thân tới dự. Ông tổng trưởng ngoại giao Pháp, nhân dịp đó, tỏ bày lòng mong mỏi cho quan hệ Pháp-Hoa tự hậu « bớt về tình cờ » hơn. Ông Dean Rusk tuy không đích thân tới dự như hai ông bạn đồng nghiệp Anh Pháp, cũng cử ông Sullivan, một vị phụ tá của ông Harriman, tới tham gia cuộc tiếp xúc xã giao đượm khá nhiều tính chất thân mật này.

Ý nghĩa chính thực về sự kết thúc Hội nghị Genève kỳ này nằm trong thái độ ôn hòa của tướng Trần-Nghị : sau nhiều buổi hiệp thương, ngày 23-7-1962, Trung Hoa Cộng Sản đã đương nhiên có đủ quyền đặt chữ ký của họ lên một bản thỏa hiệp quốc tế ở bên chữ ký của Hiệp-Chúng-Quốc, mà ông bộ trưởng ngoại giao của nước này không hề phải băn khoăn, dằn đo như thời còn ông Foster Dulles, người tuy có dự khán thỏa hiệp năm 1954 về Đông-Dương, song đã nhất định không chịu giơ tay ký vào thỏa hiệp ấy.

Đặc điểm của hội nghị Genève năm 1962 không chỉ là đề cập tới vấn đề trung lập hóa nước Lào, mà còn đưa ra trước tầm thảm xanh vấn đề nước Đức và vấn đề ngưng thí nghiệm võ khí nguyên tử. Hai vấn đề sau đã đưa tới những kết quả nào ?

Vấn - đề nước Đức tại Hội nghị Genève

Ba cuộc hội kiến kéo dài khá lâu giữa hai ông Rusk và Gromyko tại Hội nghị Genève về vụ Bá-Linh chỉ là dịp làm cho mối mâu thuẫn căn bản giữa quan điểm của Mỹ và của Nga tăng thêm phần hiển nhiên, rõ rệt. Tây Minh tỏ ý muốn hiệp thương lắm, song với điều kiện quân đội họ vẫn được tiếp tục trấn đóng tại Tây Bá Linh. Xô-Viết cũng muốn hiệp thương không kém, song với điều kiện quân đội Tây Minh phải rút lui khỏi Tây Bá Linh. Ông Ngoại trưởng Nga hình như còn nhấn mạnh về việc chánh phủ ông quyết định ký kết một

hòa ước riêng rẽ với Đông Đức, nếu Tây Bá Linh không chịu nhân nhượng để đi tới giải hòa. Theo phóng viên tại Hoa-Thịnh-Đốn của tờ báo Đức Welt, xuất bản tại Hambourg, các nhà ngoại giao Xô-viết tại thủ đô Mỹ, ngỏ cho nhiều người biết rằng : Kremlin đề nghị mở một « hội nghị hòa bình » vào tháng 9 tới đây, bên lề Đại Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc. Chẳng biết tin ấy đúng hay sai, duy có điều chắc chắn là ông Rusk, thêm một lần nữa, đã nhắc cho ông Gromyko biết về hậu quả có thể bi đát của một hòa ước riêng rẽ ký kết giữa Liên-Xô và Đông-Đức ; nếu vạn nhất hòa ước ấy cứ ra đời, mặc dù có sự phản đối của Tây-Minh, Liên-Xô phải rán chịu lấy hết mọi trách nhiệm. Ông Rusk viện dẫn hiệp ước hòa bình ký kết giữa các Đồng-Minh qui định giữ nguyên hiện trạng Bá-Linh, làm luận cứ cho lời nhắc của ông. Đó cũng là lập trường của ngoại trưởng Anh, Lord Home, khi ông này lên tiếng can thiệp trước Thượng-Nghị-Viện Anh mới đây. Giữa lúc ấy, ông Khrouchtchev tiếp ông Thompson, đại sứ Hiệp.Chúng-Quốc mới được cử làm cố vấn đặc biệt của Bộ ngoại giao Mỹ về các vấn đề Liên-Xô, tại một biệt thự của ông ở ngoại châu thành Mạc-Tư-Khoa. Ông Khrouchtchev tiếp ông Thompson trong luôn hai tiếng đồng hồ. Ông Khrouchtchev xưa rầy vẫn thường tỏ vẻ mộ mến nhà ngoại giao nổi tiếng của Mỹ quốc nói tiếng Nga rất thông thạo này. Ông ta tiếp đón ông Thompson nồng hậu đặc biệt. Người ta không biết đó có phải là cách ông muốn xóa bỏ cái ấn tượng không đẹp gây ra bởi tác phong hơi kém lễ độ của Gromyko tại Genève không. Tuy nhiên chẳng có gì cho phép người ta nghĩ rằng, trong cuộc hội đàm với ông Thompson, ông Khrouchtchev có mở ra được viễn tượng gì mới mẻ và sáng sủa cho một cuộc hòa giải trong một tương lai gần đây.

Vấn đề tài giảm binh bị

Hội nghị Genève còn đề cập tới một vấn đề thứ ba nữa là vấn đề tài giảm binh bị, trong đó có vấn đề ngưng thí nghiệm võ khí nguyên tử : Mọi người đều biết, một thỏa hiệp về thủ tục, ký kết giữa mười bảy nước, đã ủy cho hai vị đồng chủ tịch Mỹ và Nga, khởi thảo các điều khoản cho một hiệp ước tài binh toàn diện. Phương pháp trên ít nữa được có điều lợi này, là giao cho các « chuyên gia » được có « *việc làm* » để các nhà chính trị được rảnh rang ngồi kéo dài cuộc tranh luận với nhau. Đổi lại, hình như mọi người đều đồng ý cho rằng không thể thiên diên, trì hoãn việc kết thúc một thỏa hiệp về sự ngưng thí-nghiệm võ khí hạch tâm nữa, và phải mau mau chấm dứt một hiểm họa vô cùng nguy ngập cho toàn thể nhân loại. Hy vọng lớn lao nhất của các nước trung lập là một khi hoàn tất các loạt thí nghiệm còn đang dang dở này, về phía người Nga cũng như về phía người Mỹ, hoàn cầu sẽ đạt tới chỗ cấm chỉ tuyệt đối các cuộc

thí nghiệm khác. Brésil nỗ lực đưa ra đề nghị lấy ngày 1 tháng giêng năm 1963 làm khởi điểm cho sự cấm chỉ trên.

Người Nga cho biết hiện đã có nhiều điểm thỏa thuận, giữa các đề nghị của Mỹ và của Nga về các phi thuyền phóng hỏa tiễn và chế tạo võ khí. Người Mỹ thì đưa ra trình bày thuyết của họ về phương thể kiểm tra sự giảm bớt lần lần các phi thuyền phóng hỏa tiễn, người Xô-Viết đòi phá hủy 100% toàn thể các phi thuyền và kiểm soát 100% các địa điểm phóng phi thuyền và chế tạo võ khí. Trên các điểm này, vẫn còn có ít nhiều điểm bất đồng ý kiến, tuy nhiên về phương thể phá hủy võ khí và kiểm tra sản xuất võ khí, hai nước đại cường đều tuyên bố cũng đã đi gần tới quan điểm của nhau.

* * *

Thế là cuộc gặp gỡ có tính chất ngoại giao khá lớn lao diễn ra tại Genève trong tháng trước đã kết thúc bằng ba vụ : nước Lào, nước Đức và vấn đề tài giảm binh bị. Trong ba vụ, tựu trung có vụ nước Lào là đáng cho mọi người lưu ý, bởi là một biến cố đặc biệt trong quan hệ giữa Đông và Tây cùng thỏa thuận thiết lập một nước Lào trung lập cho cả ba khuynh hướng thân cộng, chống cộng và trung lập sống chung với nhau trên một giải đất nhỏ hẹp để coi xem thái độ của nhau thế nào.

Biến cố ấy, tuy nhiên, bị đặt trong một bối cảnh quốc tế cực kỳ dây dưa và lòng thòng, diễn ra nhân vụ nước Đức và vấn đề tài giảm binh bị mà chúng tôi đã dụng ý phác họa bằng một vài nét ở trên. Trong bối cảnh ấy, vụ trung lập hóa nước Lào, mặc dù quan trọng tự bản chất, bị loãng đi và cơ hồ cũng trở thành một vụ dây dưa và lòng thòng như bất cứ một vụ phân tranh quốc tế nào. Nó cũng như các vụ phân tranh quốc tế khác là dấu hiệu của thời đại chúng ta, thời đại của những tâm thần phân vân, bất định : nửa muốn hòa bình vì lòng dân thực muốn hòa bình, nửa muốn chiến tranh vì cho có chuẩn bị chiến tranh mới thực hiện được hòa bình. Muốn tiến nhưng lại sợ, sợ nhưng vẫn muốn tiến. Tâm lý ấy còn tồn tại mãi, nếu hiềm khích vẫn còn liên miên mãi, do đấy không một vụ phân tranh quốc tế nào có thể giải quyết được dứt khoát, mà cũng không một vụ phân tranh quốc tế nào có tầm mức quan trọng có thể quyết định được vận mệnh thế giới lúc này. Vụ Lào tưởng là xong nhưng rồi lại thấy không xong. Vụ nước Đức tưởng đã tạm yên rồi lại thấy như không còn thể điều đình gì được. Vấn đề tài giảm binh bị đương lâm vào ngõ bí, rồi lại thấy hai khối tuyên bố quan điểm mỗi bên hiện đang tiến lại gần nhau. Đó là tinh thần của Hội nghị Genève mới và cũng là tinh thần của thời đại nguyên-tử và thái-không, trong đó « trí » bỏ xa « tâm » quá nhiều.

HOÀNG-MINH-TUYNH

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth « **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto « **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

DOHAMIDE

2

NGƯỜI CHÀM

tại Việt Nam ngày nay

(xem từ B. K. số 135)

B) Giới lãnh đạo tinh thần thôn ấp

Các thôn xóm Chàm hiện vẫn tổ chức Hội đồng xã như những thôn xóm khác tại Việt-Nam, nhưng mà trong cơ cấu tổ chức xã hội, vẫn có một số người nắm giữ lấy giềng mối tinh thần của người dân trong thôn ấp. Đó là những vị chức sắc trong đạo giáo.

Hiện người Chàm miền Trung đa số (lối 2/3) theo đạo Bà-la-môn, gọi là « *Chàm Kafia* ». (ông Nghiêm Thẩm trong tạp chí Q. H. đã phân tách tỉ mỉ vấn đề này).

Lối 1/3 theo Hồi-Giáo gọi là « *Chàm bani* ».

Tuy nhiên, nếu đứng trên căn bản lý thuyết thuần túy mà nhận xét, thì tín ngưỡng của người Chàm hiện nay không còn đúng với hai tôn giáo kể trên, vì qua thời gian sự hành đạo tại địa phương đã sai lạc đi rất nhiều. Ở đây chỉ coi là vấn đề tập tục lưu truyền mà thôi.

Dù vậy, người ta cũng có thể nhận được dễ dàng ở điểm khác nhau là người *Chàm bani* (bani tức là đạo ; kafia là ngoại đạo) kiêng thịt heo, dĩ nhiên không nuôi heo trong nhà, còn người *Chàm kafia* hay là « chăm » thì kiêng thịt bò (nhưng vẫn nuôi bò). Tuy hai bên đều sống trong những thôn xóm riêng biệt, nhưng họ vẫn liên lạc với nhau do một số

tập tục cúng kiếng có tính cách chung cho hai nhóm.

Sinh hoạt tinh thần đó đã nảy sinh một giới tăng lữ chuyên nghiệp trong các thôn ấp Chàm.

Về người Chàm *bani*, mỗi tập thể xã hội gồm từ 1000 đến 2000 dân có cất một Thánh đường trang hoàng như mọi Thánh đường Hồi Giáo khác tức chiều dài hướng theo Đông Tây và bên trong không thờ phượng chi cả.

Người ta được biết là Hồi Giáo đã do các nhà hàng hải Á rập mang đến truyền bá vào thế kỷ XI nhưng mãi đến thế kỷ XV Chiêm Thành mới bắt đầu chịu ảnh hưởng.

Muốn nhận rõ hiện trạng Hồi Giáo ngày nay của người Chàm *bani* ta chỉ nhìn vào sinh hoạt trong Thánh đường là rõ.

Tại ngưỡng cửa, bảy tảng đá bằng phẳng dùng làm nơi rửa chân cho các vị chức sắc trong đạo, trước khi bước vào.

Bên trong, chiếu được trải trên nền gạch hoặc đất và những chiếc bị vải máng trên vách đựng các quyển kinh chép tay mà nội dung đã bị sửa đổi rất nhiều nếu kể những điều bổ túc sau này do ảnh hưởng của tập tục lẫn lộn với những tín điều của Bà-la-môn.

Do đó, nếu Thánh đường Hồi Giáo các nơi mở rộng cửa hằng ngày tiếp đón đạo hữu đúng giờ đến hành lễ, thì trái lại ở đây cửa Thánh đường lại đóng kín và công việc mở cửa đòi hỏi nhiều thủ tục lễ bái phiền phức.

Thánh lễ ngày thứ sáu vẫn được cử hành mỗi tuần nhưng lại theo thể thức luân phiên, tuần ở thánh đường thôn này, tuần ở thánh-đường thôn khác. Mỗi thánh-đường phải mở cửa ít nhất một tháng một lần và đó chỉ là công việc đặc-biệt của giới tăng-lữ, còn người dân thường thì chỉ đến chiêm ngưỡng với tư cách là khán giả cung kính và bàng quan mà thôi.

Sắc phục của ông Mươm, tay cầm gậy, đầu chít khăn, trước ngực có đeo khăn đỏ xanh để lau miệng khi ăn trầu và trước cái túi màu sặc sỡ trong đẹp mắt

Giới tăng-lữ đó trong một thôn, lấy thánh-đường làm đơn vị, thì có từ 18 đến 20 người, đứng đầu là ông *Guru* (danh-từ mượn ở Bà-la-môn) quyết định mọi việc với sự cộng tác của một số chức sắc :

— Ông *Mươm*
— Ông *Tip.*
— Ông *M' Đinh*
— Ông *Chang*

Các vị kể trên được phân biệt dễ dàng trong dân chúng do cách ăn mặc đặc biệt : một chiếc áo dài trắng khởi đầu gối, gài nút giữa

Sắc phục của một ông Chang, hoặc ông Mươm, khi ở nhà hoặc khi làm việc

với cái chăn trắng, đầu cạo trọc và đội một cái khăn cũng màu trắng viền đỏ ; trong các cuộc lễ, họ đội một cái mão tròn vành rộng trên đó vắn một cái khăn.

Mỗi người trước ngực thường đeo một chùm vải cắt miếng, đủ màu, và đàng sau lưng ba bốn cái túi vải nhỏ dành đựng các thức cần dùng và nhứt là trầu.

« Ôông Guru » mặc cái chăn gọi là « khăl banh Djih » có viền phía dưới, còn những vị kia thì chỉ mặc những cái chăn màu trắng trơn.

Khi có một chức vị nào khuyết, dân chúng trong thôn sẽ họp lại để cử người thay thế lấy trong số các vị ở cấp bậc dưới. Không có một tiêu chuẩn nào phân định thể thức chọn lựa này cả, thường một phần là do cảm tình cá nhân, một phần là do các cuộc đút lót các vị chức sắc cấp trên có uy tín và quyền thế.

Một người được chọn làm Chang sẽ làm lễ xuống tóc và qua một thời gian học đạo, học các thể thức hành lễ ; nếu không biết ăn trầu thì phải tập ăn trầu.

Các thể thức hành lễ kể trên được lưu truyền chớ không chép trong sách nào cả. Dĩ nhiên khi giảng giải lại thì cũng tùy vào ý muốn của kẻ giảng, muốn thêm bớt chi tiết nào cũng được. Sự trạng đó kéo dài lâu ngày khiến những kẻ tìm hiểu khó mà nhận ra đâu là những yếu tố nguyên thủy và đâu là những điều đặt để về sau này, đặt thêm như vậy trong những trường hợp nào.

Trên nguyên tắc ông Guru quyết định mọi việc, nhưng trong thực tế vị này chỉ chủ tọa các cuộc lễ đạo. Thực quyền ở trong tay một vị gọi là « *Mươm Tanh* » tức ông Mươm mới (từ ngữ « Tanh » ở đây có lẽ do « Tân » trong Việt-ngữ) được cử lên. Lợi lộc của dân chúng cúng hiến đều do Mươm Tanh trọn quyền định đoạt phân phát. Vị này sẽ từ chức để dân cử người khác lên thay khi mùa màng của dân chúng thất bại, hoặc trong thôn xóm có xảy ra những điều không hay.

Đến tháng 2 hay tháng 3 dương lịch gọi là « *bulan ơk* » (tháng nhịn đói) tức tháng Ramadau của người Hồi Giáo, các vị chức sắc kể trên phải đem áo quần vào ở trong thánh

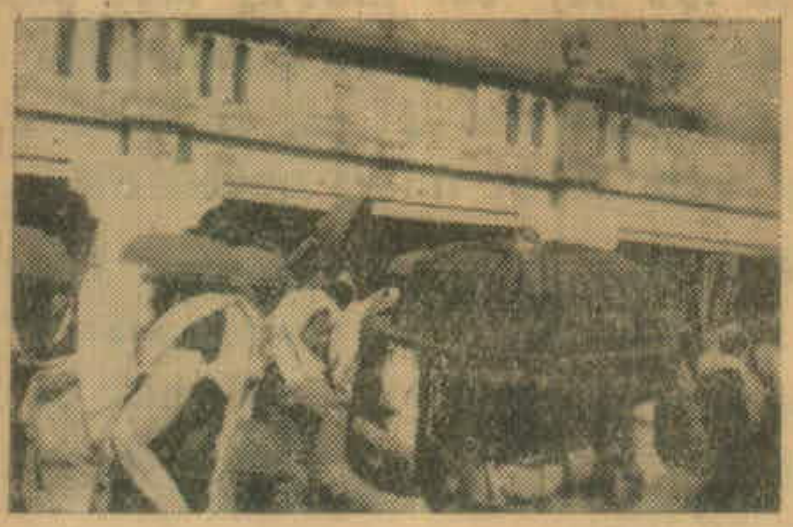

Mọi người đang chen lấn nhau để đưa mâm chè xôi hoặc mâm cơm cho thầy Chang

đường. Toàn thể nhịn từ sáng đến đúng ngọ mới ăn rồi nhịn nữa cho đến chiều tối. Trong khi nhịn, các vị này thường nằm yên, và nằm nghiêng bên mặt, không cử động gì cả.

Đến giờ ăn thì người nhà sẽ đem cơm đến.

Việc nhịn ăn như vậy kéo dài trong ba ngày và từ ngày thứ tư cho đến cuối tháng, họ dành cho những việc hành lễ, cầu nguyện mỗi ngày năm lần (đúng ra Hồi-giáo bắt buộc không những chỉ cầu nguyện năm lần mỗi ngày trong tháng này mà tháng nào cũng phải cầu nguyện như vậy) và khi hành lễ thường một số đông bào nhất là đàn bà con gái, ngồi xếp bằng phía sau chắp tay ngang trán khẩn vái, và nằm dài trên nền đất, cách thức lạy của những người theo đạo Bà-la-môn du nhập.

Trong giới tăng - lữ không mấy người có thể hiểu được những câu kinh họ đọc, để mà giải thích lại cho dân chúng rõ.

Quyển Coran chẳng hạn là Thánh kinh căn bản của Hồi Giáo lại có những cái tên lạ như « Zapuk a-çalam », « Cur' ưn »...

Nhưng mà phong cảnh núi rừng hùng-vĩ bao quanh giúp người dân địa phương một niềm tin mãnh-liệt. Các rào cây của mỗi thôn ấp khép kín lại nên đàn cừu dù muốn dù không cũng phải theo con đầu đàn. Đúng hay sai, phải hay quấy, không quan trọng lắm, cái cần yếu là người ta phải có một chỗ dựa tinh thần.

Có điều người dân Chàm miền Trung phải tốn kém về việc cúng bái nhiều quá ; cúng người đã chết và lại còn cúng để trừ tà diệt quỷ. Giới hưởng thụ lợi dụng thần-linh cổ bám lấy tập tục ngàn xưa để tung hoành trong sự ngu muội và mê-tín.

Sự giải thích của các cấp tăng-lữ, về mọi ràng buộc của tập-tục đều chỉ dựa vào lập luận « ông bà ta đều làm như vậy từ xưa đến nay ». Mối lo ngại bị ông bà quở rồi bị đau ốm làm cho người dân

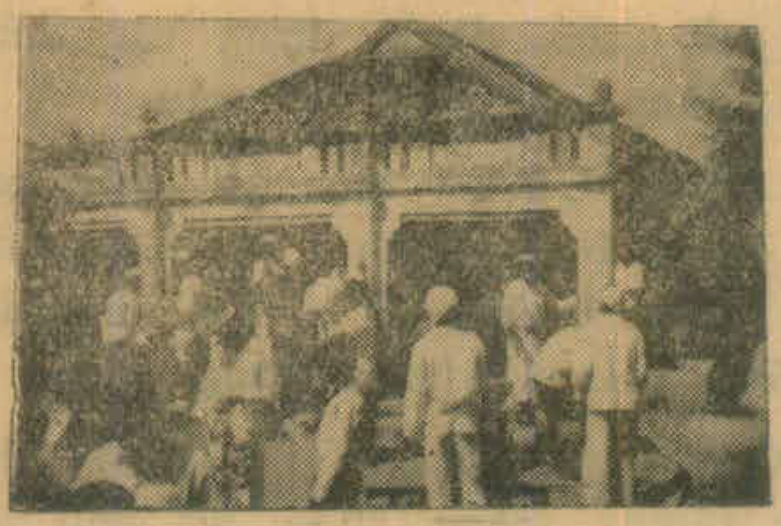

Quang cảnh sân chùa sau buổi lễ thầy Chang và người nhà bàn tán để di chuyển những cái « chiếc » đựng sách vở và đồ ăn mà người ta gọi là « lóc » về nhà

đành chịu khép mình dưới khuôn khổ của các ông Guru, ông Mươm...

Cho nên khách bàng quan có lẽ không ai tưởng tượng được rằng cả một thôn ấp, mà không một người dân thường nào dám cắt cổ một con gà vì cho rằng con gà là vật cúng, có tính cách thiêng-liêng, nên chỉ các ông Mươm, ông Chang mới đủ tư cách làm công việc ấy !

Các cấp tăng-lữ ở đây, tạo cho người dân niềm tin cậy ở giới đứng đầu thôn xóm có khả-năng bảo-vệ người dân trước muôn ngàn thần-linh, khuất mặt, có những sự trừng phạt rất đáng sợ.

Ngoài « *Aw loak* » (tức Allah, Thượng-đế duy-nhất trong Hồi-Giáo) họ còn nhận một đẳng thần linh khác « *Wa Hỗk Pô Kuk* » quyền lực hơn cả « *Aw loak* » nữa.

Do đó giới tăng-lữ Hồi Giáo ở đây không phải là chỉ làm những công việc trong đạo mà còn thiết lập cả những lễ cúng không liên-hệ gì đến Hồi Giáo cả.

Các thôn xóm Chàm « Ka-fia » cũng có một hệ thống tăng lữ riêng.

Dưới thời các vua chúa Chiêm Thành đạo Bà-la-môn là tôn giáo chính, còn lưu lại nhiều dấu vết trên các đền thờ rải rác khắp miền Trung.

Các tu sĩ ở đây cũng mặc chăn áo trắng, nhưng có thể phân biệt với hệ thống bani ở điểm lưng áo tu sĩ Bà-la-môn không có viền ở bả vai hình vòng cung cái cửa, và nút thì gài một bên như áo dài Việt, không có hàng nút giữa.

Trong hệ thống giới tăng lữ, người ta có thể kể trên hết là *Pô Adía*, « *Ôông Xa* » chuyên chủ toạ các lễ Đạo Bà la môn, vấn khăn trắng như các ông Mươm.

« *Ôông Xeh* » vấn khăn đỏ.

Tất cả cữ thịt heo và thịt bò.

Việc gia nhập vào hàng ngũ của các tu sĩ này, xem như là được sanh lần thứ hai, bao gồm những lễ cúng rất trọng thể. Tuy vậy, các vị này đứng về phương diện hiểu biết cũng không hơn gì các ông mươm. Họ chỉ lập lại những câu kinh như vẹt và nhớ tỉ mỉ từng cử chỉ nhỏ nhặt trong các lễ cúng, vì theo họ tin tưởng, thì một chút lầm lẫn trong cử chỉ này sẽ gây những hậu quả vô cùng tai hại.

Tất cả những thần linh chính yếu của Bà - la - môn như Çiva, Umâ, La Ksmi, Brahma... Lắm lúc được thay thế bằng những Pô Nagai, Pô Klong Garai, Po Binh Thuor, Pô Romê Po Sah và cả Po Owloh tức Allah của Hồi Giáo.

Nhưng đó không phải là những tên tưởng tượng ra mà chính là tên của những vị vua chúa còn lưu danh trong hậu thế do một thành tích gì đó, nay được thần thánh hóa và dân dà thành đồng hóa với những thần linh được tôn sùng từ trước.

Pô có nghĩa là chủ, là Thượng đế..., trong xã hội Chàm miền Trung, những « Pô » không kể xiết :

Umar thành Pô măl, Abubakar thành Pô kăl, Mikaël thành Mikaëlăk, Djibril Djihaëlăk, Izroël Pô Kraëlăk...

DOHAMIDE

Kỳ sau : *Cuộc sống gia đình*

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

Nguyễn-Văn-Hầu

Hò miền Nam

(xem tiếp B. K. từ 135)

Tiết-điệu và âm-vận trong câu hò

Tiết-điệu trong câu hò miền Nam biến đổi khá nhiều, song có thể hiểu gom được trong hai điệu chính : hò *huê tình* tức tiếng hát chậm mà hơi dài ra và hò *lăn*, tức tiếng hát mau mà hơi ngắn lại. Tuy nhiên dù *huê tình* hay *lăn*, dù có hằng chục điệu hát hò dị-biệt của mỗi địa-phương : Sa-Đéc, Tháp-Mười, Mặt-Biển (1), người mộ hò bao giờ cũng phải biết sành cung-đoạn, âm-giai thì mới được hạng đàn anh đàn chị trong giới nhận cho là khách đồng thuyền.

Người thi-sĩ bình-dân tuy không bao giờ chịu bó thắt lời ca trong một tiết điệu, khuôn khổ nào — họ tùy hứng mà sáng-tác và tùy nội-dung mà định hình-thức của nét nhạc — nhưng luôn luôn họ có một cung đoạn riêng để quyết định cho sự hô-ứng, cho lúc nghỉ ngừng. Mỗi câu hò, dù lục bát hay biến chế dài hơn lục bát, người ta đều chia thành ba đợt, không thể nào khác hơn. Chúng ta thử nghe một câu lục bát được hò lên thực sự :

Hò o ơ ớ ớ
Gió đưa con buồn ngủ lên bờ ờờờ...
Mùng ai có rộng ơơơ...
cho tôi ngủ nhờ một đêm ơơơơ...

Và một câu dài trong thể lục bát biến chế:

Hò o ơ ớ ớ...
Vật bạc tình bất thủ,
nhơn phi nghĩa bất giao ờờờ...
Anh nguyền thưởng bậu một dao ơơơơ...
răn người lòng dạ mận đào lỗ lăng ơơơơ...

Cuối mỗi đợt, người ta ngừng lại, ấy là để vừa nghỉ hơi vừa để lóng nghe

(1) Cũng gọi *giọng biển*, tức giọng của các miền nằm sát biển như Gò-Công, Rạch-Giá, Hà-Tiên.

tiếng *hòa hơ* của người « đồng thanh tương ứng ». Còn gì tẻ nhạt cho bằng một câu hò vang lên mà không có một câu hò đáp lại! Khách mộ hò đi qua một con đường nằm xuyên thửa ruộng cấy, tất không sao nén được mà không cất giọng hát hò mong được các cô thợ cấy trổi giọng tâm-tình cho vui chân và cho đường xa ngắn bớt. Nếu các cô làm thinh không ứng tiếng *hòa hơ* nối điệu thì thật là buồn, khách sẽ biết rằng các cô không hò đáp lại và sẽ thẫn-thờ im lặng để cứ lầm-lũi mà đi giữa một không khí nặng-nề. Nhưng nếu các cô ưng hò với khách, thì không phải đợi đến dứt câu, khách chỉ ngân lên một đợt là các cô đã ứng giọng *hòa* liền. Khách sẽ khoan-khoái và biết chắc rằng mình không đến nỗi bị rơi vào đơn-độc. Ta thử nghe một anh chàng trổi giọng và một cô nàng hòa điệu rồi hò tiếp theo. Đây là câu của chàng:

Hò o i í í...
Thấy em cái gò má hồng hồng ì ì ì...
Hòa hơ ơ ơ... (tiếng nàng)
Phải chi em đừng mắc cỡ í i i i...
Hòa hơ ơ ơ... (tiếng nàng)
đừng mắc cỡ thì anh xin bồng anh hôn i i i i...(1)

Và đây là câu của nàng *hòa* tiếp theo rồi *bắt*:

Hòa hơ ơ ứ ứ...
Chuyện vợ chồng đâu có khá bôn-chôn ư ư ư...
Hòa hơ ơ ơ...(tiếng chàng)
Anh thương em xin dè-dặt ư ư ư...
Hòa hơ ơ ơ...(tiếng chàng)
chớ có để thiên hạ đồn không hay ư ư ư.

Cứ để chàng ngắt hơi thì nàng *hòa hơ* mà nàng ngắt hơi thì chàng *hòa hơ*, và khi một bên dứt câu thì bên kia vừa *hòa* vừa cất giọng hò luôn, mãi cho đến khi nào bể tình vơi hẳn, hay một người bị *đứt* đi, tiếng *hòa* mới im và một cuộc hò mới được coi là chấm dứt.

Người sành hò lại phải biết *bắt* được vần y như vần của nhà thơ. Một câu hò ý tứ sâu xa, đối đáp chỉnh-tề, âm-điệu thâm-trầm mà không *bắt* được vần của người đã *bỏ* thì không thể nào kể là hay được, và ở trong những hội hò, hò như vậy có thể coi như bị *đứt*. Chúng ta thử nghe một câu hò hay nhưng người *đối* không *bắt* được vần của người đã *bỏ*:

Câu *bỏ*:

Chim chìa vôi bay ngang đám thuốc
cá bã trầu lội tuốt mương cau;
Đâu anh đối thử cho mau;
em đây chịu khó đứng hầu lóng nghe (2)

Câu *bắt*:

Nước chanh giấy rưới vào mắm mực
rau mũi viết trộn lẫn giấm son;
Bốn mùi hiệp lại càng ngon;
cũng như qua gần bậu chẳng còn nhớ trồng.

Câu trên lấy *vôi, thuốc, trầu, cau* là đồ dùng trong hôn-lễ, câu dưới đem *giấy,*

(1) Những giọng *hò o ơ ớ ớ, hò i i í í* hay *hò ư ư ứ ứ* tùy theo sở thích của mỗi người hoặc mỗi miền, không bắt-buộc: những tiếng lặp lại ở đợt cuối (Phải chi em đừng mắc cỡ... *đừng mắc cỡ* thì anh xin bồng anh hôn) cũng vậy.

(2) Các dấu chấm phết (;) trong mấy câu hò từ đây trở đi, là dụng ý chỉ nơi chia đợt.

mực, viết, son là dụng-cụ văn-phòng, thật ứng đối chỉnh-tề không chê vào đâu được. Nhưng về vần, chữ cuối câu *buông, bỏ,* vần *nghe* mà chữ cuối của đợt đầu câu *đối, bắt* vần *son* thì không sao gọi là hoàn-thiện được.

Thử xếp loại những câu hò

Theo dõi hò miền Nam, người ta thấy cách sử-dụng văn-chương trong đó có thể chia được làm ba loại chính : *hò mép* (có nơi gọi *hò môi*), *hò văn* (cũng gọi *hò sách*) và *hò truyện*.

Hò mép. theo quan-niệm chung ngày nay, được coi là xứng đáng tiêu-biểu trung-thành cho tiếng nói của người bình-dân trước mọi cảnh. Tuy nôm-na, không dùng điển-tích cao kỳ và không mang nặng thành-ngữ Hán-Việt, loại hò mép dễ làm rung cảm người nghe một cách sâu-sắc. Còn gì gợi cảm hơn khi nằm troug một khoang thuyền trôi bồng-bềnh dưới trăng giữa dòng Tiền-Giang hay trong lòng kinh Vĩnh-Tế mà được nghe một vài câu hò mép của một tay hò tốt giọng :

Vai mang chiếc nóp rách
tay xách cỗ quai chèo ;
Thương con nhớ vợ ;
bởi vận nghèo anh phải ra đi.

. . . . .

Con chim nho nhỏ
cái lông nó đỏ
cái mỏ nó vàng ;
Nó kêu người ở trong làng ;
đừng ham lãnh lụa phụ-phàng vải bô.

Hò văn (hay hò sách) tức dùng những câu văn trong sách nho ghép vào câu hò. Loại hò nầy các tác-giả bình-dân dễ phạm vào những sai lầm, những nặng-nề của dụng-ngữ. Tuy vậy người ta cũng đã hò rất nhiều và cũng có lắm câu giá-trị :

Cửu hạn phùng cam võ
tha hương ngộ cố-tri ;
Tình cờ mà gặp mấy khi ;
hỏi thăm thục nữ giai-kỳ định chưa ?

. . . . . .

Tửu phùng tri-kỷ thiên bôi thiểu
thoại bất đầu cơ bán cú đa ;
Miễn cho anh nói thiệt-thà ;
dẫu cho Hồ-Việt một nhà lạ chi !

Ảnh-hưởng luân-lý trong Truyện Tàu *(Phong - Thần, Tam - quốc...)* truyện Việt *(Phạm-Công, Thạch-Sanh...)* gieo rắc vào quần chúng từ lâu lắm, nhưng chưa sâu rộng bằng khi có các truyện diễn-nghĩa bằng quốc-văn ra đời. Người ta đã dùng điển-tích trong truyện để xa gần, cao thấp với nhau. Một người *hò truyện* hay phải là người thuộc làu nhiều truyện-tích và một người hò đối lại rất dễ-dàng bị đứt nếu mình chỉ giỏi được có một loại hò mép hay một loại hò văn (1).

---

(1) Loại *hò truyện*, ngoài những tích rút trong truyện sách, có khi người ta đem trọn nhiều câu trong *Lục-Vân-Tiên, Thạch-Sanh* ra hò (gần như *nói thơ*). Điệu hò nầy lúc nào giọng cũng ngắn và mau, ít trầm bổng, khởi đầu thực cao rồi đến cuối mới dần dần trầm xuống (tức *hò lăn*). Trên các xe kéo gỗ và các ghe chở mía làm đường miền Tây-Ninh xuống, thỉnh.thoảng có những điệu hò đó Thí dụ :

Hồ ơ ; Vân-Tiên ghé lại bên đường ờ.
Hòa ơ. Bẻ cây làm gậy ờ ; Hòa hơ ; nhằm đường chạy vô ơ.

Một vài câu hò truyện chứa đựng nhiều sự việc, nhiều nhân vật trong các truyện xưa cũng nói rõ được tinh thần chuộng lễ-nghi, chuộng tiết-tháo của người bình-dân, đó là chưa kể đến phần văn-chương lưu-loát của nó :

Chẳng thà em chịu đói chịu rách
học theo cách bà Mạnh bà Khương ;
Không thèm như con Võ-Hậu đời Đường ;
làm cho bại-hoại cang thường hư danh.
. . . . . .
Anh tỉ phận anh
chẳng thà ở lều tranh như thầy Tăng thầy Lộ ;
chớ không ham mộ như Vương-Khải, Thạch-Sùng ;
đạo người giữ vẹn cơ-cùng sá bao !

Những loại hò kể trên có khi được tổng hợp làm một, có khi chỉ phối-hợp vài loại lẫn lộn với nhau, người giỏi hò tự ý uyển-chuyển xoay sửa, miễn làm sao diễn-tả được chân - cảm của mình chứ không bắt buộc luôn luôn phải tách riêng như thế.

Một vài câu đối đáp tiêu-biểu

Đi vào thăm khu vườn dân-ca miền Nam mà không hái lượm được một vài câu đối đáp của nam nữ ca-sĩ trong đó k cũng thiếu sót.

Không thấy có câu hò đối đáp giữa trai và trai hay gái và gái. Trừ lối *hò rơi* có tác-dụng ưu-thời, than thân, hứng cảnh, một cuộc hò đối bao giờ cũng phải hò giữa trai gái với nhau. Đôi khi túng ngặt không đủ trai gái để gầy một nổi cuộc hò, người ta mới hò thuần trai hay gái, nhưng đề-tài và cách xưng hô lúc nào cũng là chuyện tình duyên giữa nàng với chàng. Người ta đã mượn chàng để làm nàng hay mượn nàng để làm chàng cho xứng cặp đủ đôi và để câu chuyện thêm phần phong phú.

Cũng ít khi thấy có câu hò nào hoàn-toàn thoát-ly lối văn lục bát. Như thế người muốn hò phải học làm thơ lục bát? Không. Người ca-sĩ của thiên-nhiên kia không cần phân biệt đâu là tiếng trắc tiếng bằng. Những tiếng kẽo-cà kẽo-kẹt của chiếc võng hòa điệu vào những câu hát ru em đã tự nhiên nuôi dưỡng nhạc chất lục bát trong người họ từ lúc chưa rời vú mẹ kia rồi. Họ cứ việc mà ca mà hát mà quen dần đi. Họ cũng không bao giờ biết gì đến siêu-hình, tượng-trưng, tả-chân, hiện thực mà chỉ nhẹ nhàng, giản-dị, tự-nhiên để rồi đưa dẫn người nghe đến một rung cảm sâu xa.

Họ chân-thành mà hóm hỉnh, nhanh trí để khước từ một nẻo bí mà đối-phương lùa vào, cho đến khi nào cùng lắm mới phải chịu *đứt*. Một câu *hò tố*, đã được thốt ra từ cửa miệng nàng con gái, ý muốn chối bỏ một cuộc trao lời :

Nhơn-sâm đắng tợ bồ-hòn ;
Nếm vô một miếng ; lưỡi cuốn tròn trơu trơu.

Ý thật chua cay gay-gắt mà vần thì đắng chẳng kém bồ-hòn, nhưng anh trai cũng cố gắng :

Trong cuốn vần quốc-ngữ có chữ o u ơu ;
Vần sao quá mắc ; anh biết chừng nào học xong !

Đã không có cảm-tình, cô con gái không chút nào nhượng-bộ, tấn-công tới-tấp và trở lại cái vần khó-khăn gần như cái vần trên kia :

Không xong xin chớ có hòng ;
Bạn ơi em sợ ; mắc anh chồng lêu lêu.

Vậy mà anh trai còn chưa chịu *đứt*, tuy đã than dài và tỏ vẻ chán-nản :

Đường Tam-Tạng mắc nạn tại nước Tỳ-Khơu ;
Anh đây nguyền tưởng bạn ; mà bạn bỏ tôi sao đành !

Lắm khi không *bỏ* vần khó nhưng người ta đưa ra những câu *lái mẹo* cũng làm cho đối-phương phải bối-rối. Hãy xem cái sâu-sắc, nhanh-nhẹn của một cô chèo đò :

Em đau tương-tư trận nầy chắc chết
không biết thuốc chi cho hết gá nghĩa duyên lành ;
Anh thương em mau về kiếm trái dừa khô lộn kiếp ;
kiếm bụi chùm gởi đóng hành cứu em !

Thế nhưng chàng trai đồng ruộng của chúng ta cũng không vừa, tỏ ra mình rất mực tinh khôn và không hề chịu chiều lụy ai :

Em ơi
Em về tìm vảy con cá trê vàng ;
Em tìm gan con tép bạc ;
thì anh với nàng gặp nhau.

Dừa khô lộn kiếp, chùm gởi đóng hành cũng như vảy cá trê và gan tép, có tài nào mà kiếm được ! Thật quả là câu chuyện lá-lay : gừng cay ớt cũng cay, vỏ quít dày, móng tay nhọn.

Một đôi khi cuộc hò bị cắt đứt ngang từ câu giáo đầu, vì gặp phải câu *mẹo* quá khó :

Rắn hổ đất nằm trên cây thục-địa
ngựa nhà trời ăn cỏ chỉ thiên ;
Em đây là thục-nữ thiền-quyên
nghe tiếng anh văn-học ;
Anh mà đối đặng em nguyền theo không.

Thiên trời, địa đất, rắn hổ và con bọ ngựa, dễ đâu mà kiếm cho ra sự tương-ứng tức khắc được. Mà nếu người thanh niên đa tình kia ấm-ứ đôi phút không cất giọng đáp lời thì lề-lối của điệu-nghệ đâu cho phép kéo dài câu chuyện ân-tình thêm nữa (1).

Một vài câu hát đố như câu dưới đây, được vay mượn từ một nơi khác rồi *bẻ* đi đôi chữ cho hợp tình-cảnh, người ta cũng làm cho đối-phương bí lối :

---

(1) Nghe nói câu chuyện đầu đuôi như vầy : Vào một đêm trăng, một cậu trai sau khi đập xong bã lúa, cha cậu sai xách ve ra bờ kinh mua rượu để kịp về dùng bữa tối. Vừa tới đầu đường, sát mé kinh, thì nghe có tiếng ai hò văng-vẳng. Cậu dừng lại, chờ. Một cô con gái, mình dẻo như một đoạn song non, uyển-chuyển theo nhịp rọc nước của mái chèo đôi và chân vung-vẩy đong đưa như muốn nhắc nâng chiếc thuyền lướt tới. Nước xuôi chèo mạnh, thuyền trôi đi vùn-vụt. Cậu ứng giọng *hòa ơ* với cô. Khi tới quán rượu cũng vừa lúc hai người say-sưa hát-hò thì cô *buông* ra câu *lái mẹo* trên đó.

Cậu trai không đối kịp, mà chịu *đứt* thì còn gì thể-diện của một vùng, nên cậu co chân sải lẹ vừa để cho cô kia biết rằng cậu chưa chịu thua, vừa nghiệm nghĩ lung-tung trong óc câu hát trả lời. Sau cậu mệt lả mà không đối được, đành chịu *đứt*, lần-thần trở về trong khi hơi thở của cậu cũng muốn *đứt* luôn.

Lại nghe nói sáng ra cậu có thuật lại cho một người bạn của cậu nghe, người ấy đối ngay : «Con cua *biển* làm hang bờ đại *hải*, chim chích *choè* đậu trên nhánh thanh *trà*...». Nhưng cậu chê là không đứng : vần không bắt được và đối cũng không chỉnh.

Đố anh con rít mấy chưn ;
Cầu ô mấy nhịp ; chợ Dưng mấy người ?

Chợ Dinh được đổi thành chợ Dưng, tức chợ Mặc-Cần-Dưng, một danh-từ còn giữ đúng thổ-âm, thuộc Long-Xuyên. Chân rít và người nhóm chợ làm sao mà đếm biết lượng-số cho được ! Thôi thì hãy đáp quàng một câu để được cười xòa lên cho khỏi bẽn lẽn với nước với trăng :

Em ơi !
Em đố chi câu đố ngặt nghèo ;
Anh đây đố em lại ; chớ con mèo có mấy lông ?

Qua những đối đáp trong một ít hò cấy, hò chèo ghe, cho ta thấy sự phong phú trong khả-năng sáng-tác của người bình-dân Việt. Họ còn rất dồi-dào trong tình-cảm, bén nhạy với phản-ứng để có thể kéo dài mãi bản đàn lòng trong nhịp sống dân-tộc như không bao giờ chấm dứt.

⁂

Từ hậu-chiến đến nay, tiếng hò chìm dần về dĩ-vãng, Tâm-trí người ta hình như bị hoang-mang bởi sự bấp bênh của thời cuộc mà không dám nghĩ ngợi gì nhiều tới «khúc trường ca bất tận» năm xưa. Bao nhiêu tiếng *hó lơ hò lờ* cụt ngủn và tưng bừng như muốn biểu diễn trung-thực cái hấp-tấp tranh sống tranh còn của hiện-tại, đã có dịp trỗi lên thay cho cái trầm-lắng u-hoài, tha-thiết của tiếng hò hát huê-tình ngày trước (1)

Những chiếc xe trâu kéo gỗ từ miền rừng núi Tây-Ninh đến vùng sơn-cước Thất-Sơn nay đã thay bằng những chiếc xe hơi hàng nhiều mã-lực. Những chiếc xuồng câu trên dòng sông Sở-Thượng, Rạch-Gầm hay những chiếc ghe buôn từ kinh xáng Phong-Mỹ đến Bến-Lức, Thủ Thừa đã được gắn máy đuôi tôm thay cho sức tay chèo chống. Những đôi trâu hì-hục kéo cày, những chiếc xa nhịp-nhàng quạt nước khắp các đồn-điền Cái-Sắn, Tháp-Mười đã được đổi ra các máy cày máy bơm... Tiếng động-cơ của tất cả vang lên ầm-ĩ, thật ầm-ĩ đã xé tan cái không khí tịch-mạc, trầm-lặng của thôn-quê và làm át mất đi tiếng hò quen thuộc từ mấy trăm năm của một miền đồng ruộng phì nhiêu mà ông cha khai-thác bằng xương máu.

Người ta đừng tìm nó trong máy truyền thanh, cũng không phải nghe nó trên sân khấu cải lương qua làn hơi thiên-phú của các nghệ sĩ. Cái giọng trầm buồn kéo dài sau mỗi đợt như đi tìm xuống cõi âm nào của điệu Cái-Bè hay cái giọng ử-ư cong quớt như đưa hơi thở về đỉnh non cao của điệu Cần-Thơ, chỉ còn thỉnh-thoảng tìm nghe được ở một vài tay hò lão-luyện còn sót lại trong đồng ruộng, tuy rằng ngày nay họ đã đội tới lớp tóc thứ hai ở trên mái đầu (2).

Hò đã là tiếng lòng trung-thành của dân-chúng, nó cởi mở, thiết-tha, say đắm và phác-thực. Nó tiêu-biểu chân-thành cho tâm-tình đa-cảm, trầm-mặc của người Việt chúng ta. Nó đúc kết mọi thứ mà nhà nghiên-cứu về văn-học, âm-nhạc, phong tục, ngôn-ngữ còn cần phải khai-thác thêm ra chứ không thể bỏ quên được.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

---

(1) xem điệu *hò lờ* trong *Ca-Dao giảng luận* của Thuần-Phong, *Á Châu* xuất-bản.

(2) Những dĩa hát của *Thầy Năm Tú Mỹ-Tho* ngày trước có điệu hát đối (khác hơn hò) của Bảy Thông, Hai Cúc, có thể coi như còn gần-gũi nhất với điệu hát truyền-thống.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHAM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

tổng kết về phong trào triết hiện-sinh

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

(xem tiếp B. K. số 135)

Nhận định riêng về từng triết gia một của phong trào Hiện-sinh, người ta có thể đưa ra những nhận xét này.

Về hai ông tổ, Kierkegaard và Nietzsche, người ta hay nhắc đến sự kiện cả hai ông cùng là những người... điên. Nietzsche thì điên hẳn, còn Kierkegaard thì đã điên cuồng từng cơn. Tự khi bắt tay vào viết cuốn *Ý-chí hùng-cường* và có thể ngay trước khi viết cuốn cuối cùng đó, Nietzsche đã có những cơn điên rõ ràng; nhiều khi ông nằm bất tỉnh ngoài đường. Nhờ người em gái săn sóc chu đáo, ông có thể sống thêm mươi năm nữa, nhưng những năm cuối cùng đó, ông chỉ là một cái xác vờ. Kierkegaard cũng điên : tuy cái điên của ông không đến nỗi phải đem vào nhà thương điên, nhưng về cuối đời, ông tỏ ra mất thăng bằng.

Sự kiện điên đó có thể gây thắc mắc cho những người ít hiểu, còn những bậc đàn anh trí thức trong thiên hạ không coi sao việc đó ; hơn nữa, như cổ nhân đã nói «In vino veritas» (say rượu hay nói thực ; chân lý ở trong rượu), thì gần đây Tâm-lý-học cũng đặc biệt chú ý đến sự kiện điên và coi đó là một trạng thái ý-thức đặc biệt. Người điên giống như đứa trẻ ; và cũng như đứa trẻ, người điên không bị ảnh hưởng bởi những cấm đoán xã hội như chúng ta, cho nên họ nói tất cả sự thực, tất cả những gì chúng ta không dám nói và thường không dám nghĩ. Thành thử sự kiện điên kia không làm giảm giá-trị của tư-tưởng Kierkegaard và Nietzsche, *miễn là thực sự hai tư-tưởng đó có giá trị* Mà hai tư-tưởng đó có giá trị thực ; hai ông đã có công đưa triết-

học trở về với những lo toan đích thực của nó, là lo cho con người biết sống cho ra người và biết chết cho hợp định mệnh cao cả của mình. Hai ông đã chấm hết thời kỳ toàn thịnh của thuyết Duy-tâm Hégel.

Về thân thế và sự nghiệp hai ông, người ta nhấn mạnh về sự hai ông không phải là những triết-gia như kiểu Descartes, hoặc những giáo-sư như kiểu Kant và Hégel. Hai ông cùng thuộc loại những *tiên-tri* (prophètes), dùng lời nói hơn là dùng chữ viết, và có viết, thì viết y như nói năng vậy. Và cũng như các bậc tiên-tri của các tôn-giáo, hai ông tự cho mình có *sứ mệnh* cải thiện đời sống con người: vì thế lời lẽ của hai ông thường có tính cách đả phá, gay gắt quá, và nói quá sự thực. Kinh nghiệm cho hay những người như thế mới có khả năng lay tỉnh dân chúng, chớ cứ nói cách dè dặt và hợp lý thì chẳng kích động được ai. Vậy khi đọc hai ông, chúng ta cần ý-thức về đặc điểm đó, để dễ hiểu hai ông, và để sửa chữa những chỗ nói quá của hai ông.

So sánh hai ông với nhau, ta thấy Nietzsche có ảnh hưởng hơn Kierkegaard. Nietzsche là tiếng sét phá tan sự yên-tĩnh và không khí an-nghỉ của thời đại. Ông là hiện thân của tinh-thần chống đối. Ông không để ta yên phút nào; đọc ông, ta cảm thấy bị tố cáo và bị lay động. Vì thế sự đọc Nietzsche là nguồn phát động suy nghĩ cho các truyết-gia hiện nay. Nhưng nếu thiếu Kierkegaard thì Nietzsche sẽ dẫn chúng ta đến thất vọng và phi lý. Kierkegaard đem lại cho triết Hiện-sinh những bổ túc cần thiết. Chính nhờ Kierkegaard mà triết của Jaspers đã tìm thấy thế quân bình và về nhân đạo; cũng chính vì thiếu Kierkegaard, cho nên triết của Sartre đã không có những kết luận cụ-thể và xây dựng, rồi kết cuộc bị rơi vào chỗ phi lý điên rồ. Thành thử, nhìn lại ảnh hưởng của hai ông, người ta có thể thấy: giả như thiếu Nietzsche, thì với Kierkegaard triết hiện-sinh sẽ rơi vào một thứ thần-học huyền-bí; trái lại, nếu không có Kierkegaard, thì với Nietzsche chúng ta sẽ không có những vươn tới cụ-thể và không có lối thoát khỏi tình trạng thất vọng. Cho nên hai ông tổ đã bổ túc nhau một cách tuyệt hảo: Nietzsche giúp ta phá bỏ những thần-tượng cũ kỹ, những lề thói hủ lậu, những ràng buộc vô cớ; Kierkegaard thì giúp vào công cuộc xây dựng nhiều hơn, có những giá-trị tích-cực hơn: ông giúp ta tìm tới Siêu việt và khám phá được tha-nhân trong niềm cảm-thông đích-thực. Trong các triết gia hiện-sinh, những ông nào như Jaspers chịu ảnh hưởng của cả hai ông tổ kia, thì chúng ta thấy một nền hiện-sinh phong phú hơn, và đầy đủ hơn; trái lại những triết-gia chỉ chịu ảnh hưởng của một mình Nietzsche, như Sartre, thì lời lẽ hay quá đáng và tư-tưởng thiếu phần xây dựng.

Chúng ta phải nói gì thêm về Jaspers, Marcel và Sartre? Chúng ta đã nói tất cả những gì là đại-cương và cần thiết để nêu lên những đặc sắc của mỗi luồng tư-tưởng đó. Ba người, mỗi người một vẻ. Ba triết thuyết hiện-sinh, mỗi thuyết đều có những cái hay cái dở. Nhưng dầu là cái dở của Sartre cũng đáng cho chúng ta kiêng nể. Cái dở của ông là

mũi giùi chọc vào lưng ta, không cho phép ta an nghỉ trong những định-kiến của mình. Marcel đưa ra một triết-lý nhân sinh vừa nhân-đạo vừa cao siêu : những phân-tích của ông về Chiếm-hữu và Hiện hữu, về Anh và Tôi với Chúng ta, là những nhận định rất giá-trị để xây dựng một xã-hội loài người xứng bậc nhân-linh hơn. Tuy nhiên phải công nhận rằng lời văn của Marcel thường khúc mắc, tỉ mỉ như kiểu chiết-tự, cho nên đọc không thoải mái như khi đọc Sartre và Jaspers. Jaspers ? Chúng tôi không giấu thiện-cảm đặc biệt đối với triết-gia này. Chúng tôi coi ông là hoàn toàn hơn cả trong bốn triết-gia hiện-sinh. Phương pháp « soi vào » của ông, một thứ Hiện-tượng-học riêng của Jaspers, là một phương pháp sắc bén để giúp ta đi sâu vào ý-nghĩa của cuộc nhân-sinh cùng là đạt tới những đầu cầu mà con người phải vươn tới : Siêu-việt và tha-nhân.

Có lẽ chúng ta nên nhận xét thêm đôi chút về triết-lý của ba ông.

Chúng ta đã thấy thái độ ngông-cuồng và phẫn-uất của Sartre. Ngông cuồng vì ông tự coi mình như Thượng-đế ; mà vì ông chủ-trương không có Thượng-đế, cho nên ông nghĩ mình có tự-do tuyệt-đối để muốn nghĩ gì thì nghĩ, và muốn dùng cuộc đời mình làm chi thì làm. Ông chẳng bảo con người phải tự tạo ra ý-nghĩa cho đời sống và tự tạo ra con người là gì ? Thái độ của Sartre làm người ta có cảm giác rằng : ông nghĩ chỉ có mình ông ở trần gian, ông không biết đến tha-nhân và tất nhiên là không biết đến Thượng-đế. Rồi khi bàn về hai điểm vô cùng quan hệ cho đời sống con người, tức nhân-sinh quan và vũ-trụ-quan, chúng ta thấy Sartre kết cuộc đã dẫn ta đến vực thẳm của phi-lý và thất vọng. Mà thực sự có như thế đâu ? Giả thử đời người ta thực sự như thế, thì chúng ta sẽ có đủ can-đảm để nhìn nhận sự thực. Trong lịch sử nhân loại, chúng ta mới chỉ thấy một mình Sartre đưa ra vũ-trụ-quan đó và nhân-sinh-quan đó mà thôi. Thực sự Sartre có tin tưởng lời ông viết không ? Nhiều độc giả đã nêu lên sự kiện này : đọc Sartre, người ta có cảm tưởng như Sartre không tin lời mình ; ông chỉ nói giỡn thiên hạ để bắt thiên hạ suy nghĩ chơi. Nói thực ra, ai mà sống nổi cái triết-lý của Sartre ? Và nếu mọi người đều sống cái triết đó, thì thế gian này còn là trần gian của con người chăng, hay sẽ biến thành địa ngục ? Triết-lý của Sartre là triết-lý cá-nhân, tư-kỷ, trưởng-giả, ngạo nghễ, thiển hẳn bề xây dựng.

Marcel không tự nhận là triết-gia hiện-sinh, và tự nhận là môn-đệ Socrate. Ông gọi triết của ông là « Tân-phái Socrate ». Có lẽ cũng như Socrate, ông quên không đưa ra một nền triết-lý mạch lạc. Quên hay hữu ý ? Marcel đã chỉ viết những Nhật-ký triết-học, những kịch triết-học ; ông chưa viết một cuốn nào để hệ-thống-hóa tư-tưởng của ông, thành thử người ta khó lãnh hội triết-lý của ông. Mấy năm gần đây, LM Roger Troisfontaines đã viết cuốn sách để hệ-thống-hóa tư-tưởng của Marcel : chính Marcel đề tựa cuốn đó, và nói ông coi sách đó như của ông. Nhưng Troisfontaines không phải

là Marcel ; và người ta vẫn chưa có cuốn nào của Marcel giúp lãnh - hội cái triết-lý sâu sắc nhưng bị tản mác trong những trang nhật-ký kia. Triết của Marcel đề cao nhân-vị và tương-chủ-tính : trong hướng này, ông được coi là ông nội của thuyết Nhân-vị Mounier-Lacroix-Nédoncelle. Và người ta không bao giờ quên được những phân-tích tế-nhị và chính-xác của ông về những dị-đồng giữa Chiếm-hữu và Hiện-hữu, giữa sự vật và nhân-vị.

Jaspers nên được coi như kiểu mẫu tốt đẹp nhất của Phong-trào Hiện-sinh : ông là kết tinh của Nietzsche và Kierkegaard. Trong triết-lý của ông, người ta thấy truyền thống gắn liền với canh-tân, con người kết-liên với Thượng-đế, và tự-do không mâu-thuẫn với cảm-thông. Nhấn mạnh vào tình trạng « bị xé » của Hiện-sinh (bị xé giữa vật-lý và tinh-thần, bị xé giữa hai thái-độ cá-nhân và sinh-hoạt đoàn thể, bị xé giữa tự-do chủ-thể và niềm kính tôn vâng phục Thượng-đế), Jaspers đã ý-thức cuộc đời con người như một vươn lên không ngừng, một vươn lên đầy khó khăn và đòi khá nhiều ý-thức tự-quy. Triết-lý Jaspers là một cố gắng để mang lại cho mỗi người một cuộc sống có nhân-vị và xứng đáng với định mệnh của mình, đồng thời mang lại cho xã-hội loài người một cách sống hợp với đấng làm người. Nói vậy, vì theo ông, mặc dầu những tiến-bộ về kỹ-thuật, nhân loại ngày nay vẫn xây những bang-giao quốc-tế và những giao-tiếp xã-hội trên nền móng cường quyền và bạo động ; như vậy, con người vẫn chưa xa thú vật là mấy. Trong ý hướng đó, Jaspers đề cao Cảm-thông và ông rất hay nói đến Cảm-thông, tức Thông-giao. Người ta bảo lối văn của các triết-gia Đức quốc bao giờ cũng tối tăm. Có lẽ vì sâu quá cho nên tối chăng ? Jaspers là một luật trừ : sách vở của ông tương đối dễ đọc ; và thường khi chúng ta có cảm tưởng như đọc một bài bình luận lý thú. Điều đó cũng do Jaspers muốn rằng triết-lý của ông không nằm yên như một chữ chết, nhưng nó phải len lỏi vào quần chúng để kích động. Một số sách của Jaspers là kết quả của những bài diễn-thuyết trên đài vô-tuyến truyền-thanh Đức : đó là trường hợp những cuốn « Triết-học nhập-môn » và « Niềm Tin triết-học ». Tóm lại, triết Jaspers gắn liền với cuộc đời hơn, và cũng tỏ ra kính trọng tất cả các chiều hướng của con người hơn.

***

Ta có quyền không đồng ý với các triết gia hiện-sinh. Nhưng ta không thể phủ-nhận sự kiện này : triết hiện-sinh là một trong ba ngành tư-tưởng đại-diện cho nền triết-học ngày nay. Ta cũng không thể chối những ưu-điểm của triết hiện-sinh, nhất là ở chỗ nhờ nó mà khoa triết-học đã bạo dạn trở về với đời sống thường-nhật của con người, trở về với cái sống và cái chết của con người. Triết hiện-sinh luôn luôn nói đến ý-nghĩa và giá-trị của hành-vi con người, và tuyệt đối tránh những vấn đề xa xôi trừu-tượng của triết-học cổ truyền. Một ích lợi khá lớn nữa : các trang triết hiện-sinh bắt ta suy nghĩ nhiều về nhân tình thế thái.

Bổn phận giới thiệu của chúng tôi đã xong. Giờ đây xin mời các bạn muốn đi sâu hơn nữa hãy tìm *đọc vào chính các tác phẩm* của mấy triết gia mà chúng tôi đã trình bày sơ lược qua loạt bài về triết Hiện-sinh trên hơn 20 số Bách khoa qua.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

NGUYỄN - HIỀN - LÊ

nhân đọc bộ

Việt-nam ca-trù biên-khảo

của ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN và ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Ở Trung-Hoa và Việt-Nam, hai tiếng *thi* và *ca* đi liền với nhau, họp thành một từ-ngữ mà tiếng Pháp không có. Thơ của dân tộc nào cũng bắt nguồn ở dân ca, nhưng ở Pháp, khi thơ đã trưởng thành rồi — từ thế kỷ XVI hay XVII — thơ lần lần tách ra khỏi ca và nhạc, có hồi tách ra quá xa, nên thi nhân phải kéo nó trở về với nhạc — thế kỷ XIX — mà có về thì cũng chỉ được một thời gian rồi nó lại theo bản hướng đứng riêng một mình trên khu vực nghệ thuật.

Ở Việt-Nam và Trung-Hoa, thì khác hẳn : trước khi cả hai nước chịu ảnh hưởng đậm của phương Tây, thì những khúc ca, khúc từ của ta hầu hết đều là thơ, mà thơ cũng ngâm lên được, phổ vào nhạc được, như những khúc ca ; tóm lại là thi và ca cổ truyền của ta thời nào cũng gắn liền với nhau. Nguyên nhân một phần lớn là do Việt ngữ và Hoa ngữ có bằng trắc, có nhiều thanh, nên dễ ngâm nga hơn những ngôn ngữ phương Tây.

Chúng tôi nghĩ thi ca đã dính liền với nhau như vậy thì muốn nghiên cứu thơ của ta, cũng nên nghiên cứu cả về ca nữa. Có thể rằng mỗi khi cổ nhân đặt ra một thể thơ mới nào, thì nghệ thuật ca cũng thay đổi, nghĩa là cũng phát sinh ra một điệu ca mới, có lẽ cả một số nhạc cụ mới nữa — như thể hát nói với chiếc đàn đáy chẳng hạn — hoặc ngược lại, một điệu ca mới cũng có thể tặng cho thi sử Việt-Nam một thể thơ mới. Khó mà biết được thơ ảnh hưởng tới ca nhiều hơn hay ca ảnh hưởng tới thơ nhiều hơn. Điều đó còn phải tra khảo nhiều mới quyết được. Hiện nay chúng ta chỉ có thể nói rằng thơ ca phát triển song song với nhau : thời nào ca nhạc thịnh nhất (cuối Lê đầu Nguyễn) thì thơ cũng thịnh nhất ; và khi cổ nhạc của ta suy như thời này thì cổ thi cũng suy theo.

Đó là những vấn đề chúng ta cần phải nghiên cứu công việc rất ích lợi cho văn hóa, nhưng cũng rất khó khăn. Vì thơ cổ thì chúng ta còn biết được ít nhiều,

còn kiếm được tài liệu trong các sách Nôm và sách Hán ; đến như ca nhạc cổ thì không biết tìm tài liệu ở đâu. Mấy trăm năm trước cổ nhân mặc dầu thích ca xướng, nhưng vẫn cho nó là «vô loại», mà các nhạc sĩ của ta hồi xưa vì tự ti hoặc vì ít học, không chép lại lịch sử cổ nhạc. Thành thử trong cái kho sách của ta, hình như mới chỉ có hai cuốn viết riêng về ca nhạc, cuốn *Ca-trù bị khảo* của Vũ-Ngọc-Phác, và cuốn *Ca-trù thể cách* của Nguyễn-Hữu-Thanh, mà cả hai chỉ có bản viết tay, chứ chưa in ra được. Những cơ quan văn hóa của ta, viện Quốc gia Âm nhạc của ta sao chưa nghĩ đến vấn đề đó nhỉ ?

Cũng may là trong khi chính phủ chưa nghĩ tới thì mấy năm nay đã có những tư nhân nghĩ tới : ông Trần-Văn-Khê, tác giả bộ *La Musique Viêtnamienne traditionnelle* (Presses Universitaires de France) và hai ông Đỗ-Bằng-Đoàn, Đỗ-Trọng-Huề, tác giả bộ *Việt-Nam ca trù biên khảo*. Trong địa hạt văn hóa, tư nhân bao giờ cũng có sáng kiến trước hết, lẽ ấy tự nhiên. Chúng tôi thẹn rằng không biết chút gì về ca trù cả — nên không thể phê bình tường tận bộ *Việt-Nam ca trù biên khảo*, chỉ xin đứng về phương diện một độc giả mà người Pháp gọi là « profane », ghi lại ít cảm tưởng để giới thiệu tác phẩm đó với bạn đọc Bách-Khoa thôi.

***

Sách dày 680 trang, khổ 16 × 24, chia làm hai phần :

I.— *Ca trù lược khảo*

II.— *Ca trù hợp tuyển.*

Phần thứ nhất, 220 trang, gồm hai chương. Chương I xét về :

— *Lược sử ca trù từ đời Lý* (nghĩa là từ khi ca trù được chép trong chính sử hay dã sử) cho tới ngày nay.

— *Cách tổ chức giáo phường và những luật lệ liên quan đến giáo phường* như lễ Tế Tổ, lệ Xông Đình, lệ Chia tiền hát, lễ Mở xiêm áo, luật cấm con nhà xướng ca đi thi...

— *Những lối ca trù*, gồm có hát chơi (như Bắc phản, Hát nói, Gửi thư, Chừ khi...) hát cửa đình (như giáo trống, giáo hương, dâng hương, thét nhạc...) hát thi (như hát giai, thơ phòng, hà liễu câu một, nói Hà-Nam...)

— *Những danh từ chuyên môn trong nghề ca trù.*

— *Nhạc khí.*

Chương II chép những truyện về các ả đào lưu danh trong sử sách và những giai thoại về các bực tiền bối thích nghe hát.

Công biên khảo để soạn Chương I quan trọng nhất.

Tác giả đã tóm tắt rành mạch quá trình tiến hóa của ca trù và ảnh hưởng của nó tới nền văn hóa dân tộc.

Về quá trình tiến hóa, tác giả đã đứng về hai phương diện : phương diện phổ biến trong dân gian và phương diện nội dung, nghĩa là về phương diện ca nhạc và phương diện thơ, như vậy là không tách rời thi và ca. Đó là một sáng kiến.

Tác giả viết :

« Ca-trù bắt nguồn từ ban nữ nhạc trong cung vua. Xưa kia những khi khánh tiết hay yến tiệc, vua chúa dùng nữ nhạc múa hát giúp vui. Kế đó ngoài dân gian vào các dịp đình đám hội hè, người ta cũng dùng ca nhi để hát tế thần (...) Từ lúc dùng để tế thần, ca trù mới bắt đầu phổ biến (...) Quan lại cũng là những người thay mặt vua để duy trì xã hội như thần, mới bắt chước vua (...) tìm ả đào về dinh múa hát trong những buổi tiệc tùng (...) và sau trót, các tư nhân dần dần cũng bắt chước quan lại tìm ả đào về nhà để hát những khi mừng thọ hay khao vọng. Tóm lại quá trình phát triển của ca trù về bề rộng gồm bốn giai đoạn: cung vua, đền thần, dinh quan và nhà dân. Các nguồn gốc vương giả của ca trù còn lưu lại vết tích trong danh từ cầm chầu hay đánh chầu. Vết tích của hai giai đoạn đền thần, dinh quan cũng có thể tìm thấy trong những danh từ hát của đình, hát nhà tơ và quan viên. » trang (133, 134)

Về nội dung ca trù phát triển theo ba giai đoạn nhạc, thơ và sắc:

« Trong giai đoạn sơ khởi, lời ca mộc mạc giản dị, ý tứ rời rạc, nhiều câu nghe như phương ngôn hay ca dao, nhiều câu lại lạc vận. Tuy đọc thấy quê mùa vô vị nhưng hát lên cùng với nhau thì lại rất hay (...) Âm luật đã ổn định, các văn nhân tài tử không muốn nghe mãi những bài hát cũ, mới sáng tác những bài hát khác (...) Giai đoạn thứ hai này lấy văn chương làm chính yếu, lấy âm nhạc làm phụ trợ, đạt đến mức cao nhất vào đời Nguyễn với những bài hát nói bất hủ của Nguyễn-Công-Trứ, Cao-Bá-Quát, Nguyễn-Khuyến, Dương-Khuê v.v... Giai đoạn thứ ba là giai đoạn suy tàn, bắt đầu với nền đô hộ của người Pháp. (...) Cô đầu đua nhau ra tỉnh mở nhà hát (...) Nhiều quan viên đánh trống không biết, nghĩa bài hát không hiểu (...) nhiều cô đầu gõ phách và hát đều không biết (...) Tới đây văn chương và âm nhạc đã nhường cho sắc dục » (trang 136, 137).

Về ảnh hưởng của ca trù đến nền văn hoá dân tộc, tác giả nêu cảm hoá cá nhân và xã hội của ca trù, công lao của một số ca nữ với đời sống của dân tộc, nhất là sự cống hiến của ca trù về thơ, đặc biệt là thơ hát nói.

Phân tích như vậy thực là đã nắm vững được những mối lớn, đã bao quát được lịch sử ca trù trong bảy trăm năm nay.

Nhưng tác giả có viết câu này có thể làm cho người đọc hiểu lầm: « *Từ một nghệ thuật đến một kỹ nghệ, từ một thú chơi tinh thần cao thượng đến một trò tiêu khiển vật chất tầm thường, bản tính của ca trù đã biến thiên theo một đường dốc tự nhiên* » (trang 138).

Đường dốc đó chỉ tự nhiên trong một xã hội suy vi, cổ hủ ở đời Nguyễn, mà những người cầm quyền không hiểu được tác dụng giáo dục rất lớn của ca nhạc. Ở phương Tây hình như không có con đường dốc tự nhiên đó. Tất nhiên, những đào kép hát của họ không phải đều là những nghệ sĩ chân chính cả, mà những người đi nghe ca, nhạc cũng không phải là đều đi tìm một thú chơi cao thượng cả, nhưng ca nhạc của họ, nhất là nhạc cổ điển thời nào cũng được coi là một nghệ thuật rất cao quý, chưa hề biến thành một « trò tiêu-khiển tầm thường ».

Vì chịu ảnh hưởng quá nặng của Tống Nho, vì chế độ khoa cử chỉ trọng những người thuộc lần lần tứ thư và ngũ kinh giỏi làm mấy câu thơ, câu phú, nên cái tinh-túy của Nho học, đời Nguyễn đã đánh mất gần hết. Nho học trọng lục nghệ, mà trong lục nghệ có nhạc : Nho học đề cao lễ và nhạc, cho nhạc có cái khả năng « *làm cho lòng dân trở nên tốt lành, cảm lòng người rất sâu, di phong dịch tục được* » (1) làm cho « *dân hòa hợp, tương thân với nhau* » (2), mà thời Nguyễn lại khinh ca nhạc, không dạy ca nhạc cho dân chúng, chỉ coi nó là một trò tiêu-khiển của một bọn người nhàn nhã, như vậy thì ca nhạc làm sao mà chẳng suy ? Nhất là từ khi ta tiếp xúc với văn minh phương Tây, bọn tân phú gia có dư phương tiện để hưởng lạc mà thiếu văn hoá để hiểu những cái đẹp cổ truyền, thì ca trù tất phải thành một kỹ nghệ rất tồi tệ. Theo tác giả, khoảng năm 1939, riêng thành phố Hà-Nội và vùng phụ cận, số cô đầu lên tới 1970 người (không biết con số này tác giả lấy ở đâu) trong khi dân số Hà-Nội chỉ khoảng 130.000 người. Tính ra cứ 70 người dân thì có một cô đầu, sa đoạ đến thế là cùng cực !

Vậy theo tôi, nghiên cứu sự phát triển của ca trù thì cũng nên nghiên cứu tình hình xã hội, sự thịnh suy của Nho học ; những cái đó có liên quan mật thiết với nhau. Tác giả đã hơi sơ lược về điểm ấy, nên đã kết luận hơi vội rằng bản tính của ca trù đã biến thiên theo một đường giới tự nhiên. »

Không, sự đoạ lạc đó không phải là bản tính của ca trù.

***

Một khuyết điểm nữa là sự sắp đặt các chương, tiết, mục hơi lủng củng.

Chẳng hạn mục B ở tiết I chương I phần I (*Ca vũ ở nước ta*) với đoạn C cũng tiết đó (*Ban nữ nhạc trong cung vua chúa...*) Có thể gom lại làm một, đặt cho một nhan đề khác, để người đọc nhất quán được tình hình ca vũ nhạc của mỗi triều đại.

Như về đời vua Anh Tông triều Lý, ở đoạn B, tác giả viết :

« *Năm đại Định nguyên niên (1140) vua Anh-Tông cử Đỗ-Anh-Vũ làm cung điện lệnh, Tri nội ngoại sự. Anh-Vũ là em ruột bà Đỗ Thái hậu...* » (trang 25) :

Sáu trang sau (trang 31) ở mục C, tác giả lại trở lại đời vua đó :

« *Năm thiên Phù Duệ Võ thứ 4 (1123) đời vua Anh-Tông ngày 25 tháng giêng là tiết thánh đản (sinh nhật vua), dựng nhà Vũ-Đình thối luân, chế ra thứ xe đẩy chung quanh nhà Vũ-Đình, cho người ca-nữ đứng trên xe múa và dâng rượu* ».

Các đời vua sau cũng vậy, như đời Hồng-Đức đã chép ở trang 28 (mục B) :

« *Năm Hồng-Đức, vua Thánh - Tông (1470-1497) sai các quan văn thần kê cứu âm nhạc nước Tàu, đặt ra bộ Đồng Văn và bộ Nhã nhạc để dạy ca vũ nhạc* ».

(1) « Nhạc dã giả... khả dĩ thiện dân tâm, kỳ cảm nhân thâm, kỳ dĩ phong dịch tục.. ». (*Nhạc ký*)

(2) « Nhạc giả vi đồng . . . đồng tắc tương thân .. » (*Nhạc ký*)

Lại chép lại ở trang 34 đoạn C:

« *Năm Hồng-Đức (1470-1497) vua sai các quan văn thần là Thân-Nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, Lương-Thế-Vinh kê cứu âm nhạc nước Tàu, hợp vào âm điệu nước nhà mà đặt ra hai bộ Đồng Văn và Nhã Nhạc...* ».

Khi xét thể Hát nói, tác giả cũng không khéo sắp đặt tài liệu. Ở mục *Hát chơi* tiết IV chương I phần I, tác giả xét những thể Hát nói đủ khổ, dôi khổ, gối hạc (trang 65) đưa thí dụ về bài hát đủ khổ, dơi khổ rồi tới tiết II chương I phần II, xét rõ văn thể Hát nói, lại nói đến thể đủ khổ, dôi khổ và thiếu khổ (trang 234), lại đưa một thí dụ về bài hát đủ khổ (cũng vẫn là bài *Hồng Hồng Tuyết Tuyết* ở trang 65) mà quên không đưa một thí dụ về thể thiếu khổ.

Thành thử tài liệu tản mạn, mà thiếu sót, mất công cho người đọc.

Theo thiển ý chúng tôi, những mục *Sự tích cô đầu, Những danh từ chuyên môn trong nghề ca trù*, và *Những nhạc khí* có thể sắp chung với nhau vào một tiết, nếu không thì cũng nên đặt gần nhau, cho có liên lạc hơn. Những tài liệu về Hát nói ở trang 65 có thể đưa xuống trang 234.

Chúng tôi có cảm tưởng rằng khi bắt tay vào việc, tác giả chưa định được một bố cục, cứ gom góp tài liệu đã, vừa gom vừa sắp đặt theo từng loại, được đến đâu viết đến đó, khi viết xong mới tìm ra được một hệ thống cho lịch sử ca trù, và tác giả đã trình bày hệ thống đó một cách rất rành mạch trong tiết *Tổng luận* chương I phần I (mà hồi đầu chắc tác giả không định viết) nhan đề là: *Quá trình tiến hóa của ca trù và ảnh hưởng của ca trù đối với văn hóa dân tộc.*

Nếu tác giả có thì giờ viết lại thì tiết *Tổng luận* đó chắc đã đưa lên đầu sách và tiết I *(Lược sử ca trù)* chắc đã chia làm ba mục theo đúng ba giai đoạn tiến hóa của nội dung ca trù: nhạc, thơ và sắc, như vậy tự nhiên hơn mà minh bạch hơn.

***

Sự trình bày có hơi vội vàng, nhưng sự khảo cứu thì chắc là công phu. Chúng tôi không khảo về ca trù, không nhận đúng được công phu đó tới cái mực nào, nhưng cứ đọc *Lời nói đầu* của tác giả và coi bảng *Tài liệu tham khảo* thì cũng thấy rằng tác giả đã phải đọc rất nhiều báo, sách, sách in, sách viết tay, cả những tờ sắc ở các đền chùa nữa, rồi lại tìm các người già cả thông thạo về ca trù để phỏng vấn rồi mới soạn được bộ đó.

Mặc dầu tốn công như vậy mà tài liệu về lịch sử ca trù không gom được bao nhiêu.

Chỉ có một trang về ca vũ thời cổ ở Trung-Quốc (chắc là tác giả đã thiếu sách) người đọc chưa nhận được ảnh hưởng của ca vũ Trung-Hoa tới ca vũ Việt-Nam ra sao. Còn về ca vũ ở nước nhà thì được 14 trang, cũng vẫn là ít. Đọc cả chục pho sách mà lượm lặt được có bấy nhiêu thì khổ tâm cho soạn giả thật, mà cũng đáng buồn cho văn hóa nước mình thật.

Về nhạc khí, soạn giả chắc không lưu tâm tới mấy, nên chỉ nói qua về cái phách, cái đàn đáy và cái trống chầu. Thiên

khảo cứu của ông Trần-Văn-Khê nhan đề *Hát à đào* đăng trong *Bách Khoa* số 82 có phần đầy đủ hơn.

⁂

Về những tiết khác, nhất là tiết *Giáo phường* và tiết *Những lối ca trù* thì tài liệu thực dồi dào. Sự tích tổ cô đầu hình như cũng chưa có sách nào kể cặn kẽ bằng *Việt-Nam ca trù biên khảo*, nhưng sự tích đó không đáng tin mấy.

Hạng xa lạ với ca trù như chúng tôi, đọc những tiết đó thấy bổ ích và thú vị.

Thanh niên ngày nay chỉ đọc những truyện của Vũ - Trọng - Phụng, Lê-Văn-Trương, Nguyễn-Công-Hoan tả những cảnh trụy lạc ở những nơi như Khâm-Thiên, Phú-Nhuận gần đây thì khó tưởng tượng được rằng một trăm hay trăm rưỡi năm trước, hát à đào là một nghề chơi khá tao nhã. Nay đọc *Việt Nam ca trù biên khảo* các bạn đó sẽ thấy rõ cái không khí ca trù thời xưa. Tác giả viết :

« *Bấy giờ (...) nghe hát à đào không giống như nghe trình diễn ca nhạc ngày nay. Người quan viên không đóng một vai trò thuần túy thụ động. Lắng nghe tâm sự của cô nhân sống lại qua lời ca tiếng nhạc, quan viên còn điểm xuyết bằng những tiếng trống chầu nó biểu lộ cái cá tính của mình. Không những thế, nhiều khi quan viên lại sáng tác bài ca cho à đào hát, nghĩa là mượn tiếng mỹ nhân để giải bày tâm sự cho chính mình. Ca trù là một nghệ thuật pha trộn nhạc và thơ và mỗi cuộc hát à đào là một cuộc trình diễn nghệ thuật trong đó diễn viên cũng như người hưởng thụ đều là nghệ sĩ. Cả hai đều tích cực tham gia vào công cuộc trình diễn. Nói cách khác, bản tính ca trù là một thú chơi tinh thần, nó đòi hỏi phải có sự cố gắng làm việc bằng tinh thần của người nghe và người hát* » *(Trang 135)*.

Đó là thời cách đây khoảng trăm năm. Càng trở lùi về dĩ vãng, ta càng thấy ca trù được trọng :

— Đời Hồng-Đức, vua Lê-Thánh-Tông đặt ra bộ Đường - Văn và bộ Nhã-nhạc để sửa đổi âm luật.

— Đời Hồ, chính Hồ-Hán-Thương phiên chế ca nhạc, dùng con các quan lang làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm Chỉnh đốn lang và tập cho múa hát.

— Đời Trần thì chính vua Thánh-Tôn và Phiêu kỵ tướng quân là Trần-Quốc-Khang múa hát đuốc Thượng hoàng. Đời Nhân-Tông, các thiếu niên trong nhà vương-hầu tranh nhau tập hát tuồng.

Vậy thì dân-tộc ta vốn trọng ca nhạc lắm chứ, mới chỉ bắt đầu hủ bại từ hồi cuối Lê đầu Nguyễn, tức cái thời mà Nho học đã thành một cái xác khô vì chế độ khoa cử, như trên chúng tôi đã nói; đọa lạc nhất là trong thời Pháp thuộc.

Hồi xưa sự tổ chức giáo phường rất chặt chẽ, sự đào luyện ca nhi rất công phu. Á đào muốn cho rành nghề phải thuộc ít nhất là 50 điệu hát, phải thuộc hàng trăm bài hát, có những bài bằng chữ Hán, như vậy phải khá thông minh và học tập từ 3 đến 5 năm. Sắc không quan trọng bằng thanh và tư cách đoan trang ; nếu không đoan trang thì bị trục xuất ra khỏi giáo phường, và phải bỏ nghề.

Một vài năm lại có cuộc hát thi, mà cách tổ chức phỏng theo các kỳ thi Hương. Ca nữ phải qua bốn kỳ thi :

— Kỳ văn (cũng như kỳ nhất trường)

— Kỳ chầu thi, hát 28 khúc (cũng như nhị trường)

— Kỳ chầu cầm, hát 17 khúc (cũng như tam trường)

— Kỳ thi lại (cũng như phúc hạch).

Trước sau mất từ 10 đến 12 ngày. Những người đậu thủ khóa, á nguyên được lĩnh thưởng và cũng được dự yến nữa. Tác-giả đã cho chúng tôi biết được những mỹ-tục bất ngờ đó của tổ tiên, và chúng tôi có cảm-tưởng rằng ngày nay, sự tổ-chức các cơ quan văn-nghệ chưa hơn được cổ nhân.

***

Nhờ khảo cứu về ca trù tác giả đã vô tình góp một phần công vào môn ngôn ngữ học Việt-Nam, đặc biệt là về từ nguyên và từ nghĩa.

Chúng ta hiểu được nguồn gốc những tiếng như *ca trù, cầm chầu, mưỡu, hát nhà tơ, quan viên, cô đầu...* , và nghĩa những danh từ chuyên môn như : *chầu cử, thống, đồn, bỏ bộ, chúc hỗ, hát khuôn, hát lót, cung nao, cung pha, luồn, vói, bỏ moi...* ; gồm tất cả, có lẽ được đến non trăm tiếng mà nếu không ghi lại thì chỉ năm sáu chục năm nữa là không còn ai hiểu nổi nữa. Chính nhờ những cuốn như cuốn này và những thiên như thiên khảo cứu về *Đá gà* của ông Vương-Hồng-Sển đăng trong tạp chí *Mai* năm ngoái và bộ tự điển Việt-Nam sau này của ta mới đầy đủ được, mà các thế hệ sau này mới biết được ít nhiều về đời sống, phong tục của tổ tiên.

Tác giả đưa ra nhiều nhận xét bất ngờ. Như chữ *mưỡu* là do chữ mạo (là mặt ; diện mạo), là nhan mà ra, và những câu hát mưỡu cũng như cái nhan đề của bài hát nói, tóm tắt ý trong bài hát nói.

Chữ *kép* do chữ *quản giáp* rút lại

Chữ *diệu vợi* ngày nay trỏ cái gì xa xôi, khó khăn, xưa trỏ hai giọng hát : *diệu* là giọng đưa lên cao, *vợi* là giọng ở cuối họng phát ra, hai giọng đó đều rất khó hát, do đó mà *diệu vợi* có nghĩa là khó khăn.

Ngày nay một số người chủ trương đừng ghép một tiếng nôm với một tiếng Hán Việt để giữ cái tinh thần của tiếng Việt, và chê những tiếng như *lành mạnh hóa, tái nhóm, hành nghề...* là chướng tai. Kể ra thì lúc mới đầu nghe cũng chướng tai thật, nhưng những tiếng như *thét nhạc, bài bông* thì cũng là ghép một nôm với một Hán Việt mà có ai chê là chướng tai đâu, (*thét nhạc* do *thiết nhạc* nghĩa là bày nhạc khí, mà ra *thét* là Nôm, *Nhạc* là Hán Việt ; *bài bông, bài* là Hán Việt nghĩa là bày ra, *bông* (hoa) là Nôm : bài bông là một lối múa, những người múa và hát đứng dàn thành hàng như bày một hàng bông). Có thể rằng những tiếng đó mới đầu là *thiết nhạc, bày bông*, sau đào kép vì ít học hay vì khó đọc, gọi trại ra như vậy.

Nhưng danh từ nào mà tác giả chưa chắc về nguồn gốc thì ghi cả lại những thuyết đã nghe được, như danh từ *ả đào* và *đàn đáy* : *Ả đào* theo *Việt sử tiêu án*

của Ngô-Thời-Sĩ thì đời Lý-Thái-Tổ có một ca nhi họ Đào hát rất hay, nên người sau lấy tên nàng mà gọi chung các ca nhi ; còn theo *Công dư tiệp ký* của Vũ-Phương-Đề thì ở làng Đào-Đặng (Hưng-Yên) có ca nhi họ Đào giết được giặc Minh, được dân lập đền thờ, gọi thôn nàng ở là thôn Ả Đào, từ đó có tên ả đào.

— *Đàn đáy* có thuyết cho rằng *đáy* do chữ *đái* là đeo, trỏ thứ đàn người kép dùng dây lụa đeo vào người để đứng gảy cho đỡ nặng ; còn một thuyết cho rằng đàn đáy chính là đàn không đáy, gọi tắt, cho nên từ Thanh-Hóa trở vô, người ta gọi đàn đó là *vô đế cầm* (đế = đáy). Cũng có vài tiếng như tiếng *thống*, *đại thạch*, tác giả chỉ ghi một thuyết mà không chép, không bác những thuyết khác có lẽ vì không được biết những thuyết đó.

Chẳng hạn chữ *thống*, theo ông Trần-Văn-Khê (trong bài đã dẫn), ngoài cái nghĩa là buông thõng để thừa tiếp với điệu thơ ở trên như tác giả V. N. C. T. B. K. đã ghi, còn có nghĩa này do Phạm-Quỳnh đưa ra nữa :

« Thống là đọc thông đi cho trơn chuốt, êm ái, rõ ràng, không phải ngân nga lên bổng xuống trầm gì cả ».

Về danh từ *đại thạch*, ông Trần-Văn-Khê ngờ là một điệu hát gốc ở Trung-Hoa vì Trung-Hoa đời Đường, Tống có điệu gọi là *Đại Thạch* hay *Đại Thực*. Theo ông Hoàng-Xuân-Hãn *Đại Thực* có nghĩa là Ả-Rập, vậy thì điệu Đại thực có thể gốc ở Ả-Rập. Phạm-Quỳnh và Nguyễn-Đôn-Phục đều cho rằng Đại Thạch do Đại thực đọc sai đi, và trỏ một khúc vừa hát vừa múa trong khi đại yến (Bài đã dẫn của Trần-Văn-Khê).

Tác giả V. N. C. T. B. K. chép lại thuyết trong *ca trù bị khảo* của Vũ-Ngọc-Phác :

« Đời vua Lê-Thần-Tông (1619-1662) gặp ngày lễ vạn thọ múa hát khúc Đại thực *các quan đều dẫn người nhà vào trong cung xem. Vna thấy đồng đúc mới truyền tiểu giám lấy những hòn đá to bọn nữ nhạc đứng lên trên hòn đá mà múa hát, chủ ý để mọi người cùng trông thấy. Từ đấy gọi khúc Đại thực là Đại Thạch »*

Tất cả chỉ là những giả thuyết, sau này còn phải khảo cứu thêm.

* * *

Chương II của phần I rất dễ trình bày vì chỉ gồm hai tiết.

— Tiết I tác giả chép lại những truyện cảm động của các ả đào đã cứu nước cứu dân hoặc có một cuộc đời trôi nổi, đáng thương. Tài liệu phần nhiều lấy trong các dã tử, các tạp chí như *Tri Tân*, *Trung Bắc chủ nhật* và các thần tích, các gia phả. Nhiều truyện lý thú như truyện Lương-Thị-Huệ dùng ca nữ đổ rượu cho giặc Minh, rồi cùng với tướng sĩ Lam-Sơn hạ thành Cơ-Lậy, truyện nàng ca nhi Nguyễn-Thị giúp tiền cho Vũ-Khâm-Lân ăn học đỗ tiến sĩ.

Làm cho chúng tôi cảm động nhất là truyện *Ả đào trải ba triều đại*, tức truyện cô Cầm, danh ca đời Lê, được Nguyễn-Du rất mến. Truyện đó chắc nhiều độc giả đã biết, cuối truyện tác giả có chép lại bài *Cầm giả dẫn* bằng chữ Hán của Nguyễn-Du và bản dịch ra tiếng Việt của ông Bùi-Khánh-Đản.

Chúng tôi xin trích ra dưới đây bốn câu thơ, buồn vô hạn về cuộc tang thương ở cuối Lê đầu Nguyễn :

Thành quách suy vi nhân sự cải,
Kỷ độ tang điền biến thương hải,
Tây Sơn công nghiệp nhất đán tận tiêu vong,
Ca vũ không di nhất nhân tại.

Ông Bùi-Khánh-Đản dịch mà giữ đúng điệu của nguyên tác :

Việc thế biến thiên thành quách đổ
Biển dâu thay đổi bao nhiêu độ.
Tây Sơn sự nghiệp nhất đán đã tiêu tan,
Ca vũ một người còn mãi đó.

— Tiết II tác giả gom những giai thoại về các bậc tiền bối thích nghe hát như Trần-Nhật-Duật, Đào - Duy - Từ, Nguyễn-Khản... Tất nhiên là có Nguyễn-Công-Trứ, vì xét về ca trù mà thiếu vị tướng quần này thì không được. Chúng ta đã được nghe nhiều giai thoại về đời sống phóng túng và phong lưu của Nguyễn-Công-Trứ, nên chúng ta chỉ quý những tài liệu mà tác giả chép lại ở cuối truyện.

« *Bố chính Hà - Tĩnh là Hoàng-Nho-Nhã, lúc rảnh việc thường đến chùa (Đại-Nại) cùng ông (Nguyễn-Công--Trứ) bàn luận văn - chương thế sự. Thấy ông phong-lưu quá (vì nhà ở cạnh chùa mà nuôi cả bọn à đào để hát cho ông nghe rồi có khi lên chùa, dắt các à theo nữa) Nho-Nhã tặng đôi câu đối :*

« *Sự nghiệp kinh nhân thiên hạ hữu,*
« *Phong lưu đáo lão thế gian vô.*

« *Hơn 50 năm sau, ông Phan-Bội-Châu lên chùa Đại-nại chơi, thấy câu đối ấy treo ở nhà tổ, lấy làm lạ, hỏi sự tình, sư cụ thuật hết đầu đuôi câu truyện cho nghe. Ông Phan lấy làm khoái trá, cho là một giai thoại phong lưu đệ nhất, liền làm một bài thơ hoài niệm, trong đó có hai câu :*

« *Hà như Uy Viễn tướng quân thú.*
Túy ủng hồng nhi thượng Pháp môn » (1) (*trang 214*)

Tâm hồn của cổ-nhân khoáng-đạt như vậy đó. Tuy tu hành mà vẫn mỉm cười được trước thái-độ bỡn cợt và ngông của nhà Nho, hơn nữa vẫn trọng những di tích liên quan tới một danh nhân không sùng đạo cho nên đôi câu đối của Hoàng Nho-Nhã mới được treo ở nhà tổ.

Và có tinh-thần cách mạng, suốt đời hy-sinh cho quốc-gia như Phan-Bội-Châu mà cũng thích cái tư cách phong lưu của Uy-Viễn tướng quân. Sự dung hòa Nho Lão Phật quả thực là đẹp đẽ.

(còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

---

(1) Làm thế nào được thú như Uy-Viễn tướng quân, lúc say mang cả à đào lên cửa Phật.

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

PASTILLES : { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHOM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

ĐOÀN-THÊM

ĐỒ ĐẠC

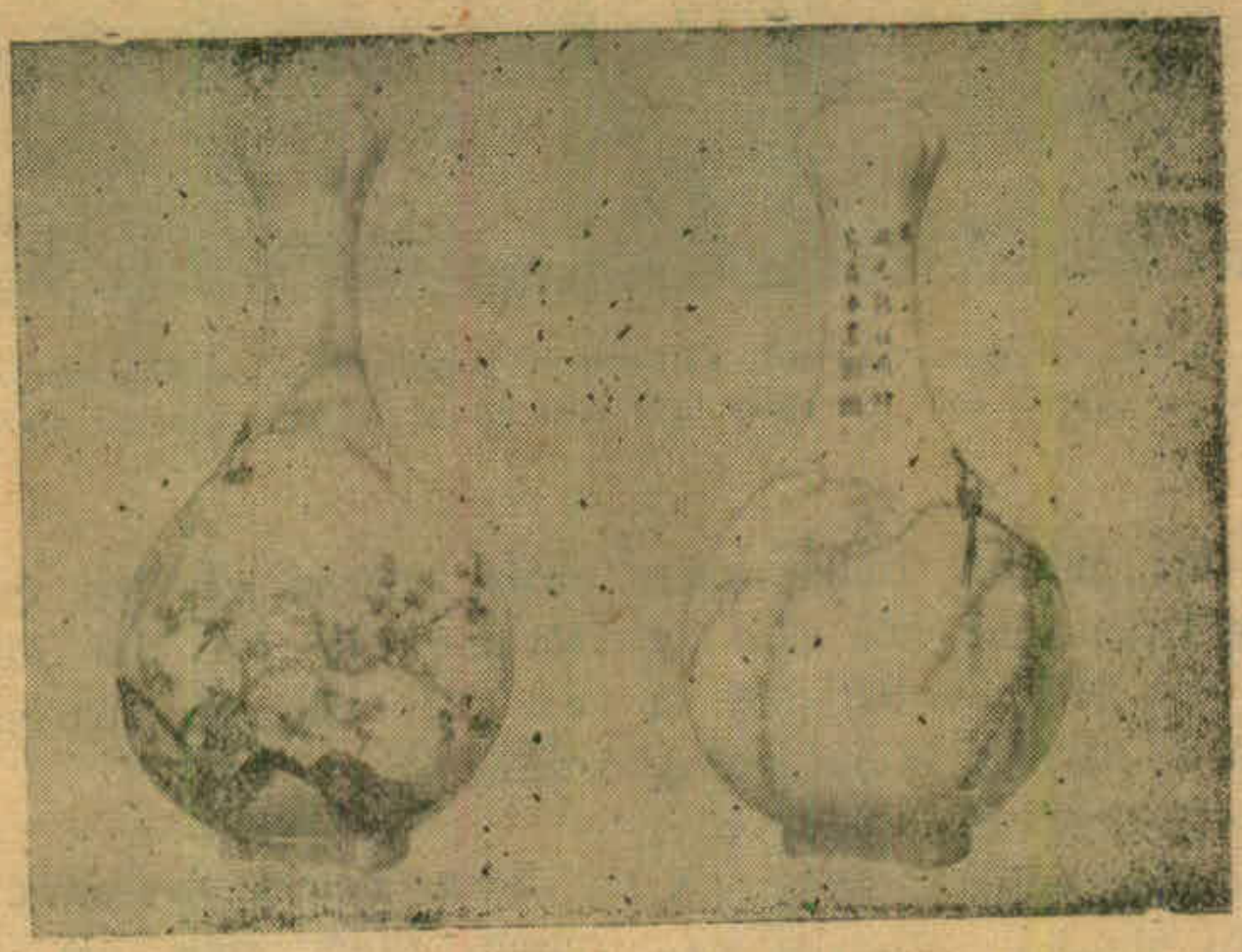

Bình đời Càn-Long nhà Thanh.
Có thể đựng rượu, có thể bày chơi
Hễ thanh-nhã thì bao giờ cũng đẹp.

TÔI sinh trưởng giữa các đồ-đạc của một xã-hội văn-minh, chớ không phải ở núi rừng như người thái-cổ hoặc dân bộ-lạc chậm tiến.

Nhưng trong bao năm, khi nói về sự đẹp, tôi thường liên tưởng đến hoa nở, buổi chiều vàng, nét mặt tươi hay bản đàn bức tranh nào đó.

Nghĩa là tôi nghĩ ngay tới đẹp thiên-tạo ở cảnh hay người, hoặc đẹp nhân-tạo song ở phạm-vi nghệ-thuật; còn trừ khi được ai gợi ra, tôi không kể đến bàn ghế, bát đĩa, gạch lát hè... những vật-dụng ở quanh mình, nhưng tôi chẳng buồn chú ý.

Vì thiếu thời-giờ? Chưa hẳn: tôi đã có dịp ngồi ngẫn mà ngắm lâu từng nhánh cỏ, làn mây. Vì ngộ-tưởng hay thành-kiến nào khiến tôi thiên lệch? Cũng có lẽ: tôi đã yên

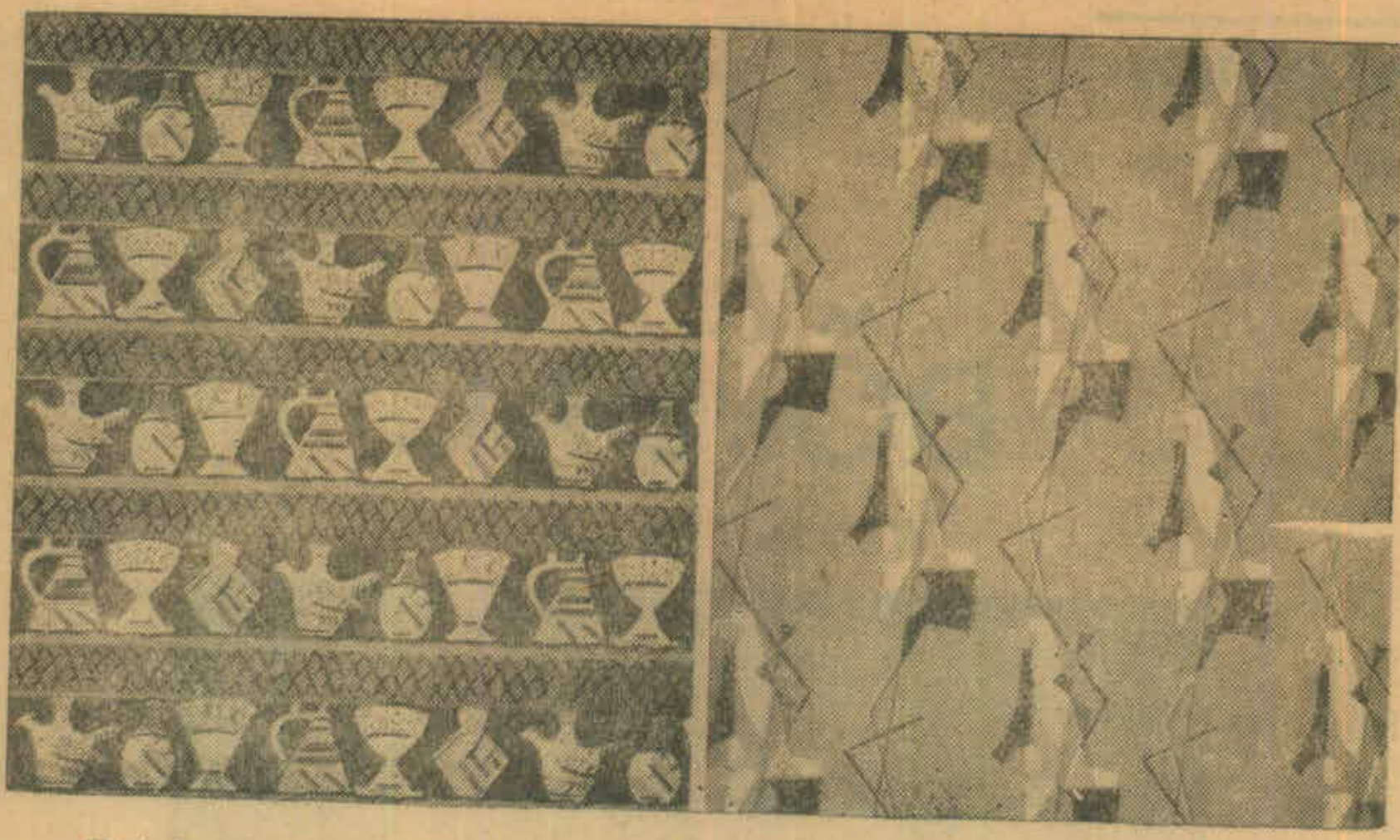

Hình in trên vải bông, theo mẫu Vallauris và mẫu Be-Bop. Cân đối, song song, đều nhau, nhắc đi nhắc lại nhiều lần : theo đường lối quen thuộc ở trang-trí.

trí rằng đồ-đạc chỉ để dùng hàng ngày, tôi ngồi lên ghế, tôi cầm ly uống nước, hơi đâu xem xét ghế và ly ? Đến nhà ai, hễ thấy la-liệt những đồ không cần-thiết hoặc bóng bẩy, tôi có cảm-tưởng nặng-nề rằng chủ-nhân sặc mùi phú-hộ, thừa tiền tiêu phí, hoặc có ý phô trương những hộp bạc, lọ sứ...

Nhưng khi bắt đầu ở riêng, phải đi mua sắm cho nhà mới, dù thuận về giá tiền rồi, tôi còn chọn mãi mới vừa lòng, tuy trước kia vẫn nghĩ cái đĩa chỉ để đỡ cái chén, tủ chỉ để đựng áo quần.... Bày biện tạm xong, tôi nhìn lại và thấy : giá thử trên tủ kia có chiếc bình bông, tường kia có bức thêu như của bác tôi, kể cũng đỡ trống trải khô khan và sẽ vui hơn. Thì ra tôi đã vô-tình thừa nhận rằng các vật đó cũng có thể mang những vẻ đẹp mà bây giờ tôi mới có dịp tìm kiếm và ước ao. Tôi bắt đầu trưởng - giả - hóa chăng ?

Song người sơn-cước thiếu gạo, muối, thuốc men, mà vẫn mặc áo thêu ; cổ, tay, tai, đeo ba bốn năm chiếc vòng bạc. Cách đây mấy ngàn năm, chưa có nước uống hợp vệ-sinh hay những đường sá phẳng phiu để đi lại làm ăn : nghề kim-hoàn, nghề chạm... đã sớm phát đạt. Nếu sự mong muốn đẹp và tìm vui sống cũng thiết tha day dứt như các nhu-cầu khẩn-yếu của con người, thì hà-tất tôi phải băn-khoăn mà xa lánh một khu-vực nữa có lẽ cũng nhiều thú-vị.

Chỉ còn ngại một nỗi, là đồ-đạc nhan nhản, và lạc vào đó thì kẻ tìm

đẹp dễ lẫn lộn vàng thau, khi theo đà tiến chung của nhân-loại và sự cạnh-tranh mỗi ngày một gắt-gao hơn, các hóa-phẩm rẻ tiền hay tầm-thường cũng phải vừa tốt vừa đẹp. Trước những cửa hàng đồ-sộ lộng lẫy, ở khắp các thành-phố lớn trên hoàn cầu, làm thế nào khỏi xáo trộn đồ nhật-dụng và đồ mỹ-nghệ (objet d'art), đồ mỹ-nghệ với tác-phẩm nghệ-thuật (oeuvre d'art) ? (1)

Nhiều thức-giả chê trách người chất-phác hay lầm (2) nhưng mấy ai, và sách thẩm-mỹ nào phân biệt hộ cho thật rõ ? hay là không thể ?

*
* *

Thiết-dụng và trang-trí

Như họa-sĩ Fernand Léger đã nói, cái soong cái chảo cũng có thể đẹp. Song vẻ đẹp ấy không phải ở hình thể, sắc, mà do vị-trí trong ánh sáng, bên cạnh các đồ khác, nên ngẫu-nhiên thành một cảnh tĩnh-vật : rất khó thấy, phải có con mắt quan-sát và cảm-năng của nghệ-sĩ mới nhận ra *mối liên-hệ* đáng chú ý giữa các vật tầm-thường. Còn khi lựa hay ngắm một thứ đồ, tôi chỉ muốn tìm vẻ đẹp riêng của nó.

Mặt bàn phải nhẵn phẳng, gương soi phải trong sáng, chiếc quạt phải nhẹ và mỏng... Mỗi đặc-tính dễ ưa ở hình, chất, lượng v.v.. đều hợp với công-dụng thiết-thực, và dễ được nhận thức nếu đáp lại nhu-cầu *tiện-ích*.

Khi tính-cách tiện ích được coi là ưu-tiên, đồ chỉ để dùng : đĩa để đựng món ăn. Nhưng nếu nước men óng chuốt và nét vẽ đáng khen, chủ-nhân có thể tiếc rằng vẻ trang-nhã bị vùi lấp dưới thịt cá, nhất là nếu đã được thời-gian thử thách (3) và nhắc lại bóng hình thuở trước : từ xó bếp, nó được thuyên chuyển lên mặt tủ hay trên tường phòng khách, đặt cùng hàng với bình bông, bức họa. Nó được yêu quí để thành vô-dụng, nó biến ra đồ trang-trí.

Ở rất nhiều trường-hợp, thì ích và thú đi đôi, để thỏa mãn về hai phương-diện thực-dụng và mỹ-quan. Đó là tính-cách chung mà người thủ-công trải bao đời đã cố đem lại cho các hóa-phẩm. Những đồ vừa tốt vừa đẹp xưa kia chỉ dành cho giới quyền-quí ở các nước, đã được kỹ-nghệ thời nay sản xuất cực nhiều để phổ biến mau lẹ cho quảng-đại quần-chúng : tơ lụa, đồ sứ, đồ kim-khí nhẹ và sáng, đồ thủy-tinh pha-lê, đồng-hồ, tủ máy hát. Nhiều kiểu đèn, bức mành... có khả-năng trang-trí.

Tóm lại, giữa trang-trí và thiết-dụng, không có biên giới phân-minh và bất-dịch, chẳng có tiêu-chuẩn nào thật đích xác để phân biệt hẳn hai loại. Cho nên thực hiện sự đẹp

---

(1) Xin coi B. K. số 124 : Tìm Đẹp (các ngành nghệ-thuật và các mỹ-nghệ).

(2) Người Pháp có những tiếng ngụ ý chê cười, đối với những đồ vật bị hiểu lầm là có mỹ-thuật : đồ hào nhoáng, bắt chước vụng về (clinquant, oripeaux) hàng rẻ tiền và chế vụng (camelote, pacotille).

(3) Cũng có những đồ cổ rất xấu xí nhưng được quí, song vì lòng hiếu-cổ chớ không phải vì mỹ-thuật, sẽ liệu xét sau.

Các đồ đạc ở góc phòng này, thế kỷ XVII, đều có tính-cách trang trí rõ rệt, theo lối cổ-điển. Chạm khắc, vẽ, sơn, đúc, nặn, công-phu, tỉ-mỉ, hoa-mỹ. Cân đối từ toàn-thể đến chi-tiết. Tất cả các đường nét dù nhỏ nhất, cũng thật rõ. Thân phụ-nữ thành quai liễn xứ, mặt người cười ở giữa hai ngăn kéo và đầu bàn : không có liên-quan gì với liễn và bàn cả.

không còn là công việc riêng của hạng người chuyên-môn tô-điểm, song cũng là nỗi thắc-mắc của tất cả những người sản-xuất đồ đạc. Nhu-cầu tìm đẹp ở mọi vật-dụng chi phối nhiều ngành kỹ-nghệ. Người ta đã nghiệm thấy hàng kém mỹ-thuật thì khó bán (la laideur se vend mal) và vấn-đề cần giải quyết, là vẻ đẹp có thể nêu ra được như thế nào ở mỗi đồ vật, nghĩa là chế tạo làm sao cho đẹp ?

Các xí-nghiệp, từ hồi kinh-tế khủng-hoảng 1930, và nhất là sau Đại-chiến II, đua nhau lập những phòng nghiên cứu «Mỹ-học kỹ-nghệ *Bureau d'esthétique industrielle* » để tìm những kiểu mới, vừa theo các điều-kiện kỹ-thuật biến-chế, vừa hợp với nếp sinh-hoạt hiện nay và con mắt của đa số người tiêu thụ (1). Kết-quả đáng kể nhất là gạt bỏ được quan-niệm cũ, gây một ý-thức mới và dò ra khuynh-hướng chung cho quần-chúng về sự đẹp trong đời sống hàng ngày :

— Đã mấy ngàn năm nay, con người chế đồ đạc, hễ thấy dùng được, là cố làm cho đẹp, nhưng bằng cách nào ? Chạm, khắc, thêu, vẽ, tô, và mượn những hình thể ánh sắc của vật khác, nhiều khi không có liên-hệ gì, mà

(1) Trong các phòng Mỹ-học Kỹ-nghệ, các nhà mỹ-học, họa-sĩ, chuyên-viên trang-trí, cộng tác cùng các kỹ-sư và đốc công, để dung hòa các điều kiện khoa-học, nghệ-thuật và tâm-lý, trong sự chế-tạo (đồ nội-trợ cũng như đồ chơi hay các phương-tiện làm việc ở mọi lãnh-vực, nhỏ như cây viết, cái khuy áo, chiếc đinh, lớn như xe hơi, tàu thủy, máy bay...) Ngoài các phòng riêng của mỗi hãng, còn nhiều tổ chức chung và lớn, như Viện Mỹ-học Kỹ-nghệ, Institut d'Esthétique industrielle ở Pháp, các hội Industrial Design ở Hoa-kỳ, Hội Mỹ-học Mỹ-nghệ Quốc-tế ICSID : International Council of Sociétés of Industrial Design, v.v...

thêm vào đồ đạc : chùm nho con sóc vào xà nhà rui nhà, mặt người, thân người vào bàn ghế, cánh chim sừng hươu ở chiếc lọ, và nhất là các thứ hoa lá cho chuôi dao, máy khâu, lò than, cổ áo quân-nhân... Những vạch kẻ, đường viền, tua, nẹp... mọi chi-tiết tỉ-mỉ đó chỉ cốt che đậy những vẻ xấu ở đồ đạc : đó là xảo-thuật chớ không phải nghệ-thuật. Nếu đồ chẻ đẹp, thì không cần chi tô-điểm.

Thứ mỹ-thuật mà người ta gọi là trang-trí (*art décoratif*) và những kiểu thời-trang (*style*), đều vô-nghĩa (1).

— Cần thành thực và lột bỏ hết các chi-tiết ngoại-phụ vô-ích, lấy *công-dụng* làm tiêu-chuẩn (valeur fonctionnelle). Hình-thể phải tùy công-dụng (2). Cứ làm thế nào cho đồ thật tiện-lợi, đáp lại nhu-cầu tới mức tối-đa, tất-nhiên sẽ đẹp.

— Đồ muốn đẹp phải tùy loại mà thỏa mãn thị-giác, xúc-giác, thính-giác... nhưng căn cứ vào chất-liệu, sự hòa-hợp hình-sắc, sự cân xứng, cách trình bày, chớ đừng trông cậy vào sự bồi đắp không thiết-yếu (loi de satisfaction, du goût, de probité, d'harmonie, et de composition) (3).

— Đối với những khí-cụ chuyển vận như tàu, xe, sự đẹp hiện rõ trong lúc chạy, nên cần cho cách chuyển động hợp với nơi chuyển động, khí trời, mặt nước, đường bộ : phi-cơ bay lượn, hải-thuyền dượt sóng, xe lơi bon giữa phồ phường đông đúc... cần cho cảm-tưởng nhẹ nhàng và dễ điều-khiển... (Loi du mouvement).

Phi-cơ phản-lực Convair 990
Một thành-công của Mỹ-học Kỹ-Nghệ

— Vẻ đẹp ở đồ-đạc không trường-cửu, phải đổi thay cho thích hợp với các điều-kiện tiến-hóa, nên cần luôn luôn xét lại và tìm thể mới ; song vẫn phải dựa vào nhu-cầu chính-yếu của con người, chớ không cố chiều thị-hiếu nhất-thời một vài tầng lớp xã-hội (loi d'évolution et de relativité, loi commerciale).

---

(1) « Il ne peut davantage y avoir d'art décoratif qu'il ne saurait subsister de styles. Les styles ne sont que la modalité accidentelle, superficielle, surajoutée pour faciliter la composition de l'oeuvre, accolée pour masquer les défaillances.

Le décor cache les tares de la fabrication et la mauvaise qualité des matières employées : le décor camoufle. » (*Le Corbusier* : l'Art décoratif d'aujourd'hui).

(2) *La forme suit la fonction* : kỹ-sư Raymond Loewy ; — nhà mỹ-học E. Souriau : *La Beauté rationnelle*.

Như một chiếc ghế : để ngồi lâu không mỏi, dễ khuân vác, dễ xếp đặt. Phải vững chãi, vừa vặn cho dựa lưng, ngả vai, đỡ tay, buông chân, êm đềm, thoải mái...

(3) Jacques Vienot, người sáng lập Viện Mỹ-học Kỹ-nghệ, năm 1952 đã tổng hợp các kết quả nghiên cứu và kinh-nghiệm chung, thành một bản qui-ước (charte) gồm có 13 qui-tắc (*Lois*) được áp dụng trong các xí nghiệp sản xuất.

Quan-niệm kể trên đã đưa tới những hình-sắc giản-dị, đơn-thuần, hầu đạt được thanh-nhã. Đó là khuynh-hướng chung của thời-đại trong công cuộc tìm đẹp cho đồ-đạc, ở đồ-đạc. Công-kỹ-nghệ xa lánh các đường lối rườm-rà bay bướm (Baroque) mà tự đặt kỷ-luật, để dẫn quần chúng trở về điều-độ và thăng-bằng Cổ-điển (Classicisme).

Nhưng nếu xét lại theo tiêu-chuẩn mới, thì các đồ-đạc thời trước phải chăng đều đáng chê cả ? Thiết nghĩ cần nhìn nhận theo hai phương-diện : thích-hợp và mỹ-thái.

Khi cả hai điều-kiện này đầy đủ, thì vấn-đề mới cũ không còn đặt ra. Có những chiếc chén sứ đều đặn và trắng nõn, đời Minh : tôi vẫn cảm thấy đẹp và ưa, không cần suy nghĩ so sánh chi hết. Về thanh-khiết thì bao giờ chẳng quí ?

Hạt soàn kia, nhờ chất và ánh, vốn là vật đẹp của tạo-hóa. Khi được biến ra nữ-trang, chẳng lẽ nó bị coi như *đồ thừa* đối với người sẵn có nhan-sắc, và lỗi thời chăng ? Không, vài tia rung sáng trên cổ mỹ-nhân, quả thật có tôn vẻ lộng-lẫy của « tòa thiên-nhiên ». Tuy chẳng cần thiết, nó thành một chi-tiết hợp với một toàn-thể là tấm-thân kiều-diễm, dù theo mắt nhà mỹ-học mới. Nó chỉ đáng tiếc, nếu bị lồng vào quá nhiều viên đá khác, hoặc nạm vàng riêm rúa như ở các dây chuyền mũ miện thời xưa: dụng-ý phô-trương và tô-điểm lòe loẹt phản lại khát vọng thuần-nhã của đa-số ngày nay.

Nhiều cánh bướm nhành lan vòng nét khảm tinh-vi trên chiếc khay gụ ; nhiều đường chỉ mềm mại thêu hoa dệt sắc vào bức rèm lụa ; nhiều chân ghế chạm cành lá uốn cong viền bạc... chỉ có thể dành cho một thiểu-số phong-lưu nhàn hạ ở đài-các thuở xưa, chẳng còn hợp được với đời sống ồ ạt chen chúc trong những khu-vực tụ-dân chật hẹp : nhưng không phải vì thế mà mất vẻ đẹp riêng, mất dễ thấy nếu trí không thành-kiến. (1).

***

Đồ mỹ-nghệ và tác-phẩm nghệ-thuật

Trong các đồ-đạc, thỉnh thoảng có một số thiết-dụng nhưng đẹp, nên người ta đem bày cho vui mắt : ấm trà, đèn lồng, chậu cây...

Một số khác, tuy thuộc loại thiết-dụng, chỉ để trang trí mà thôi : chiếc bình làm bằng vỏ trứng không thể chứa nước cắm hoa, đĩa to có lỗ xỏ dây treo lên tường.

Lại còn những đồ chơi của người lớn, như bộ Bát-Tiên nhỏ xíu, hoặc những đồ sản xuất với mục-đích tìm đẹp cho nhà cửa : bức thêu, pho tượng để nằm trên mặt tủ, tranh sơn mài... Chính những thứ này hay

(1) Ít lâu nay, có nhiều nghệ-sĩ trách Mỹ-học kỹ-nghệ đưa tới những hình-thể lạnh-lùng, nên họ tung ra những kiểu đồ đạc tân-kỳ với những đường nét mũa lượn và rườm rà, hình như muốn trở lại kiểu Baroque. (« Arts décor contre arts ménagers » của Michel Aron, Tuần báo Arts 14/20-3-1962).

Chân bàn, thế-kỷ XVIII

Phải giàu tưởng-tượng mới nghĩ ra kiểu này

Dùng bây giờ chắc ít người dám, nhưng ngắm tài nhiều người vẫn phục xảo-kỹ.

được người chất-phác tưởng là tác-phẩm nghệ-thuật.

Hình, ánh, sắc cũng có thể ngoạn-mục, cũng đòi hỏi công-phu và tài-hoa ở người chế tạo: nhưng vì sao chỉ được thức-giả liệt vào hạng mỹ-nghệ, đặt dưới những công-trình của nhà điêu-khắc, họa-sĩ? Có chi khác, giữa pho tượng Quan-Âm hoặc cô chăn cừu bằng lĩnh-cao-thạch ở tủ kính quày hàng kia, với những thân người của Praxitèle hay Coysevox? giữa cảnh thuyền đi trên sông ở bức sơn mài và ở tranh sơn-thủy của Vương-Vũ, hoặc bến Argenteuil của Monet? (1) Muốn tìm dị-điểm, cần xem xét theo những phương-diện thường được chú trọng ở phạm-vi mỹ-học.

Mục-đích và lãnh-vực. Từ 150 năm nay, nghệ-thuật phát triển tự-do, các nghệ-sĩ tha hồ tìm đẹp hay thăm dò sự thật, ở nhân-sinh và vũ-trụ: đại-đa-số không theo đuổi hoặc muốn nhằm hẳn mục-đích gì rõ rệt (2). Vì thế, nghệ-sĩ không những tìm nguồn cảm-hứng trong thực-tế, còn

(1) *Praxitèle*: nhà điêu-khắc Hy-Lạp, thế-kỷ thứ 4 trước Dương-lịch.

Coysevox: nhà điêu-khắc Pháp (1640-1720).

Vương-Vũ: họa-sĩ Tàu đời nhà Thanh.

Monet: họa-sĩ Ấn-Tượng (1840-1926).

(2) Như nhà xã-hội-học Durkheim đã nhận: nghệ-thuật đáp lại một nhu-cầu của ta, là phóng thả sức hoạt-động không mục-đích, chỉ để có vui thú phóng thả, *l'Art répond au besoin que nous avons de répandre notre activité sans but, pour le plaisir de la répandre.*

muốn thoát-ly cảnh, tình, và thế-giới khả-giác để đưa tâm-hồn vào những cõi bí-huyền ; nghệ-thuật càng hướng về trừu-tượng, càng lánh xa đời sống và con người.

Trái lại, mỹ-nghệ trước hết phải có công-dụng trong cuộc sinh-hoạt, chế thật đẹp những đồ cần thiết cho sự ăn, mặc, ở, làm, chơi, để tô điểm cho thân-thể và tạo ra những hoàn-cảnh vui tươi. Số đồ đạc tạo ra càng nhiều, mỹ-nghệ càng mở rộng lãnh-vực tới cả những vật tầm-thường nhất như chiếc khuy, chìa khóa, cái ghim, càng đi sâu vào mọi góc cạnh của thực-tại hữu-hình cụ-thể.

Tuy-nhiên, tiêu-chuẩn lợi-ích thay đổi tùy người và tùy thời. Bức họa, tiếng đàn, vần thơ, đối với đa-số chẳng dùng làm chi được việc, nhưng lại thành lẽ sống của họa-sĩ, nhạc-sĩ, thi-sĩ ; và cũng có người bớt tiền ăn để mua đĩa hát, đi coi kịch hay sắm nữ-trang. Quần-chúng ở các nước tiến-tiến hiện nay không còn coi nghệ-thuật như một xa-xỉ-phẩm, nhưng là món ăn tinh thần cũng cần như môn học phổ-thông (1). Về phía nghệ-sĩ, tuy vẫn có người chủ trương nghệ-thuật vì nghệ-thuật, cũng chẳng thiếu chi người khác tin rằng nghệ-thuật có thể hoặc phải giúp ích xã-hội, và sau Đại-Chiến II, phong-trào nhập cuộc tranh đấu của nhiều văn nghệ-sĩ (engagement) mạnh hơn bao giờ hết.

Quan-niệm và thực hiện. Theo một thành-kiến khá lâu đời và ít khi được ngẫm lại, nghệ-thuật đòi hỏi tài-hoa, mỹ-nghệ chỉ cần tinh-xảo, hoặc nghệ-sĩ sáng tác bằng tinh-thần, nhà mỹ-nghệ hoạt động với thân-thể và dụng-cụ.

Sở-dĩ có sự xét lầm như vậy, là vì người ta hay xáo trộn, không tách rời *sáng-kiến* và *mô-phỏng* : người đầu tiên ý niệm ra được hình chiếc lư hay một kiểu nữ-trang đẹp, phải có khả-năng tưởng-tượng và mỹ-cảm của một nghệ-sĩ ; ai theo khuôn-mẫu sẵn có mà nặn, đúc hay chạm như hệt, là một thợ khéo. Có khi một người kiêm cả hai việc, song nghĩ ra thì mấy ai biết, lẳng lặng mà làm thì chỉ được coi là có hoa tay.

Cũng có tác-giả (2) căn cứ để phân biệt, vào các giai đoạn hoạt-động : quan-niệm rồi thực-hiện. Hai công việc này ở nghệ-thuật đều phải do một mình nghệ-sĩ đảm nhiệm thì tác-phẩm mới có tính-cách cá-biệt và độc-đáo : không bao giờ một họa sĩ nghĩ đề-tài, và cạy một họa-sĩ khác vẽ hộ nên tranh. Trái lại, trong

---

(1) Trong bộ Encyclopédie Française, Arts et Littératures, có nhiều mục nghiên cứu rất rõ về những nhu cầu nghệ-thuật của cá-nhân và của quần-chúng (Les besoins individuels et les besoins collectifs, arts de l'espace et arts du temps).

« *Những văn-minh đã từng vĩ-đại nhờ nghệ-thuật, là những văn-minh coi sự vô-ích là sự cần thiết* : les grandes civilisations artistiques furent des civilisations où l'inutile était nécessaire ».

Thierry Maulnier

(2) *Henri Van Lier* : Les Arts décoratifs, caractères généraux.

Tấm thảm dệt : tích thần-thoại **Ariane** đi tắm. Của xưởng Aubusson 1665. Nếu **xen lấn** vào địa-hạt nghệ-thuật, để **ganh đua như ở đây với hội-họa, thì mỹ-nghệ chỉ phơi** ra những vẻ giả-tạo : cứng, trơ, và lạnh. Song hoa lá nối liền nhịp **múa ở viền quanh** tấm thảm : vui mắt, khi mỹ nghệ yên phận trong lãnh-vực trang-trí.

mỹ-nghệ, nhiều khi một người đặt kiểu, kẻ khác dệt, đan, nhuộm, đóng chạm, nặn, tô màu (1).

Nhưng kiến-trúc-sư cũng giao cho thợ hồ thợ mộc xây dựng giúp, chớ không hề mó tay vào gạch vào gỗ : sự thực-hiện gián-tiếp đâu có làm mất tính-cách nghệ-thuật của kiến-trúc ?

Dẫu sao, nghệ-sĩ tương-đối ít lệ thuộc các điều-kiện khách-quan hay vật-chất, tùy lòng mình chớ không theo ý kẻ khác, nên có thể phóng-dật tung hoành, tìm thể theo hướng nào cũng được, có khi vượt quá hoặc đi ngược các trào-lưu của thời-đại.

Nhà mỹ-nghệ sản xuất cho người, phải thăm dò tâm-lý khách hàng, tìm những vẻ đẹp nào dễ được đa-số chấp nhận, hay ít ra cũng dung hòa

Trái mướp đắng bằng bạch-ngọc Viện bảo-tàng Đài-Loan. Người tạo ra đồ này, không phải chỉ là một thợ chạm.

(1) Như Jean de Bruges vẽ ra kiểu tấm thảm, giao cho đốc-công Nicolas Bataille để điều động các hạng thợ thi hành.

sáng-kiến cá-nhân với sở-thích của người chung quanh.

Đẹp nghệ-thuật và đẹp trang-trí. Đẹp ở kiệt-tác nghệ-thuật muôn vàn hình thái, nhưng kết-quả vẫn là truyền cảm mạnh, rung động các tâm tình, có thể cho vui, nhiều khi cho sầu, thương, tiếc, giận, kinh hoảng....

Đồ mỹ-nghệ thành công nhất cũng chỉ gây cảm-giác vui, êm-dịu hoặc tươi sáng, vì mục-đích là khiến cảnh sống khoan-khoái dễ chịu hơn. Cho nên, nếu tranh Siêu-thực kỳ-quái có giá-trị nào chăng nữa về phương-diện nghệ-thuật, cũng khó hợp với phòng khách và phòng ăn.

Một pho tượng của Rodin, một bức họa của Manet, có thể xui tôi trầm ngâm mơ màng không dứt, và cũng như ở bản đàn câu thơ hay, tiếng dội còn văng vẳng mãi; mỗi lần ngắm lại, tôi vẫn thấy hình như chưa thưởng thức được vẹn toàn.

Song trái dưa bằng ngọc, bức màn thêu, cái tủ, chiếc bình kia mà tôi nhận là đẹp, chỉ cho tôi sướng mắt, không thu hút lay chuyển hồn tôi : nó vào cảm-giác mà chẳng xuống đáy lòng. Hễ nhìn kỹ, là tôi thấy xong, hết, chỉ có thể, đã được tận hưởng. Vì sao vậy ?

Ở bức họa đẹp, pho tượng đẹp, cũng như phong-cảnh hay nhan-sắc, thực ra cái gì khiến tôi ưa nhiều thích mãi, không phải là đường nét màu chỉ rõ rệt, nhưng là cái gì khó nói, ở dáng duyên, ở cảm-tưởng man mác u-huyền.

Nhìn đồ mỹ-nghệ, tôi đếm được từng nét viền, khía cạnh, tôi trông mãi bình ngọc kia : nó vẫn trong suốt, nhưng im lìm, không ứng phản hợp xung gì hết, nó vô-tri vô-giác ; giữa hình-thể bất-động của nó và tinh-thần biến-dịch của tôi, thiếu sự vãng-lai của những làn sóng bí-mật để thầm thía truyền say.

Ngang, bằng, xổ, ngay, phẳng, nhẵn, bóng, hay tròn cong đều đặn, lục-giác, bát-giác, chữ triện, vạch kẻ song song, dù là bắt chước hoa, lá, người, vật : sự cần-thiết xếp đặt cho thành kiểu-mẫu dễ hiểu dễ theo để bao nhiêu người cứ y thể mà đục, thêu, đúc, nặn một cách máy móc hay nhờ cả máy móc : kỷ-hà-học, công-thức, và lý-trí phân-minh đã kiềm tỏa Đẹp, đồng-thời hạn chế mỹ-cảm trong qui-củ và yên-tĩnh.

Đứng trước một tác-phẩm nghệ-thuật, hễ tôi ưa thích thì hay liên tưởng đến tâm-hồn nghệ-sĩ. Cảnh, sắc, chất-liệu chỉ là những phương-tiện biểu lộ tài-hoa sáng tạo, Đẹp là kết-tinh của sức sống tinh-thần. Có bao giờ tôi coi tranh Cézanne hay Cự-Nhiên mà nghĩ tới bàn tay khéo léo và tự hỏi tác-giả đã dùng thứ vải, thứ giấy, thứ màu gì ?

Nhưng ở đồ nữ-trang, bàn ghế, quần áo, bát đĩa, tôi không thể nào quên chất vàng chất ngọc, gỗ gụ, cẩm-lai hay bàng-lang, tơ tằm hay lụa nhân-tạo pha-lê hay sứ. Đẹp nhờ kỹ-thuật, song ở nhiều trường-hợp, phần lớn nhờ chất liệu thiên-nhiên hay của kỹ-nghệ cung cấp, hơn là do

Tranh Trừu-tượng ? Đây chỉ là giấy in hoa (papier peint) để dán lên tường che phủ thay sơn vôi, 1960.

tài-năng của người chế tạo : không thấy sự biến-hóa nhiệm-mầu là điều-kiện khuất phục để nâng lên cao và cuốn đi xa...

***

Sự phân-biệt đại-khái như trên, cần được ý niệm một cách mềm dẻo. Nếu vượt quá mọi chi-tiết hay mọi đồ vật, mọi tác-phẩm để xét bao-quát, thì phải nhận rằng mặc dầu trình-độ và giá-trị cao thấp khác nhau, mỹ-nghệ và nghệ thuật thường có những sự gặp gỡ và trao đổi trên đường tiến-triển.

Dù người chế tạo hay sáng tác muốn hay không, nghệ-thuật và mỹ-nghệ đều mang tính-cách chung của

Tranh trừu-tượng ? Hình trang-trí trên tường, gọi là Kim-Cương Đen Diamant noir 1960 của Louis-Marie Jullien.

Không phải là đồ mỹ-nghệ trang-trí tuy cũng nhờ pha-lê mà tăng vẻ đẹp. Tác-phẩm 1961 của nhà điêu-khắc trừu-tượng Closno.

Hình trang-trí trên đá ?
Nhạc-khí, Instruments de musique. 1924, của nhà điêu-khắc Lipchitz.

Có tính-cách trang-trí, nhưng chính là bức họa *Composition aux deux oiseaux 1955*, của họa-sĩ Fernand Léger.

thời-đại. Qui-củ, thăng-bằng của Cổ-Điển Âu-Châu đánh dấu cả tư-tưởng, văn-chương, kiến-trúc, điêu-khắc, hội-họa, cũng hiện ra trên chiếc bàn, tấm thảm, vườn cảnh ở thế-kỷ XVII. Tròn cong, nhẹ nhàng, bay bướm, thay cho ngay-ngắn lạnh-lùng, ở tranh Tiepolo và Fragonard, ở các mái nhà, cánh cửa, ghế ngồi, thế-kỷ XVIII. Bởi vậy, mới thành ra những kiểu (style) của mỗi thời Louis XIV, Louis XV...

Trong cận-đại, nhiều tranh vẽ hình dẹt phẳng, hoặc giản-dị-hóa (schématisation) hoặc biến thể theo những mẫu mực riêng biệt kiểu-thức-hóa (stylisation) người vuông như đẽo gọt, lá tam-giác v. v... hai phương-pháp quen thuộc ở mỹ-nghệ, đã được nhiều họa-sĩ như Gauguin,

Matisse, Léger áp dụng vào hội-họa. Các nghệ-sĩ này, cùng Cocteau, Picasso, Chagall. Max Ernst, Tanguy... cũng nặn hình, tô đĩa, vẽ thảm, kính thánh-đường, và đưa ra rất nhiều kiểu đồ đạc từ nữ-trang đến giường, tủ, thùng tắm... (1)

Những nghệ-sĩ Trừu-Tượng muốn rời khỏi tạo-vật, lắm khi chỉ trở lại những đường nét tô điểm của nhà mỹ-nghệ, và nhiều tác phẩm nghệ-thuật không khác gì tấm gỗ chạm, khăn vải hay giấy sơn của chuyên-viên trang-trí.

Ngược lại, nhiều chuyên-viên trang trí đã từ bỏ những hình đều đặn, những khoảng màu rõ rệt, và những đường nét sóng nhịp, để buông thả những vết phất-phơ và những ráng tỏ-mờ như ở tranh Trừu-Tượng.

Nhiều nhà điêu-khắc xưa kia chỉ dùng gỗ, đá, đất sét, nay cũng lợi dụng chất-liệu đẹp sẵn, nhựa celluloïd, pha-lê, kim-khí mạ kền bóng loáng (trường-hợp Naum Gabo, Pevsner, Calder, Stahly v. v...)

Sự hỗ-tương ảnh-hưởng rất có thể còn mạnh hơn, nhờ lối cộng-tác trong mỹ-học kỹ-nghệ. Với sự phát-triển của ngành này, nhân-loại sẽ tìm ra không biết bao nhiêu vẻ đẹp dung hòa, để trang-trí tiến lên nghệ-thuật, hoặc để nghệ-thuật bớt cao-kỳ hay quái-dị mà đi sâu vào ngày tháng của giống người mong tốt đẹp.

Đ. T.

---

(1) Mới đây, Viện Bảo-Tàng Mỹ-Nghệ Trang-Trí Musée des Arts décoratifs ở Pháp có tổ chức cuộc triển lãm những đồ đạc theo kiểu của 150 nghệ-sĩ, trong số đó rất nhiều họa sĩ nổi tiếng (Arts, 14/20 3 62).

Kỳ tới : *Tìm Đẹp : Tô điểm trong mỹ-nghệ.*

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

***nhật báo* TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

*

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC
38, Bishopsgate, London E. C. 2

*

SAIGON CHI - CỤC
CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

*

NAM - VANG CHI - CỤC
10, Phlauv Preah Kossamac .

*

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

8 Kinh nghiệm đời văn
(call it experience)

ERSKINE CALDWELL
PHONG-GIAO dịch

(xin xem từ B.K. số 129)

XIV

Trong thượng bán-niên 1929, nghĩa là khoảng gần sáu năm sau lần đầu tiên tập viết truyện tại Đại-học-đường Virginia, tôi nhận được một lá thư thuộc vào loại mà từ trước đối với tôi là hoàn toàn xa lạ.

Đó là thư của Alfred Kreymborg nói rằng ông ta cùng hai viên chủ bút khác của đặc san *The New American Caravan* là Lewis Mumford và Paul Rosenfeld, đã thỏa thuận sẽ đăng trong số tháng X một truyện ngắn mà tôi đã gửi tới. Truyện đó nhan đề là *Midsummer Passion*, có bối cảnh là hạt Maine, thuật lại một cuộc đụng chạm ngắn ngủi nhưng hung bạo xảy ra khi một người nông phu tới thăm nhà người láng giềng vào một buổi chiều trọng hạ. Tôi viết truyện đó tại Mount Vernon năm trước, và đã gửi tới mười hoặc mười hai tờ báo khác nhau trong khoảng 12 tháng vừa qua. Mãi hơn một năm về sau tôi mới khám phá ra điều bí ẩn là một trong hàng tá tờ báo vừa kể là tờ *transition* (1), ấn-hành ở tận bên Pháp, đã giữ lại bản thảo truyện đó, rồi đem đăng, và chẳng cần hỏi ý tôi, họ đã tự ý đổi tên là *July*.

The New American Caravan không phải là tập san mà là một tuyển tập thi văn, mỗi năm xuất bản một lần. Số tiền nhuận bút trả cho thiên truyện vừa kể chưa được 25 Mỹ-kim song đối với tôi tiền bạc chỉ là truyện thứ yếu. Điều tối quan trọng đáng kể nhất vẫn là việc một người nào đó ở một nơi nào đó, sau chót, đã bằng lòng nhận đăng một chuyện do ngòi bút của tôi viết ra. Những thất vọng chồng chất trong nhiều năm qua đột nhiên được sóa bỏ hoàn toàn trong trí nhớ của tôi.

Sự thành công đó đã khích lệ tôi rất nhiều, và tôi bắt đầu gửi truyện cho rất nhiều tạp chí khác nhau, mỗi lần gửi từng lô tới 6, 7 truyện. Trong vòng sáu tháng, có rất nhiều truyện được nhận đăng trên các báo *transition, Blues, Hound and Horn, Nativity* và *Pagany*. Đương nhiên là như

(1) Trong nguyên bản *transition* không viết hoa.

vậy tôi đã gặt hái được một vài thành quả trên phương diện kỹ thuật, nhưng thực ra tôi còn phải đi rất xa mới mong tới đích thành công, bởi lẽ những tạp chí vừa kể không có mấy ảnh hưởng trên thị trường chữ nghĩa, vì số độc giả của các báo đó rất là giới hạn. Tất cả những tờ báo tạm gọi là những tập-san nhỏ đó đều không được phát hành sâu rộng, và tiền nhuận bút trả cho các tác giả, nếu có, cũng ít hơn số nhuận bút đã kể trên đây của tuyển tập *The New American Caravan*. Nếu tôi nhớ không lầm, tổng số tiền nhuận bút mà tôi đã nhận được trong năm đó, trả cho 6 đoản thiên đã được đăng báo, vẫn chưa lên tới 100 Mỹ-kim. Tuy nhiên, tôi cũng rất sung sướng nếu chẳng nhận được đồng nhuận bút nào cả, bởi vì dẫu sao việc các truyện được in cũng là cái thành quả duy nhất mà tôi thâu đạt được. Cho đến nay, tôi vẫn theo đuổi cái mục đích cao cả nhất trong cuộc đời là trở nên một nhà văn thực thụ. Và tôi tin tưởng một cách chắc chắn là nếu như tôi có đủ tài để thành công thì rồi ra các phần thưởng xứng đáng sẽ tự tìm đến với tôi.

Sau khi cơn xúc động do lá thơ của Alfred Kreymborg gây ra đã qua đi rồi, tôi bèn lấy một cái valy đem nhét đầy các bản thảo — đầy tới mức mà sức tôi còn sách nổi, và lấy vé xe buýt đi New-York. Khi rời khỏi Portland túi tôi có 12 Mỹ-kim, một vé xe đò khứ-hồi, và một tập truyện *Sister Carrie* của Theodore Dreiser, ấn-bản đầu tiên (1). Hồi ở Atlanta tôi đã mua cuốn sách này giá 35 xu tại một hiệu bán sách cũ, và đã cố gắng giữ gìn thật cẩn thận với hi-vọng là tới khi cần thiết và gặp dịp tôi sẽ đem bán lấy một số tiền nhiều lần lớn hơn số giá bán ghi ở ngoài bìa. Lần này tôi dự trù sẽ đem bán cuốn sách để lấy tiền tiêu pha trong những ngày tại New-York.

Với cái vẻ hào phóng của một tác-giả-sắp-có-sách-được-xuất-bản (2) tôi tới ghi tên trọ ở Manger Hotel (sau này đổi tên là The Taft) ở khoảng giữa đại-lộ số 7 và đường số 51. Tôi mướn một căn phòng thuộc vào hạng duy nhất thích hợp với túi tiền của tôi là 2 Mỹ-kim một ngày. Như vậy, tôi sẽ có đủ tiền ở trọ trong 4 ngày mà vẫn chưa cần đem bán cuốn sách quý *Sister Carrie*, nếu như tôi biết tự hạn chế tiền ăn và thuốc hút trong giới-hạn 1 Mỹ-kim một ngày.

Nhưng sau ngày đầu tiên tại New-York, tôi đã phải tiêu tốn hơn 1 Mỹ-kim riêng về khoản ăn uống, và vì vậy tôi phải đem cuốn sách tới một người chuyên buôn các sơ-bản sách hiếm ở khu Đông đường 59. Người lái sách xem qua cuốn sách và vội vàng nói ngay là cuốn sách thật có giá trị, song ông ta lại không thể biết chắc là nó trị giá tới bao nhiêu. Ông ta khuyên tôi

---

(1) *Sister Carrie* là tác-phẩm đầu tay của văn-hào Theodore Dreiser (1871-1945), xuất bản lần đầu năm 1900. Hồi mới in, tác-phẩm bị chìm trong im lặng và rẻ rúng. Nhưng sau này, quần chúng lại hoan nghênh chào đón như một biểu-tượng của lịch-sử văn-học Hiệp-chủng-quốc, mở đầu cho thế-hệ văn-chương thuần túy quốc-gia. Do đó, sơ-bản của *Sister Carrie* trở nên một sách hiếm, được các nhà chơi sách ưa chuộng tìm mua với giá rất cao.

(2) an about-to-bepublished author.

(*Lời chú của người dịch*)

nên để cuốn sách lại tiệm ông cho tới ngày hôm sau. Trong thời gian đó, ông sẽ đem sách mời bán cho một khách hàng ở Long Island. Tôi thỏa thuận để sách lại sau khi thẩm nhủ sẽ trở lại tiệm sách sáng ngày hôm sau để nhận số tiền bán sách theo đúng thời giá.

Cái valy của tôi chứa đựng đủ mọi loại sáng - tác văn-nghệ : nhiều truyện vừa, những truyện dài viết dở, thi ca, truyện hài hước, tiểu luận, và hàng tá truyện ngắn. Tôi không có một mưu toan nào nhằm đem bán những truyện đó, nhưng tôi vẫn hi vọng là rồi ra tất cả sẽ được ấn - hành. Song le, sau nhiều cố gắng vô - hiệu quả, tôi đã nhận thức được rằng sự giao dịch về thư từ dễ lưu ý được các nhà xuất-bản cùng các vị chủ bút nhiều hơn là nếu ta đích thân vác bản thảo tới mà xin hội-kiến họ.

Hoàn toàn ngu vụng trong lãnh vực xuất-bản, tôi không được biết các vai trò quan trọng của các vị đại-diện cho tác-giả (1) nên tôi cảm thấy sẽ khôn ngoan hơn nếu tôi tìm cách làm quen với một nhà đại-diện văn chương chuyên nghiệp (1). Tôi giở sổ niên-giám điện-thoại và tình cờ tìm thấy tên một vị đại-diện mà tôi xin được hội kiến. Khi tôi tới văn phòng ông ta, lễ mễ vác theo cái va ly đựng đầy nhóc những bản thảo, vị đại-diện văn chương, mà giờ đây tôi đã quên mất tên, ném một tia nhìn thật dài và khắc khổ lên những sấp bản thảo, đoạn bảo tôi hãy để tất cả lại đó để khi nào có đủ thời giờ, ông ta sẽ đọc. Cái « khi nào » đó đối với tôi thật là mênh mông vô hạn khiến cho tôi không còn ý định nhờ cậy ông giúp đỡ việc gì nữa. Khi tôi rời khỏi văn phòng, vị đại-diện lại hỏi tên tôi lần nữa. Sau khi tôi nhắc lại, ông ta bèn bình phẩm rằng ít nhất đó cũng là một ưu điểm khiến cho tôi khỏi phải bận tâm lo nghĩ ; ông đoan chắc là tôi đã có một cái tên rất đẹp, thích đáng với những tác phẩm văn chương hơn bất cứ cái tên nào khác, và thật ra tôi chẳng cần phải thay đổi bút-hiệu làm chi.

Buổi sáng hôm sau, tôi tới đường 59 theo đúng hẹn với người lái sách, trong lòng chứa chan hi vọng sẽ nhận được 10 hoặc 12 Mỹ-kim tiền bán sách. Nhưng ngay khi tôi vừa lên tiếng, hắn ta đã cả quyết phủ nhận là không hề quen biết tôi bao giờ và chẳng hiểu là tôi định nói chuyện gì. Hơn thế nữa, hắn ta còn dám đoan chắc là trọn đời hắn chưa hề trông thấy mặt tôi lần nào cả. Tôi nhắc lại câu chuyện hắn ta nói với tôi ngày hôm trước, tôi tả lại cuốn sách mà tôi đã gửi hắn ta bán hộ, tôi còn nhớ một cách khá rõ ràng về cái cra-vát mà hắn ta đeo sáng ngày vừa qua để thuật lại cho hắn ta phục-hồi trí nhớ. Hắn ta bỗng đùng đùng nổi giận, hét lên rằng tôi định kiếm chuyện chọc phá hắn, và đe dọa sẽ gọi cảnh-sát tới nếu tôi không chuồn đi ngay tức khắc. Tôi không có bằng cớ gì để minh chứng là tôi đã bị hắn lừa bịp, vì vậy tôi chẳng còn biết làm gì khác hơn là bỏ đi. Trong suốt khoảng thời gian còn lại ở New York, tôi xiết giây lưng ăn uống một cách rất là... thanh đạm.

Tôi không biết tại sao mà Alfred Kreymborg lại hay tin tôi tới New-York và có mang theo một va ly chứa đầy bản thảo. Ông ta khuyên tôi nên đưa cho một

(1) litterary representative, or author's agent.

nhà xuất-bản đọc một vài thiên truyện ngắn dài nhất, hoặc là các truyện vừa. Tôi trao một trong những truyện vừa cho Erich Posselt, một thanh niên hoạt bát và quả cảm, lúc đó đang làm giám đốc một cơ sở xuất bản tên là The Heron Press.

Có thể là tôi đã lầm lẫn song dường như Erich không có nổi một văn phòng nên đã giải quyết tất cả mọi công việc trong một chiếc xe taxi. Tôi còn nhớ hồi đó đã gặp Erich nhiều lần, mỗi lần lại hẹn theo giờ, tại một góc phố nào đó đã định trước trên lề đại lộ Madison. Thường thì Erich đi taxi tới, dục tôi nhảy lên xe, và trong lúc xe đi thật chậm dọc theo đại lộ Madison trong khu Murray Hill, vào khoảng nửa giờ hay lâu hơn thế nữa, thì Erich ngồi nói và tôi thì ngồi nghe. Sau hai lần gặp gỡ kiểu đó, tôi đã âm thầm chuẩn bị chấp nhận đề nghị của anh ta nhằm việc xuất bản thiên truyện vừa mà tôi đã trao cho anh đọc cách đó ít bữa. Viễn-tượng thấy sách được xuất bản kích thích tôi quá nhiều đến nỗi giá như Erich đòi hỏi, tôi cũng sẵn lòng ký nhượng ngay cho anh ta tất cả bản quyền về tất cả số bản thảo đang nằm trong valy.

Chúng tôi ký hợp đồng xuất bản thiên truyện vừa, và chỉ tới lúc đó, Erich mới cho tôi biết là rồi ra sách sẽ mang tên mới là *Đứa Con Hoang* (1). Đối với tôi, cái nhan đề đó thật là kỳ cục và chẳng thích đáng chút nào với một cuốn tiểu thuyết, song tôi tự an ủi là dẫu sao thì Erich cũng hiểu rõ các bí quyết của ngành xuất bản nhiều hơn tôi.

Tới tháng X, không bao lâu sau ngày tuyển-tập *The New American Caravan* được phát-hành, thiên truyện vừa (2) ra chào đời trong một ấn-bản loại đắt tiền, chỉ gồm 1.100 cuốn có trước số và có tranh vẽ trọn trang của họa-sĩ Ty Mahon. Vài tuần lễ sau, khi đã trở về Portland, tôi nhận được vài hàng chữ của một nhà chức-trách địa-phương cho biết là mặc dầu ông không có ý trở thành một nhà phê-bình văn-học, song ông đủ sức hiểu biết được gì mà ông nhìn thấy trong các tranh phụ-bản, cho nên ông tự thấy có bổn-phận phải ra lệnh cấm không cho phép tác-phẩm của tôi được bày bán trong thị-trấn Portland.

⁂

XV

Vào một buổi sáng cuối thu, khi sương mù màu sám còn đang bao trùm trên cảnh vật Cape Elizabeth, tôi nhận được một lá thơ ngắn của Maxwell Perkins, giám-đốc nhà xuất-bản Charles Scribner's Sons (3). Trong thư ông nói đã đọc một vài truyện ngắn của tôi đăng trên những tập-san nhỏ, và ông yêu cầu tôi gửi tới tòa-soạn báo *Scribner's magazine* một vài truyện ngắn chưa hề đăng mà tôi còn giữ sẵn bản thảo. Đó là lần đầu tiên có người yêu cầu tôi gửi bản thảo, và bởi vì không cần bàn cãi tờ *Scribner's magazine* cũng đáng được xếp ngay vào loại tập-san thương-mại có tầm phát hành rất rộng

---

(1) The Bastard

(2) Novelette

(3) Một nhà xuất-bản quan trọng bậc nhất tại Hiệp-chúng-quốc — Lời chú của người dịch.

lớn, nên đối với tôi lá thư yêu cầu nọ còn đáng được coi là một bước tiến quan trọng nhiều hơn là những thiên truyện đã được in trên tuyển-tập *The new American Caravan* và những tạp-chí tầm thường khác.

Lá thư đó khơi mào một thời-kỳ làm việc say sưa. Trong suốt ba tháng trời tôi đã sáng-tác một cách thật hăng say với một tiềm-lực mà chưa bao giờ tôi được gặp trước đó và mãi về sau này cũng chẳng bao giờ được gặp lại cả.

Để khởi sự, mỗi ngày tôi gửi tới Marx Perkins một thiên truyện ngắn, đều đặn trong suốt một tuần. Mỗi truyện gởi đi đều có hồi âm từ chối một cách nhanh chóng, nhưng không vì thế mà tôi đâm ra nản chí. Hơn thế nữa, tôi còn tự đặt mình vào trong một thứ kỷ luật nghiêm khắc, buộc tôi phải viết thật đều đặn hai truyện ngắn trong một tuần. Chẳng bao lâu sau tôi không tài nào chịu nổi độ sống trầm lặng tại Cape Elizabeth và cảm thấy cần thiết phải bỏ đi một nơi nào khác. Lúc đó mùa đông đã sớm về trên rừng núi Mount Vernon, và kho củi nhà tôi lại chỉ đầy có một phần. Tôi lại đành đi về hướng Nam lần nữa.

Thoạt tiên tôi đi tới Morgana. song những cơn mưa tầm tã đã khiến cho xe cộ không còn lưu thông được trên con đường đất đỏ đưa tới căn lều nằm giữa rừng thông. Vì vậy tôi lại bỏ đi Augusta. Ở Augusta tôi tìm được chỗ trọ không đắt lắm trong một căn nhà có phòng cho mướn tại đường Greene. Tại đó tôi đã làm việc bù đầu suốt ngày đêm trong nhiều tuần lễ, chỉ ngưng tay mỗi ngày hai lần để xuống phố mua một hộp đậu và một mẩu bánh về ăn.

Lúc đó là tháng Giêng và căn phòng tôi trọ không có hơi sưởi. Đôi bàn tay và bàn chân tôi hãy còn những vết nứt nẻ có từ hồi bị lạnh cóng trong mùa đông đầu tiên sống ở miền Bắc xứ Tây Anh-Cát-Lợi (1).

Các vết nứt nẻ vốn đã đau đớn ấy khi gặp lạnh càng trở nên đau đớn gấp bội khiến tôi phải lên tiếng than phiền với bà chủ nhà về việc căn phòng thiếu hơi sưởi. Nhưng trước đó mụ chủ nhà đã trách cứ tôi về tiếng động do máy đánh chữ của tôi gây ra vào hồi 2, 3 giờ khuya ; và giờ đây mụ ta nói rằng tất cả những người ngay thẳng, những người siêng năng làm việc đều có giờ giấc làm ăn trong ban ngày, chứ đâu có ngồi lỳ ở nhà để mổ loạn xạ trên một bàn máy đánh chữ trong bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm. Rồi mụ ta còn lớn tiếng dọa nạt tôi là hoặc tôi phải kiếm một công ăn việc làm tử tế, hoặc là tôi phải dọn đi nơi khác mà ở. Tôi không tài nào kiếm nổi một căn phòng nào khác trong thành phố, cho thuê với giá hai Mỹ-kim-rưỡi một tuần, nên tôi quyết định không kêu ca chi nữa và an phận ở lại đó vậy.

Có thể là ở hạt Maine tiết trời còn lạnh hơn, song tôi không hề lưu ý đến điều đó. Tới cuối tháng Giêng, nghĩa là vào tiết trọng-đông tại Maine, tôi dám chắc ở Mount Vernon tôi còn đỡ bị lạnh

(1) Northern New-England.

hơn là ở trong căn phòng không có hơi sưởi tại Georgia này. Tôi lấy vé xe buýt và trở về Mount Vernon với một máy đánh chữ sách tay và một va ly đựng đầy bản thảo. Tôi phải mở đường đi vào cửa nhà qua một sân tuyết sâu tới ba bộ, và vội vàng nhóm lửa trong lò sưởi dưới bếp. Trong sáu tuần lễ tiếp đó, tôi đã nấu nướng, ăn, ngủ và viết trong căn bếp có đủ hơi sưởi ấm áp đó.

Trong hai tháng trước đó, ngay khi Marx Perkins từ chối truyện nào, tôi liền gửi ngay cho báo khác. Phần lớn những truyện đó đều được đăng trên những tờ *This Quarter*, *Pagany*, *Hound and Horn*, *Clay*, và nhiều tập-san nhỏ khác. Tới cuối tháng Hai, tôi tin là đã tìm thấy trong những lá thư từ chối của Marx, một thái-độ hòa nhã rõ ràng trong lối phán xét các truyện của tôi. Các bản thảo được gửi trả lại một cách không còn nhanh chóng như trước, và tôi cho rằng đó chính là dấu hiệu chứng tỏ là Marx đã lưu tâm nhiều hơn tới các truyện của tôi; và phần khác nữa, có thể tại vì ông ta đã tận-dụng tất cả mọi lý-do để mà từ chối rồi. Cũng có thể là ông ta đã trở nên chán ngán trước sự kiên tâm sắt đá của tôi, nhưng, dẫu sao đi nữa, những lá thư của ông cũng đã bớt vẻ kiểu cách theo nghi thức, và càng ngày càng trở nên thân-hữu và khích-lệ.

Erich Posselt yêu cầu tôi gửi cho anh một truyện vừa khác, và tôi gởi

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NGHỆ-THUẬT LÀM VĂN ĐỌC VĂN

● **Vũ-Kỳ biên soạn**

(In lần thứ 3 — Hoàn toàn sửa chữa và bổ khuyết. Sách dày độ 700 trang. Một công trình biên soạn. Khảo luận tinh tường, nghiên cứu về nghệ thuật viết văn của các văn thi tài Việt-Nam, từ cổ điển đến cận kim hiện đại, đối chiếu với các nhà văn ngoại quốc — **KHAI-TRÍ xuất-bản**).

ĐẠO LÀM NGƯỜI CỦA NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

● **Vũ-Kỳ biên soạn**

(Ngoài phần phân tích dựa trên cơ sở văn học, tâm lý và đạo đức, ngoài phần thư văn trích giảng, có soạn kèm theo những điều cần biết để làm một bài giảng văn — một đề nghị luận văn chương và *các câu hỏi sau một đoạn văn thơ, theo chương trình mới 1962 trong kỳ thi Trung-học Đệ-Nhất-Cấp và Tú-tài I A. B. C. D.* — **KIM-Ý xuất-bản**).

đi ngay không chậm trễ phút nào. Trong lúc sách được xuất bản vào khoảng cuối năm đó, Alex Hillman, một trong những người có cổ-phần chính của The Heron Press, đã thay thế Erich giữ chức giám-đốc, vì lý-do gì tôi không rõ nữa. Alex tổ-chức một công-ty xuất-bản mới, và ấn-hành thiên truyện vừa của tôi, nhan đề là *Dân khố rách* (1). Sách mang dấu hiệu của nhà xuất-bản The Rariora Press, trong một ấn bản có trước số và có tranh vẽ của Alexander Couart. Alex có một trụ sở — đặt tại một dãy phố xứng đáng chứ không phải trong một xe taxi chạy dọc theo đại lộ Madison — để điều hành công việc. Đàng hoàng như vậy song không hiểu tại vì cơ sở của ông ta được tổ chức chu đáo quá, hoặc là chẳng chu đáo chút nào cả nên đã có một sự lầm lẫn đáng tiếc là ngay chính tác giả là tôi đây cũng không hề nhận được một cuốn sách nào do nhà xuất bản gửi tặng.

Nhưng vào thuở đó, tôi đang còn bận lo nghĩ về nhiều vấn đề khác nên cũng chẳng hơi sức đâu mà để ý tới những chi tiết có tính cách thương mại liên-quan tới việc xuất bản một cuốn truyện vừa. Cho tới lúc đó, mục đích chính mà tôi chịu tốn công theo đuổi trên cõi đời này vẫn là nỗ lực nhằm phá vỡ sự đề kháng dai dẳng của tòa báo *Scribner's magazine*.

Hàng tuần tôi viết đều đặn một truyện mới và gửi ngay tới Max Perkins. Một vài truyện dựng trong khung cảnh miền New England, nhiều truyện khác có bối cảnh là miền Cực Nam. Dường như tôi đã tìm thấy trong óc tưởng tượng một kho vô tận những đề tài, điều khó là làm sao có đủ thì giờ để mà viết được nhiều như tôi mong muốn trong cái khoảng thời gian thật ngắn ngủi chỉ gồm có 24 tiếng đồng hồ trong một ngày. Có một dạo tôi không buồn lên dây thiếu cái đồng hồ duy nhất ở trong nhà nhưng rồi chỉ nhìn tới nó tôi cũng đủ mất can đảm, vì vậy tôi đem giấu biệt một nơi. Ngay khi nào có một bản thảo bị phát hoàn, tôi lại luân phiên gửi tới báo khác cho tới khi nào được nhận đăng. Do đó, số tiền bưu phiếu trở nên tốn kém nhiều hơn là tiền mua thực phẩm và thuốc hút.

Còn như hiệu sách của tôi ở Portland, thì mặc dầu đã có số vốn luân chuyển một ngàn Mỹ-kim vay của ngân-hàng, cũng loạng choạng sụp đổ. Trên thực tế, tất cả kho sách mới có lúc mở tiệm đã bán hết rồi, hoặc theo đúng giá ghi trên bìa, hoặc bán xon lấy 25 xu một cuốn. Phần khác, tôi tự nhủ là tiệm sách đã đạt được mục đích của nó, và đã tới lúc tôi cần phải dứt khoát cho nó sập tiệm. Tôi và cả gia đình đã sống được gần hai năm, tiêu tốn mất chừng một ngàn Mỹ-kim, tức là số tiền mà tôi còn thiếu nợ nhà băng và dự tính sẽ thanh toán chóng vánh. Một tuần lễ sau, Marge Morse tới Mount Vernon với một dáng điệu ủ ê. Bằng một giọng chua chát, cô ta nhắc lại cho tôi rõ sự buồn chán khi giờ đây cô buộc phải trở về với gia đình ở tận Brookline. Ý kiến duy nhất mà tôi có thể dùng để khuyên nhủ cô ta là bảo cô hãy ráng thuyết phục một nhà phê bình văn học nào khác ưng thuận mở một thư

(1) Poor Fool

quán để cho cô bán những cuốn sách mà ông ta đã được giữ thay cho tiền nhuận bút viết bài điểm sách.

Không bao lâu trước khi băng tuyết bắt đầu tan vào đầu tháng Ba, tôi nhận được một lá thư của Marx Perkins, cho phép tôi tin tưởng là cuộc tranh-đấu dòng dã trong ba tháng trời của tôi được hứa hẹn sẽ chấm dứt bằng một thành-công tốt đẹp. Marx loan tin đã quyết định sẽ đăng một truyện của tôi. Ông ta nói là sẽ đăng một truyện nhưng lại không nói rõ là sẽ đăng truyện nào trong số những truyện mà tôi đã gửi tới ông.

Xem xét lại cái đồ-biểu luôn luôn được cập-nhật-hóa để ghi chép những cuộc du-hành của các bản thảo luân lưu từ tòa báo này sang tòa báo khác, tôi được biết là Marx còn giữ của tôi cả thảy là năm thiên truyện ngắn. Tôi đâm ra hốt hoảng lo sợ ông ta sẽ thay đổi ý-kiến — tôi còn sợ rằng cái cơ cấu kinh-tế quốc gia đã lung lay sẽ bị sụp đổ hẳn — rằng sẽ có một tai ương nào đó xảy ra trước khi ông ta kịp cho in truyện của tôi trên mặt báo. Đêm đó tôi làm việc tới sáng, để có truyện mới gửi thêm về tòa báo, ngõ hầu ông ta có thể nhất quyết chọn đăng mà không cần trì hoãn lâu thêm nữa.

Sau hai đêm và một ngày làm việc không ngừng, tôi hoàn tất được ba truyện ngắn. Cộng thêm với ba truyện khác mà tôi đã lựa trong xấp bản thảo chất đầy mặt bàn giấy, tổng-số các đoản thiên gửi cho ông Marx chọn lựa lên tới mười một truyện. Và lần này, thay vì hối hả đem các bản thảo ra gửi bưu-điện, tôi suy nghĩ thấy nên đích thân mang truyện tới New-York. Lúc đó tôi cảm thấy đích đáng khi có ý lo sợ là một tai nạn xe lửa sẽ có thể xảy ra và gây nên một sự chậm trễ phiền toái cho việc phân phát các bưu-phẩm.

PHONG-GIAO

(còn nữa)

Lưu-ý bạn đọc :

Tới đây là vừa hết PHẦN I : NHỮNG NĂM THƠ ẤU. Phần này gồm tất cả *15 chương*. Trong mấy số báo trước, vì sơ-xuất nên ấn-công đã xếp lẫm chữ *phần* trước những *con số ghi số chương*.

Xin thành thật cáo lỗi và mong bạn đọc vui lòng gạch bỏ dùm mấy chữ *phần* sai lạc đó.

đọc và cổ động BÁCH-KHOA

truyện ngắn

LÊ-TẤT-ĐIỀU

Bàn cờ tướng

TRONG công việc đến nhậu ở cái quán đầu ngõ già Thông và ông Tư liên kết với nhau thật chặt chẽ. Ít khi người ta thấy ông gía này ngồi ngất ngưởng trước ly bia mà lại không có ông già kia ngồi đối diện gật gù thù tạc, góp dăm ba câu chuyện đời, cổ kim lẫn lộn. Sự đoàn kết cuối cùng biến thành một cái lệ có lợi cho cả hai người. Mỗi lần thấy hai cụ chậm chạp đưa nhau ra quán, gia đình hai cụ đều đinh ninh rằng ông già nhà mình được ông già bạn có nhã ý thết đãi, họ không còn sốt ruột về vấn đề tiền bạc. Thực ra già Thông và ông Tư cư xử với nhau rất sòng phẳng. Tiền trả luân phiên, chai bia được rót đều ra hai cốc, người thấy ly của mình có cái ngấn cao hơn thì lập tức san bớt cho người kia. Món nhậu được nhằm nhấp từ tốn, mỗi cái gắp đều có thứ tự trước sau. Ông Tư có hơi mập hơn già Thông nhưng lại bị kém hai chiếc răng cửa và một chiếc răng hàm. Nếu đôi khi nhà hàng không vô tình để vào ly của các cụ hai cục nước đá to nhỏ khác nhau thì ta có thể nói chắc rằng trên phương diện ăn nhậu hai cụ già này đã đối đãi nhau theo tinh thần công bằng tuyệt đối. Sự công bằng này càng khiến các cụ thân thiết với nhau hơn.

Lệ thường các cụ ra quán vào khoảng từ bảy đến tám giờ tối. Lúc này bụng già Thông không còn óc ách vì bữa cơm dưa ban chiều, và dạ dầy ông Tư chắc cũng đã tiêu hóa xong ba bát cơm rau có đèo thêm một miếng cháy đã từng làm khổ bộ răng già. Ngồi trong quán rồi thì hai ông già kể cà cho đến khuya, họ chỉ chịu từ giã cái chỗ ngồi hạnh phúc ấy khi nào đã cảm thấy ngượng với anh chủ quán hoặc thình lình một cụ bị con cháu gọi về. Ly cạn rượu, đĩa trống trơn, túi hết tiền nhưng

nếu câu chuyện còn chưa dứt thì họ vẫn cứ ngồi và bắt đầu khai thác đến cái bình nước trà.

Hôm nay già Thông rủ ông Tư ra quán sớm hơn thường lệ chừng nửa giờ. Một đứa cháu già nhập ngũ đã hơn hai năm, thình lình về chơi cho già mấy trăm bạc. Già Thông hả hê vội vàng đi tìm ông bạn tâm giao để chia xẻ niềm vui cho bõ những lúc hai người phải uống bia suông.

Vừa ngồi xuống ghế già Thông đã kêu chủ quán, tiếng nói dõng dạc hơn mọi lần :

— Hai chai la-de, hai tô cháo gà, một dĩa gà xé, lẹ lẹ lên bổ !

Già Thông rút một chân lên ghế. Ông Tư giữ vẻ khép nép, nhũn nhặn vẻ nhũn nhặn của một kẻ vừa choáng mắt về một sự chi tiêu quá mức thường. Già Thông vừa định rút nốt chân kia lên ghế thì hai chai bia đã được đặt lên bàn, sủi bọt trắng bong. Từ trong cổ họng già Thông phát ra một tiếng : « ha... » nhẹ nhàng, khoan khoái.

Sau câu mời của già Thông câu chuyện đã có trớn để tiến lên. Hôm nay cả hai ông già đều nói về đứa cháu của già Thông. Tiểu sử của chàng ta được tô điểm thêm nhiều vết son, những thành tích trong cuộc sống hiện tại của chàng cũng không kém phần rực rỡ. Ông Tư không được dự phần chứng kiến những điều tốt đẹp ấy nên chỉ biết tán thưởng một cách thật tình. Sau một ngụm bia, già Thông xoay câu chuyện sang một chiều hướng quan trọng hơn, đôi mắt già mơ màng suy nghĩ :

— Cha mẹ thằng Bừng (tên thanh niên cháu già Thông) chết hết rồi. Có lẽ tôi phải lo vợ cho nó.

— Anh ấy vẫn chưa có vợ hả ?

— Chưa. Tôi thấy mấy con nhỏ trong xóm mình coi cũng ngộ nên định kiếm cho nó một đứa.

— Con Năm bán bông cỏ coi cũng khá, nói phứt cho anh ấy đi.

— Để coi. Mà điều tôi thấy nó hay cãi lộn với má nó quá trời.

Hai ông già đang phân vân thì nghe thấy tiếng Tâm quát bọn trẻ đang chơi đùa ở đầu hẻm : « Xích dô ! xích dô !... » tay Tâm giựt cái phanh tay nghe canh cách. Tâm ngó vào quán rồi nói to :

— Nhậu vui quá ha hai bác !

Hai ông già cùng cười nhưng không ông nào dơ tay vẫy chào Tâm, sợ cái vẫy đó sẽ khiến Tâm hiểu nhầm. Sự hiểu nhầm đó có thể khiến hai cụ mất thêm một chai bia và rất nhiều đồ nhắm. Tâm xích lô vốn có tiếng là dễ dãi Tâm đạp xe khuất trong hẻm rồi ông Tư mới nghĩ ra là cô Năm bán bông cỏ và Tâm vẫn có tình ý với nhau từ lâu. Ông vội nói :

— Ờ, ờ con Năm hay cãi lộn quá trời !

Già Thông gật gù :

— Tôi muốn nói con Thúy cho thằng Bừng đó.

— Thúy con anh ba sửa đồng hồ ngoài lộ đó ha ?

— Nó đó.

Ông Tư định phản đối. Anh Ba sửa đồng hồ có tiệm ngoài mặt lộ đàng hoàng. Thúy thuộc loại con gái nhà giàu thì dễ gì... già Thông từ ngõ hẻm mò ra mặt lộ để kiếm vợ cho cháu thì cũng phiêu lưu quá ! Nhưng sợ làm bạn cụt hứng mất vui, ông Tư tán thành :

— Con nhỏ đó hay đa.

— Được không ?

— Số dách.

Sau khi lo vợ con cho thằng cháu già Thông rồi, hai cụ ngồi yên lặng nhắm nháp những miếng thịt gà bóp rau thơm. Kinh nghiệm cho hai ông bạn già này biết rằng những giây phút yên lặng là những giây phút tồn rượu thịt nhất, già Thông vội nói :

— Hồi này mấy nước đánh nhau dữ quá trời.

Thình lình bị đưa từ ngõ hẻm đến những cuộc chiến tranh thế giới ông Tư còn ngẩn ngơ, chưa kịp phát biểu ý kiến thì già Thông đã tiếp :

— Con người thiệt kỳ, không chịu sống hòa bình, chỉ ham giết nhau !

— Ờ, ờ. Kỳ thiệt !

— Muốn hòa bình thiệt dễ, vậy mà người ta không chịu đó chớ. Tôi nói nghe bây giờ hết các nước trên hoàn cầu cùng bỏ súng, bắt tay nhau thề không bắn nhau, không lấn đất của nhau thì hết chiến tranh chớ còn gì.

Thấy phương pháp giải quyết hòa bình cho thế giới của già Thông có vẻ giản dị quá, ông Tư nghi ngại :

— Mà mấy nước bị thiếu cơm ăn thì sao. Nhiều nước đói quá rồi đánh càn, đánh bậy...

— Dễ, dễ mà. Mấy nước thừa gạo, ăn không hết thì san xẻ bớt cho những người đói, đâu có sao. Chỉ sợ người ta không thiệt lòng muốn hòa bình thôi chớ. Con vật cũng còn biết nhường thức ăn cho nhau mà.

Già Thông cố moi óc để tìm xem con vật nào nhường đồ ăn cho đồng loại đem ra làm dẫn chứng, nhưng già nghĩ mãi không tìm được.

Nhưng lúc này ông Tư đã chịu lý luận hòa bình của già Thông lắm rồi. Ông nghĩ : nếu mọi người trong thiên hạ đều cư xử với nhau như ông với già Thông thì những người làm nghề chế tạo võ khí sẽ thất nghiệp chắc. Rõ ràng là già Thông đã biết chia xẻ với ông từng bữa nhậu. Muốn sống hòa bình quả thực không có khó khăn gì :

— Ờ, ờ con người thiệt kỳ !

— Phải vậy không ? Cứ như tụi mình thì làm sao có chiến tranh được.

Chai bia của mỗi cụ còn lại chừng một phần ba nhưng đồ nhậu thì vẫn còn nửa dĩa lớn. Anh chủ quán đem đến một ít rau. Già Thông cao hứng mời :

— Ngồi uống một ly cho vui, chú hai.

Chủ quán cười, cám ơn, rồi hỏi :

— Hai bác đánh cờ tướng không ?

— Có chớ. Chú có bàn cờ tướng hả. Sao lâu nay không nói ?

— Mới mua hồi sáng mà.

— Đem coi.

Hai ông già cùng vui mừng vì được hưởng thêm một thú vui bất ngờ. Bàn cờ được bầy ra. Mới nhập mấy nước tài nghệ hai người đã tỏ ra ngang ngửa nên càng thú vị. Có lúc mải nghĩ nước hai ông già quên hẳn đĩa thịt, ly bia. Anh chủ quán thỉnh thoảng lại đến xua ruồi và góp vài câu phê bình thế cờ.

Chiếc đèn măng xông được đem đến tăng ánh sáng cho cuộc tranh hùng. Trước cửa quán mấy chị bán cuốn, bán trứng vịt lộn đã đem hàng đến bầy. Càng về khuya quán càng đông khách. Số người xúm quanh hai ông già đánh cờ càng lúc càng nhiều. Kẻ đứng người ngồi họ cùng cố gắng tìm một vị trí có thể quan sát rõ bàn cờ. Anh chàng bán khô mực sợ bị mất cắp thì cứ chạy ra chạy vào. Mỗi biến chuyển của bàn cờ mà anh không được dự anh đều hỏi cho bằng được. Tâm xích lô cũng gọi một ly cà phê, bắc ghế ngồi cạnh bàn cờ.

Mỗi nước đi bây giờ đều được bàn cãi sôi nổi. Ông Tư bị mất một pháo, một mã, nhưng lại được một kẻ mách nước chém được quân xe của già Thông. Bây giờ ông Tư dồn quân, tính thế bắt đôi sĩ khiến già Thông chống đỡ toát mồ hôi. Già bắt đầu khó chịu với mấy kẻ ngồi ngoài. Kẻ châu rìa chia làm hai phe, số người ủng hộ mỗi phe không chênh lệch nhau là mấy, nhưng già Thông cảm thấy rằng mình ít được mách nước hơn ông Tư. Ông Tư vừa nhấc quân mã lên thì chợt Tâm xích lô chặn lại :

— Không, đem xe lên hơn.

— Xe họ đang đuổi mã mình nè.

— Không cần. Cứ đem xe lên, rồi coi.

Già Thông khó chịu :

— Trời ơi ! kỳ vậy, đánh sao thì đánh đi chứ.

Ông Tư miễn cưỡng theo lời chỉ của Tâm. Già Thông ngần ngại không hiểu địch thủ định toan tính thế nào ? Già đang phân vân thì một kẻ ở ngoài, thuộc phe già, bỗng tuyên bố :

— Lên pháo, lên pháo.

Già Thông lên pháo. Tâm bình tĩnh nhắc một quân :

— Đem xe lên vầy thì chỉ ba nước nữa là bên đó thua.

Mọi người kêu ầm lên :

— Ê. Sao đi tốt vậy ?

— Quân đó đâu phải quân xe. Tốt mà.

Tâm xích lô cúi sát vào bàn cờ rồi ngẩn mặt :

— Ủa, tôi tưởng quân xe chớ...

Anh ta kêu thầm : « chết cha ! » rồi nhắc quân pháo tần đại một nước Sau một phút suy nghĩ vì sợ đòn độc của đối phương, già Thông bình tĩnh buông hai tiếng :

— Ăn xe.

Ông Tư ngồi đớ ra, điếng người vì mất quân xe. Khi ông định thần nhìn lại kẻ vừa gây ra tai họa thì mới biết Tâm xích lô đã lủi mất tự bao giờ ! Ông chửi thề một câu rất tục rồi nói :

— Cho huờn nước này đi.

Già Thông cương quyết :

— Đâu có được.

— Thằng mắc dịch nó đánh bậy mà.

— Thì ráng chịu. Hồi nãy tôi cũng chịu mất quân xe đó.

Ông Tư lại ngồi ngẫn ngơ, lần này vì tức. Nhìn vẻ hớn hở của bọn đối thủ ông càng cảm thấy hậm hực. Cờ ông đang thắng thế bây giờ chợt kém về hẳn. Không biết đi quân nào cho ổn, ông lại chửi thề :

— ... Vầy thì thua rồi còn gì.

Một người bên phe ông vội cản :

— Đâu đã thua. Cứ ăn quân mã bên đó đi.

Ván cờ lại tiếp tục, lần này thì một vài người ở bên phe già Thông ái ngại cho hoàn cảnh oan uổng của ông Tư, cùng dồn sang trợ lực cho ông Tư. Thế cờ lại đổi khác. Già Thông hết cười, toát mồ hôi, men bia bốc lên bừng bừng. Ông Tư tươi tỉnh dần. Có lúc cáu quá già Thông tuyên bố :

— Chấp hết ! tôi chấp hết mấy người đó.

Bọn người bị chấp uất ức liền thi nhau tìm cách đưa già vào thế bí. Trong một nước đi sơ hở già Thông bị chém liền mất pháo, mã và một quân tượng. Bọn người cười phá lên, già Thông cảm thấy như đang nghe thấy tiếng cười chế giễu của bọn tử thù của già. Già gạt mồi hôi trên trán, hai chân đã thu cả lên ghế. Một vài kẻ bên đối phương dục :

— Đi đi chứ. Suy nghĩ lâu vậy ông già ?

Già Thông nhăn mặt :

— Đánh cờ thì phải suy nghĩ chớ, đi ăn cướp đâu mà phải lẹ.

Nhưng vì tức đến ù đầu già không suy nghĩ gì được mà chỉ ngồi đờ ra. Già thò tay lên chiếc bàn bên cạnh để với ly bia đã bị bỏ quên có đến một giờ. Ly bia đã cạn đến đáy, già không hiểu chính già uống hết hay có tên lưu manh nào thừa dịp lộn xộn đã nốc cạn mất. Già Thông hét :

— Ai uống rồi này !

Cả bàn cờ chợt im phăng phắc. Sự yên lặng có vẻ quan trọng khiến già càng nổi giận :

— Thằng nào chơi cha vậy ?

Đoán rằng già Thông định mượn cớ để dở quẻ không chịu tiếp tục ván cờ mà ông đã nắm chắc phần thắng, ông Tư khó chịu :

— Thôi mà... đi quân nào thì đi phứt cho rồi.

Già Thông đặt mạnh ly bia xuống bàn như muốn đập vỡ rồi hậm hực sờ mấy quân cờ. Già nhắc hết quân này tới quân khác mà vẫn chưa kiếm được nước đi ưng ý. Ông Tư dục hêm :

— Sờ quân nào đi quân đó nghe.

Già Thông ngừng tay, nhìn thẳng vào mặt ông Tư, rồi già lại nhìn những kẻ vây quanh ông Tư. Mặt già hơi nghêng đi một chút và già trợn mắt :

— Kỳ vậy ! Phải suy nghĩ chứ !

Ánh sáng chan hoà trên bàn cờ, già nhướng cặp mắt, không sao nhớ lại được thế cờ. Vừa lẩu nhẩu những tiếng vô nghĩa, già Thông lại vừa tiếp tục nhắc hết quân nọ tới quân kia. Một vị chầu rìa sốt ruột :

— Suy nghĩ mẹ gì cho mệt. Ba nước nữa là thua mà.

Câu nói ấy có vẻ đúng quá khiến già Thông giận mờ cả mắt. Ông Tư cười khẩy, nhìn mọi người. Ông cũng rút hai chân lên ghề, ngước mắt nhìn mấy con thiêu thân đang bay quanh chiếc đèn. Rồi ông thở dài như một người lịch sự phải chịu đựng một cử chỉ chẩy cối, bần cùng. Bàn tay gầy guộc của già Thông đang quờ quạng trên bàn cờ thình lình bị ông Tư chặn lại :

— Muốn nghĩ gì thì nghĩ đi... rồi, rồi... đi quân xe rồi đó nghe !

Già Thông chưa kịp nói gì thì ông Tư đã hăm hở :

— Chiếu tướng !

Rất nhanh, già Thông xoa mạnh bàn tay trên bàn cờ, nhiều quân cờ rơi cả xuống đất. Ông Tư tím mặt ; văng tục :

— ... Chơi xấu hả ?

Già Thông cũng văng tục :

— ... đánh cờ tướng mà không cho suy nghĩ !

Và già hất cả cái bàn cờ bằng gỗ vào lòng Ông Tư. Ông Tư chồm lên. Vài người nhúm nhát vội dạt cả ra. Hai ông già túm lấy nhau, vẻ hăng say như hai con gà chọi. Già Thông bị đẩy ngã xuống cạnh bàn nhưng lại với được cái ly...

Khi người ta gỡ được hai ông già ra thì cả hai đều có vết thâm tím và biến thành hai cái máy chửi tục. Người ta có thể nhầm tưởng đó là hai kẻ có một mối thù truyền kiếp cần thanh toán với nhau. Mấy chị bán hột vịt cũng xô vào hỏi :

— Đánh cờ ăn tiền hay sao mà dữ vậy ?

— Đâu có, họ đánh chơi đầy chứ.

Dân xóm bu kín cổng quán, anh chủ quán hoảng sợ hò hét mấy người giúp việc hãy vểnh tai mở mắt để đề phòng những bàn tay ưa cầm nhầm.

Kẻ trước người sau hai ông già được con cháu kéo về để băng bó các thương tích. Họ cùng bị kỳ kèo trách móc.

Quán trở lại ồn ào một cách bình thường. Anh chủ quán vừa dọn dẹp những thứ đồ vỡ vừa lẩu nhẩu :

– Mấy ông già thiệt kỳ ! Đang vui vẻ mà lại đánh lộn liền ngay được.

***

Chủ quán cẩn thận thay bàn cờ gỗ bằng một bàn cờ giấy. Nhưng tình bạn của hai ông già đã hầu như tan vỡ hẳn, không hy vọng tiếp nối được.

Buổi chiều ông Tư bắc ghế bố, nằm phát muỗi trước hiên nhà, ít nói như một nhà hiền triết chán đời.

Già Thông thỉnh thoảng vẫn ra quán vì mấy trăm thằng cháu cho già chưa tiêu hết. Nhưng anh chủ quán tiếp chuyện già không được nồng nàn vì anh ta qná bận bịu. Hình như già cảm thấy buồn, những nỗi thắc mắc của già về nền hòa bình thế giới, sự kỳ cục của những kẻ ưa chiến tranh, quả thực già không còn biết chia xẻ với ai.

LÊ-TẤT-ĐIỀU

THÁNG BẢY. 59

Lời này hiu hắt
anh đi một mình
buổi chiều cúi mặt
trên hàng cây xanh.

Bây giờ tháng bảy
xa bước chân người
phố nằm ngóng đợi
ngày dài chia phôi.

Ba năm thần thoại
lòng anh hoang đường
một lần thơ dại
một đời tiếc thương.

Một mùa thu đến
mấy mùa thu qua
một lần đưa tiễn
trăm nghìn xót xa.

Bây giờ tháng bảy
em đã ngàn khơi
mối sầu thức giấy
trong hồn đơn côi.

MÙA THU. 60

Thôi em, ngày đã xế chiều
bờ sông dài để thêm nhiều chia xa.

Vệ đường tiếng gió đi qua
anh nghe sầu cũng bao la trong hồn.

Cành khô tàn dạ héo hon
tay che nửa mặt đời còn ưu tư.

Không gian rẽ lối tạ từ
phân vân bước muộn, mùa thu đương về.

LƯU LẠC. 59

Ban đêm, nhìn xuống mặt đường
thấy đời vô định mà thương phận mình.

Ngày đi, thức mộng hồi sinh
xót mình thơ dại tàn canh nhịp thầm.

Dang tay vói hái lỡ lầm
bóng dài góc phố vừa tầm cô đơn.

Bây giờ lòng đối thay hơn
ban đêm xứ lạ, từng cơn mưa buồn.

T. T. N.

Người hài ngoại • bùi giáng

Mép bờ trái rụng ngồn ngang
Ngàn thương nhớ phủ con đàng đi qua
Trời Tây phương tuyết phai nhòa
Bỏ quên thu lạnh bên tà áo bay
Lỡ lầm ly biệt là sai
Có bao giờ hẹn ngày mai em về
Mộng chiều bửa tóc vàng hoe
Vào trong nắng rộng tìm nghe chân người

★

Lặng nhìn bóng nhạt bay nhanh
Cành sung cũ kỹ bên thành lũy xiêu
Con chim từ bỏ nắng chiều
Người đi xiêm mỏng xuôi triều nước xanh
Mai kia cỏ héo đầu ghềnh
Ngó sang trời lạ thấy mình mất thu
Gục đầu xô giấc miên du
Vào hoang vắng khép ngục tù yêu thương
Với vòng tay tuổi uyên ương
Với ghi sầu khổ lên đường phụng khâm
Hoa sương bờ cỏ im nằm
Đoạn trường ai dựng bên tầm xuân phơi
Ngõ về xứ cũ mù khơi
Ngàn năm gương bóng nước trôi trăng sầu.

B. G.

Anh đi ngang nhà em

MINH-ĐỨC

Anh đi ngang nhà em
Nhưng Nhà em còn đâu nữa
Từ độ ánh trăng mềm
Thôi soi duyên đôi lứa

Từ độ quê hương bùng khói lửa
Đôi cây Sanh trước cửa
Người ta chặt mất rồi
Nhắc làm chi nữa anh ơi
Hồ xưa xanh nước, nay ngời âm u

Một mùa thu rồi hai, ba mùa thu
Lòng hổ rạn nứt, hận, thù, chưa nguôi

Vườn nhà em xưa
Ngát hoa hồng tươi
Mái nhà em xưa
Rộn rã tiếng cười, tiếng ca.

Nhưng ngày nay
Vườn trầm như bãi tha ma
Đêm đêm sương chở tháng ngà cô đơn

Anh ơi em đang buồn
Gợi làm chi thê lương
Nhà em đâu có nữa
Chết đã lâu rồi . . . bao tiếc thương

Anh còn có dịp đi qua
Thăm giùm em với, xác nhà thân yêu
Hôn giùm em những buổi chiều
Nói giùm em
Nói rất nhiều xót xa

Paris 28-2-62
M. Đ.

JOHAN PETER HEBEL

Trần-Phong dịch

KANNIVERSTAN

Vài giòng về tác-giả và tác-phẩm.

Johan Peter Hebel sanh năm 1760 tại lãnh-địa của Công-tước Baden, con trai một người nô-bộc.

Lớn lên, ông theo môn thần-học và trở thành giáo-sư rồi hiệu-trưởng.

Từ năm 1807 đến năm 1814, hàng năm ông xuất-bản đều đặn một tập niên-lịch tên là Der rheinische Hausfreund. *Sau này ông tập-hợp những đoản-thiên và dật-sử in trong niên-lịch đó, và xuất-bản thành một tuyển-tập, nhan-đề là* Schatzkästlein des rheinischen Hausfreundes. *Chính hợp-tuyển này đã đưa ông lên hàng danh-vọng trong văn-giới Đức thời đó. Ngoài các đoản-thiên, ông còn sáng-tác nhiều thi phẩm hay viết bằng thổ-ngữ Alamannic.*

Được nâng lên hàng giáo-chủ, ông tới ngụ-cư ở Karlsruhe và lìa đời tại thị-trấn đó vào năm 1826.

Nhìn chung, những nhân vật của Hebel đều là những mẫu người bình dị trong đám quảng-đại quần chúng, các tình tiết trong truyện không có những đột biến bất-ngờ, tâm lý nhân-vật không được phân tách tỉ mỉ sâu xa... nhưng không phải vì thế mà tác-phẩm của Hebel kém hấp dẫn và thiếu giá-trị văn-chương.

Đọc truyện ngắn Kannitverstan *mà chúng tôi lược dịch dưới đây (theo bản văn dịch Anh-ngữ của Paul Pratt, rút trong* German Stories and Tales) *chắc quý bạn sẽ mỉm cười thích thú với lối diễn tả giản-minh và tế nhị của tác-giả. Và khi đã đọc xong, chắc quý bạn cũng sẵn lòng bỏ ra ít phút để suy gẫm về những điều hiểu lầm không-đáng-tiếc-chút-nào của người du-khách thành Amsterdam.*

***

TẠI những nơi như Emmendingen và Gundelfingen, cũng như tại Amsterdam, tôi dám nói là mỗi người đều có việc để mà suy gẫm về sự thay đổi bất thường của tất cả mọi việc thật nhỏ mọn — nếu như người đó muốn để tâm quan sát — và để tìm hiểu phương cách mà an phận thủ thường dầu cho cuộc đời có không thấm ngát những hoa hương. Tuy thế, lại do nơi những con đường quanh co rời rẽ, và xuyên qua sự hiểu lầm, mà một du khách người Đức tới viếng thăm thành Amsterdam (1) đã nhận thức được chân-lý vừa kể.

Sau khi người khách đã đi tới các thị-trấn rộng lớn và phồn thịnh, đầy những ngôi nhà tráng-lệ, những tàu biển đồ-sộ, những đám đông bận rộn, ông ta dừng lại ngắm nghía một ngôi nhà nguy-nga tráng-lệ hơn tất cả mọi ngôi nhà mà ông ta đã trông thấy trong suốt chặng đường đi từ Tuttlingen với Amsterdam. Trong một lúc lâu, ông ta thẫn thờ trước ngôi nhà đắt giá này, ngơ ngác nhìn sáu cái ống khói mọc trên mái nhà, những đường viền cong cong tuyệt đẹp, và những khuôn cửa sổ thật cao — khuôn nào cũng lớn hơn cái cửa ra vào chính tại ngôi nhà của tổ phụ ông ta.

Sau cùng, không trấn tĩnh nổi cơn xúc động, ông lên tiếng hỏi một người qua đường : « *Này ông bạn quý mến ơi, ông có thể vui lòng cho tôi biết tên nhà quý phái nào là chủ ngôi nhà kỳ-diệu mà các khuôn cửa sổ có trưng đầy những hoa nắt-kim-hương, thúy-cúc, và cẩm-chướng kia không ?* » Nhưng người qua đường đó có lẽ vì đang bận tâm lo nghĩ về một điều gì khác quan-trọng hơn nhiều, và phần khác, không may mắn thay, ông ta lại hiểu biết rất lờ mờ về tiếng Đức cũng như người du-khách nọ chỉ biết lờ mờ về tiếng Hòa-Lan, nên lầu bầu đáp lại : « *Kanniverstan* » và vội vã quay đi. Đó là một tiếng Hòa-Lan — hay đúng hơn là ba tiếng hợp lại — và không có nghĩa gì khác hơn là « *Thưa,* **tôi không hiểu** *ông định hỏi những gì* ».

Nhưng người du khách ngay thẳng nọ lại nghĩ đó là tên của nhà quý phái mà ông ta muốn hỏi thăm. « Đúng cái ông Kanniverstan này là một nhà giàu nứt đố đổ vách, » người khách tự nhủ như thế và tiếp tục bước đi.

Băng qua những giẫy phố nhỏ hẹp, ông đi mãi tới cửa sông (2) tên gọi Het Ey, có nghĩa là « chữ Y ». Nơi đó có từng đoàn tầu và từng hàng cột buồm đứng nối đuôi nhau. Và vào lúc mà người du khách lấy làm ngỡ ngàng không hiểu làm sao có thể thâu gọn vào đôi mắt nhỏ bé tất cả cái cảnh kỳ thú này, thì ông ta chợt nhìn thấy một chiếc thương-thuyền vĩ-đại, từ miền Đông Ấn-Độ tới, vừa mới vào hải-cảng và chưa kịp rỡ hàng. Từng giẫy những càn-sẽ và bao hàng chèn lấn nhau chồng chất trên cầu tầu,

---

(1) Thủ-đô nước Hòa-Lan.

(2) Estuary : cửa sông lớn và cạn (chỉ có nước những lúc thủy-triều lên)

(*Lời chú của người dịch*)

không kể nhiều thứ khác đã được lăn ra như những thùng lớn đựng đầy đường cát và cà-phê, gạo và hột tiêu, và cùng với những thực-phẩm ngon lành đó, xin lỗi quý bạn, giống chuột cũng đang đổ xuống đất liền.

Sau khi chờ đợi một hồi lâu, người khách hỏi thăm một ông bạn đang vác một càn-sẽ trên vai, về tên người nào có phước được trùng dương đem tới cho cho tất cả những hàng hóa quý báu đó. « *Kanniverstan* » là câu trả lời.

Thấy vậy người khách bèn suy nghĩ : « Aha, có vậy chứ ! Nếu biển cả đem đến cho ông ta biết bao nhiêu lợi tức như vậy thì thật chẳng đáng ngạc nhiên chút nào khi thấy ông ta xây được những ngôi nhà tráng lệ, có nhiều chậu hoa mạ vàng trồng đầy cẩm-chướng đặt nơi cửa sổ ». Rồi ông ta bỏ đi, buồn rầu suy nghĩ về cái thân phận nghèo khó hẩm hiu của mình trong khi trên cõi đời này còn có biết bao nhiêu người giầu sang khó tưởng. Nhưng vừa đúng lúc ông đang tự nhủ : « Chính ta đây cũng hằng mong muốn rồi ra sẽ có ngày trở nên giầu có như ông phú-gia Kanniverstan này », thì ông ta quẹo nơi góc phố và gặp một đám ma thật linh đình đang đi ngang qua. Một chiếc xe tang có phủ màn đen sang trọng do bốn con ngựa mặc áo tang đen chậm chạp lê bước một cách thật sầu thảm làm như chính chúng biết được là chúng đang kéo một xác người đã chết về nơi vĩnh-cửu. Một đoàn dài những thân bằng cố hữu của người quá cố xếp hàng đôi đi theo xe tang, ai nấy đều khoác áo choàng đen và nín câm như hến. Một hồi chuông đơn lạnh vang vọng nơi xa.

Người khách lạ của chúng ta cảm thấy trong lòng tràn ngập một mối thương cảm sâu xa, mối xúc-động mà không một người chân thật nào lại không cảm thấy mỗi khi gặp một đám ma, nên nghiêng mình một cách rất trang trọng, gỡ mũ cầm nơi tay, và im lặng đợi cho đám tang đi qua hẳn rồi ông mới nhập vào hàng sau chót. Người đưa đám lẻ loi ở hàng chót này đang suy tính xem nên định giá bông gòn như thế nào nếu mỗi kiện sẽ tăng lên 10 *florins*. Du-khách khẽ níu tay áo ông ta, thành thật ngỏ lời xin lỗi và hỏi tiếp : « *Nhà quý-phái mà chuông giáo-đường đang buồn thảm chiêu hồn này hẳn phải là một người bạn quý của ông, nên ông mới theo sau quan tài với nét mặt buồn rầu và lo âu như vậy* ».

« *Kanniverstan* », lại là câu trả lời.

Vài giọt lệ tràn ra khỏi mi mắt người du khách chân thật của chúng ta đến từ miền Tuttligen, và cùng một lúc ông ta cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Ông ta kêu lên : Hỡi ông Kanniverstan đáng thương ơi ! Giờ đây ông có mang theo được chút của cải gì không. Chắc chắn là ông cũng chỉ mang theo được cái mà rồi đây có ngày tôi sẽ có dù rằng nghèo khổ : đó là tấm vải liệm dệt bằng sợi gai ! Và dầu trong nhà có biết bao nhiêu loài hoa thơm đẹp, giờ đây có lẽ cũng chỉ có một bông mê-điệt hay vài cánh ván hương đặt trên lồng ngực lạnh lẽo của ông mà thôi. Với những ý nghĩ đó, ông ta đi theo đám táng tới tận mộ phần, làm như chính ông là người trong cuộc. Ông ta chứng kiến cảnh cái ông bạn Gọi-là-Kanniverstan trầm mình nơi an nghỉ cuối cùng, và khi nghe bài điếu-văn bằng tiếng Hoà-

Lan — mà ông chẳng hiểu lấy một tiếng nhỏ nào — ông lại cảm xúc động nhiều hơn là những bài điếu văn đọc bằng tiếng Đức mà chẳng bao giờ ông chăm chú lắng tai nghe.

Ông ra về cùng với những người đưa đám khác, trong lòng thanh thản lạ thường, và tại một quán cơm có người biết nói tiếng Đức, ông thích thú nhấm nháp một miếng phó-mát Limburg.

Và sau đó, hễ lúc nào trong lòng cảm thấy buồn rầu vì cảnh nghèo nàn cơ cực trong khi trên cõi đời này lại có biết bao nhiêu người giầu có thoả thuê, thì ông ta lại nhớ tới ông Kanniverstan ở Amsterdam — tới ngôi nhà tráng lệ, tới chiếc thương-thuyền vĩ-đại, và tới ngôi mộ chật hẹp của ông nhà giầu này.

TRẦN-PHONG *dịch*

ĐÓN ĐỌC

BA SINH HƯƠNG LỬA

truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ.

Sách dày ngót bốn trăm trang. Hai phụ bản của Duy-Thanh và Ngọc-Dũng. Ngoài những bản thường có in thêm hai trăm bản đặc biệt, loại A 200 đồng, loại B 150 đồng. Độc giả yêu sách quý xin viết thư kèm theo ngân phiếu hoặc trực tiếp giao thiệp theo địa chỉ sau :

Doãn-Quốc-Sỹ 338/60B Thành-Thái Cholon.

ĐANG IN

HOA THỀ

thi-phẩm đầu tay của nhà thi quen tên

LÊ-MINH-NGỌC

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG đề tựa — TẠ-TỴ trình bày

Bìa in 5 mầu, nền trang-nhã, phụ-bản chân-dung tác-giả.

Có in riêng 100 bản đặc-biệt dành riêng cho quý bạn yêu sách đẹp.

Xin liên-lạc với : *thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương*
Số 345/2, Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Truyện ngắn của VÕ-HỒNG

Trả thù

PHONG liếc mắt vội qua trang nhất của tờ báo. Những chữ lớn in đậm nói về thời cuộc. Hôm nay tình hình thế-giới cũng chỉ lục đục bình thường như hôm qua hôm kia. Ba ông hoàng-thân nước Lào đánh một ván cờ quá kéo dài khiến những kẻ tò mò đã chán, bỏ cuộc dần dần. Đến nay thì những địa-danh Nam-Tha Vạn-Tượng, Savannakhet, Mương-Phin... lẫn lộn tất cả, người bàng quan không còn nhớ rõ địa điểm nào thuộc về phe nào nữa. Những cảnh giết chóc đốt phá, những tiếng khóc đau thương trong khói lửa chỉ còn hiện ra mờ nhạt dưới hình thức lãnh đạm của những chữ in quá quen thuộc. Ở những địa điểm khác nơi mà tình hình chưa ngã ngũ rõ ràng thì nhà báo có một số dụng ngữ lặp lại : Tổng trưởng X tỏ ý tin tưởng rằng... Theo giới thạo tin thì... Người ta ức đoán... Có lẽ... Nhìn về tình hình trong nước thì chỉ một đôi vụ lường gạt nhỏ, một vài cái chết quá mức tầm thường (chẳng hạn bị tình phụ mà chỉ nhảy xuống sông tự tử rồi chết luôn). Những sự việc nhỏ xảy ra trong xã hội như được xếp đặt theo từng mùa. Một vụ tạt át-xít lớn bao giờ cũng được nối tiếp nhau bằng một số những vụ tạt át-xít nhỏ. Rồi như nhàm với trò chơi này, một loạt những thanh niên say mê tốc độ rủ nhau lần lượt gây tai nạn trên xa lộ mới, cung cấp cho báo chí một số những tĩnh-tự ghép : khủng khiếp, rùng rợn, chưa từng thấy, quá sức tưởng tượng... Rồi sau đó mọi người nghỉ ngơi và báo chí cũng dường như nghỉ hơi theo.

Vừa đưa mắt tìm những cái để, Phong vừa kết luận một cách thất vọng : « Chẳng có gì quan trọng ».

Thật vô lý hết sức nhưng cũng như mọi độc-giả khác cả bình dân lẫn trí thức, chàng thấy rằng tờ báo không xứng với giá tiền mua nó khi nó không nói đến những tin-tức

kinh-khủng. Chẳng hạn : Cuộc đảo-chính xảy ra ở nước A, xác nhà vua bị phơi giữa chợ... Động đất ở thành-phố B nhà sập vùi nửa triệu người... Trong bữa tiệc linh-đình của nhà triệu-phú C, tất cả quan khách đều bị ngộ-độc chết cả... Hoa-hậu thế giới D bị tên tướng cướp... vân vân. Không biết có phải con người bản-chất vốn ích-kỷ không ? Không biết có phải con người thường thấy mình sung sướng hơn lên khi những người khác xung quanh họ gặp tai-ương thất bại không ? Có lẽ như thế thật chăng ?

Phong vừa lặng lẽ lý-luận vừa lật sang trang sau. Đó là trang quảng-cáo những cuộc vui, những tuồng hát, tuồng chiếu bóng. Chàng tò mò đọc qua một lượt tên các rạp, tên các tuồng và tên những tài-tử chính. Sự tò mò của chàng giống y như sự tò mò của kẻ đi xem đám cưới, xem người ta ăn tiệc, xem người ta nhảy đầm. Lý do là chàng không ở Sài-Gòn mà ở tỉnh nhỏ.

Chàng lật sang trang ruột. Những truyện ngắn, truyện dài, truyện ly-kỳ truyện tò mò, sân khấu kịch trường, vườn thơ, mách luật... không phải là món ăn của kẻ vội vàng. Chàng nhìn xuống mục « Tử Vi ». Bỏ đi những hình con chuột, con trâu, con cọp, con mèo... in loè nhoè mắt chàng đậu lại ở ô con chó. Nhà khoa học huyền-bí dạy rằng :

« Có tin hay ở xa đến. Tuổi 31 gặp bạn tâm tình. Buổi chiều có hoạnh-tài ».

Cái điệp-khúc « Có tin hay ở xa... Gặp bạn tâm-tình... Có hoạnh-tài... » Chàng nghe đã nhiều lần, hôm nay tự-nhiên làm chàng nhíu mày khó chịu. Thường mấy ngày trước những lời tiên-tri đều đến làm cho chàng vui, cái vui giễu cợt. Đạo-nhân bảo đừng nên ra vốn, bất lợi. Thì chàng có vốn bao giờ đâu mà ra ? Đạo nhân bảo « Gặp hoạnh-tài ». Hoạnh-tài đâu mà gặp ? Đã mấy tháng nay chàng không mua vé số nữa. Trước đây, kỳ nào cũng mua ít nhất hai vé. Không phải vì mong ở hoạnh-tài nhưng mà vì cô bán vé số có đôi mắt đẹp. Cái thú của người độc thân là mua bán không tính toán. Ngày còn ở Huế, chỉ vì cô bán hàng tạp-hóa đẹp mà hộc bàn nhà chàng đầy những bánh xà phòng thơm. Đứng nói chuyện vẩn vơ gì một lát rồi khi bước ra phải mua một vật gì cầm tay. Chỉ có xà phòng thơm là tiện mua nhất. Ngày đổi về Phan-Rang thì vì cô thu-ngân ở hiệu thuốc Tây mà nhà chàng đầy những hộp Kalmine, vì cô hàng sách Thanh. Đạm mà phong bì thư gửi mãi không hết. Thật cũng dễ tìm biết tâm hồn của một anh chàng độc thân, nhìn trong phòng thấy món gì dư một cách khả nghi thì cứ truy nguyên ra là tìm được manh mối. Nhưng từ khi cô hàng bán vé số lấy chồng thì chàng thôi không còn mua vé số nữa. Chàng không có số được hoạnh-tài. Mua bao nhiêu vé mà chưa lần nào trúng được một trăm bạc. Thậm chí có vé chàng thử đem dò đến 10 lần xổ mà tuyệt-nhiên không lần nào

trúng nổi 2 con số sau cùng. Vậy thì chỉ còn có mục « Tâm tình » là hơi có thú-vị. Ba mươi mốt tuổi rồi mà chưa có vợ thì lẽ tất nhiên là mục tâm-tình phải rất có thú-vị. Nhưng đã rất nhiều lần rồi, những tâm-tình đạo-nhân bảo gặp mà vẫn không gặp, tin hay bảo đến mà nào thấy đến.

Phong vất tờ báo xuống giường, hơi bực bội như mình vừa bị ai đùa dai.

Suốt cả buổi ngồi làm việc, chàng tưởng đã quên đi những điều nghĩ ban sáng. Nhưng không.Cứ mỗi lần ngơi công việc một chút, mỗi lần ngồi lắng lại lòng mình một chút là chàng cảm thấy có cái gì khang khác, có cái gì vương vấn trong tâm-hồn. Suy-nghĩ một tí, chàng nhớ ra ngay mấy điều tiên-tri ở mục Tử-Vi. Và chàng lại nhẩn-nha nghĩ đến nó. « Tuổi 31 gặp bạn tâm-tình...» Chàng thấy lòng gợn một niềm vui nhẹ. Bạn tâm-tình ? Đó là cô Khánh ở nhà đối - diện vẫn mỉm cười kín-đáo mỗi lần chàng bất chợt nhìn sang gặp cô đang cầm thau nước tưới hoa? Đó là cô Duyên mà chàng nhất-định phải gặp đi xe đạp ngược chiều với chàng vào lúc 7 giờ 15 ở ngang ngã tư Lê - Thánh - Tôn — Phước-Hải ? Không, chắc không phải đâu. Đó là những người đã quen quá, quen đến cái độ mình không nghĩ rằng họ có mặt. Không, có lẽ phải là...là...là ai ? Tìm mãi không thấy ai có thể là bạn tâm-tình, Phong chợt buồn cho cuộc đời cô-đơn của mình. Gặp phải trở ngại, óc chàng dừng lại một chút rồi nhẹ lướt qua mục « Buổi chiều gặp hoạnh-tài » như sẵn theo một cái trớn nhỏ. Nhưng hoạnh-tài ở đâu mà gặp ? Mình không mua vé số nữa. Mình không hi-vọng gặp được của rơi vì mình không bao giờ đi bộ. Thấy mình sắp trở lại những ý nghĩ, những lý luận hồi sáng, chàng dẹp bỏ không nghĩ đến nữa, cúi nhìn xuống bàn. Đặt lên trang giấy trắng, tay chàng vẫn còn cầm bút và đầu ngòi bút cách xa nét chữ vừa viết đúng khoảng cách của một chữ. Chàng viết tiếp dòng chữ viết dở dang.

Chín giờ rưỡi tối, trái với thường lệ Phong lên xe đi phố. Đã hơn ba ngày nay, chàng không đi phố nên có nhiều món cần dùng mà không tiện đi mua chàng đã phải tạm nhịn : cà-phê, xà phòng cạo râu, đôi bít tất mới, tờ Paris Match tuần này.

Tiếng máy xe nổ nhè nhẹ, dòn dòn. Ánh đèn xe lóa xuống đường. Đi cùng chiều và ngược chiều với chàng, những chiếc xe đạp cũng rè rè tiếng nút bình điện xe quay. Tiếng rè rè vui vẻ, ánh sáng loé ra và chạy vút tới, xuyên sâu vào bóng đêm khiến chàng nghĩ đến một đám côn trùng lượn đùa nhau trên một mặt ao đêm mùa hạ. Ban ngày xe cộ để lộ tính - chất lạnh lùng của sắt thép, của máy móc, của khoa học cạnh - tranh và tàn bạo. Ban đêm, nhất là ở những quãng đường vắng như đường Yersin này mà ánh điện đường bị bóng cây che khuất, những chiếc xe lướt qua không thấy hình dáng mà chỉ thấy ánh đèn vui vẻ và dịu dàng.

Chàng bỏ con đường vắng, rẽ sang đường Độc Lập. Ánh đèn nê-ông sáng trắng làm nổi những tà áo tươi và tăng vẻ tàn-tạ cho những màu áo bẩn, sắc da và khuôn mặt cũ kỹ. Chàng nhìn sang hai bên đường. Những hiệu sách hiệu máy hát đông hổ sáng hơn và tươi hơn cả bên cạnh những hiệu bán đồ sắt, bán gạo sầm uất, những hiệu chạp-phô tù-mù. Từng chặng có những hiệu cửa sắt kéo kín, khung cửa sẫm lại. Chàng dừng xe ở một hiệu sách. Không phải vì là hiệu sách quen mà chỉ vì tiện đường lề xe đậu. Những bản nhạc trình bày đủ màu treo giăng khắp chiếc phòng hẹp. Sách xếp ở ba dãy tủ kính kê sát da mặt tường. Những tạp chí khổ lớn nằm trên dãy bàn giữa nhà. Chàng nhìn một lượt mấy tủ sách, đọc lướt qua tên các sách giáo khoa để cảm thầm thía nỗi sung sướng của người lớn đã thoát khỏi cái nợ phải bận bịu trên trang sách học. Chàng bước lại dãy bàn. Những tạp chí ngoại-quốc ần loát mỹ thuật xếp cạnh những quyển tiểu-thuyết bìa mang nhiều hình vẽ quái đản. Sau một hồi xem xét, chàng nhón lấy hai tạp chí thường kỳ chàng vẫn đọc, bước lại quầy hàng. Một người đàn ông ngồi thu ngân. Phong ngạc nhiên, hơi khó chịu một chút khi nhìn đôi vai vạm vỡ,một cái sơ-mi để hở cổ và một khuôn mặt dèn dẹt. Thường ngồi nơi đây là một người đàn bà trẻ tóc uốn cao vẻ mặt hao hao như một cô đào chiếu bóng nào đó mà chàng không nhớ tên. Mỗi lần lại trả tiền chàng thấy vui vui. Quả tình một cô thu ngân đẹp an ủi được đôi phần nỗi xót xa của người sắp mất tiền. Nhất là những khi vào hiệu thuốc Tây giá tiền thuốc có lúc cao gấp ba, gấp bốn giá tiền dự đoán. Vừa lo lắng cho sức khỏe vừa đau xót cho túi tiền không biết sẽ còn hao bao nhiêu nữa, vậy mà gặp một cô thu ngân xấu xí hay thô lỗ thì thật dễ bực mình. Người đàn ông này chắc là chủ hiệu, là chồng của người đàn bà đẹp vắng mặt. Anh ta chậm chạp cầm lấy hai tạp chí của chàng đưa, lật sau lưng nhìn giá tiền, rút tờ giấy bọc màu xanh lặng lẽ bọc lại, lấy một vòng cao su vòng quanh Tiếp theo đó anh lấy bút chì «nguyên tử» làm con tính cộng. Sự chậm chạp làm tia mắt Phong nhìn anh ta nghiêm khắc lại. Tuy không nhìn xuống bài tính của anh ta làm nhưng chàng không quên làm con tính cộng trong óc : 38 đồng. Chàng đưa tờ giấy trăm. Anh hàng sách cầm lấy, bỏ cẩn thận vào một hộp đựng toàn giấy trăm rồi anh lấy tiền trả lại. Anh lấy một tờ giấy năm mươi đồng ở hộp đựng toàn giấy 50, lấy 2 đồng lẻ ở hộp tiền lẻ. Sang hộp giấy 10 đồng, Phong thấy anh lục lọi mãi một hồi. Không biết ý anh định tìm gì trong khi hộp đầy ắp những tờ giấy 10 đồng màu hồng nhạt. Lục lọi một lát, anh chàng lấy ra 2 tờ giấy 10 đồng đen dìu nhàu nát chập với tờ 50 và hai tờ một, đưa cho Phong. Chàng giơ tay cầm lấy, đứng tần ngần. Chàng vò tiền nắm trong tay không đếm nhưng biết chắc là 72 đồng. Sao lại đền 72 đồng ? 62 đồng mới phải chứ ? Trong

óc chàng vụt chạy nhanh như một luồng điện, ý nghĩ « Hoạnh-tài ». Chàng đưa mắt nhìn nhanh sang anh hàng sách. Khuôn mặt vuông và cái hàm hơi bạnh ra. Miệng rộng. Môi dưới mỏng, dài hơn môi trên nên uốn cong lại. Cái môi này chàng đã gặp ở đâu một lần rồi, cái môi này đã làm chàng khó chịu ở một nơi nào rồi. Chàng cầm tiền đứng dịch lại dãy bàn bày báo hàng ngày vờ nhìn xuống đọc nhưng trí óc đuổi bắt hình bóng của cái môi cong. Cái môi... Khuôn mặt mai mái... Cái hàm bạnh... Chàng đẩy lui khuôn mặt ấy lần về dĩ-vãng. Hôm qua ? Tuần trước ? Tháng trước ? Chàng soát lại ký-ức, tìm xem cái môi ấy của ai, chàng gặp nơi nào. Tháng trước ? Tháng trước ? Chàng nhớ ra rồi. Một khuôn mặt hiện ra, rõ ràng. Đúng là môi cong đó. Cũng cái hàm bạnh. Hai con mắt giảo hoạt. Một mái tóc mềm nằm an phận, vâng lời. Khuôn mặt này làm chàng khó chịu. Chàng đẩy lui ký-ức vào xa hơn trong dĩ-vãng để thay khuôn mặt kia bằng một khuôn mặt khác. Một mái tóc uốn cong. Đôi má trắng hồng bầu bĩnh. Đôi môi nhỏ thon son nhạt. Tà áo phất phơ và gót chân uyển chuyển. Mùi nước hoa Tabou. Tâm hồn chàng dừng lại mơn trớn cái hình-ảnh đẹp kia, đồng thời cái khung cảnh gặp gỡ cũng như trải rộng ra trước mắt của chàng. Đó là khung cảnh của thành-phố Quảng-Ngãi.

Chừng một tháng trước đây chàng nhận được giấy đi chấm thi ở Quảng Ngãi. Địa-điểm này làm chàng thất-vọng. Sao không đi Huế hay Đalạt mà lại về cái tỉnh nhỏ này ? Đi bằng xe lửa thì đoạn đường có nhiều trở ngại mà đi bằng máy bay thì Quảng Ngãi không có phi-trường. Hội-đồng giám-thị ở Trung-tâm Quảng-Ngãi do đó mà nhận được không biết bao nhiêu những đơn xin vắng mặt kèm theo giấy chứng của Bác-sĩ. Thành khổ Quảng-Ngãi bé quá chỉ có hai con đường buôn bán. Cứ cách chừng năm mươi thước là có một nhà sản-xuất kẹo gương, mạch nha, đường phổi. Đó là ba món hàng thổ-sản. Đặc điểm những thành phố nhỏ là có những sản phẩm đặc biệt của địa-phương. Đô-thị lớn thường không có bản sắc đặc biệt về mặt sản-xuất, ở đâu cũng là nhà máy sợi, nhà máy cưa, nhà máy sản xuất dụng-cụ. Quảng-Ngãi chỉ có một rạp hát nhỏ mà cũng không đủ người xem. Người đi phố mua sắm, mặc cả, chọn lựa một cách cẩn mẫn chí thú. Thiếu hẳn những người thừa lương đi tản-bộ.

Sáng hôm thi Phong nhìn lên hai tấm bản đen ghi tên các vị giám-thị. Có chừng mươi tên cô giáo mang những tên hoa, tên chim mỹ miều. Khi người thư-ký Hội-đồng cầm phấn lại bảng ghi tên phòng trước mặt mỗi tên giám-thị, chàng đọc được sự hồi hộp lý thú ở những người ngồi cạnh mình. Sự tò mò của các cô giáo biểu lộ dễ thấy hơn vì họ đứng cạnh nhau nên vừa chỉ chỏ vừa thảo luận nho nhỏ. Các giám-thị đàn ông tỏ vẻ lãnh đạm hơn, nhưng đó là một vẻ lãnh

đạm cô tạo ra. Vì có một trò rủi may đang diễn ra trên bảng đen kia. Mình sẽ giám-thị với ai sáng nay ? Chiều nay ? Mình sẽ giám-thị phòng nào sáng nay ? Chiều nay ? Từ phòng 1 đến phòng 7 là phòng nữ - sinh. Giám-thị giờ thi Toán, thi Lý-hóa mà được nhằm vào phòng nữ-sinh thì đỡ nhọc vì nữ-sinh không bạo như nam-sinh. Giám-thị với một cô giáo bao giờ cũng vẫn thú hơn. Chàng không có ẩn ý gì hết Người đàn bà đẹp như một bông hoa, ở gần họ như được ngồi trước một bông hoa đẹp, thế thôi. Nhưng sáng hôm đó, cùng nhận phòng 15 với mình là một cái tên đàn ông. Phong lại ôm xấp giấy thi đi thẳng đến phòng mình. Chàng không lưu - tâm xem người đàn ông cũng đến với mình là ai. Người đàn ông nào cũng giống nhau. Để bù lại buổi sáng, buổi chiều chàng giám - thị với một cô. Cái tên đẹp và vẻ người thua cái tên một chút. Cô làm đầy đủ, nghiêm trang những công việc mà chàng giao cho : phát giấy thi, phát giấy nháp, so phiếu thí sinh và thẻ căn - cước để nhận diện. Cô rầy những thí-sinh nói chuyện, thu gọn những tờ giấy nháp thí-sinh cố ý bày bừa bãi để người bên cạnh liếc xem, kéo về vị-trí cũ những thí-sinh ngồi sát vào nhau để hỏi bài. Đúng là một cô giáo quen nghề và đã có chồng con. Sáng hôm sau chàng lại giám-thị với một cô. Lần nầy là một cô giáo quá trẻ, đôi má trắng hồng bầu bĩnh. Chừng như nàng mới ra trường một hay hai năm. Đôi môi nhỏ thoa son nhạt. Mái tóc uốn cao, cắt ngắn hợp thời trang. Tự nhiên chàng nghĩ rằng cô giáo không sung sướng ở cái tỉnh nhỏ này. Nhìn sang tên cô viết và ký ở tờ bìa đựng bài thi, chàng đọc : « Lê-Thị-Hoàng-Yến ». Chàng hỏi :

— Cô Hoàng-Yến dạy ở trường gần đây ?

— Vâng ạ. Em dạy ở trường Nữ Tiểu-học.

Không phải là giọng Huế như chàng thường gặp ở các cô giáo miền Trung mà là giọng Bắc.

— Cô ra trường đã lâu chưa ?

— Dạ, em dạy được ba năm.

Vài thí-sinh lợi dụng tình-thế bắt đầu rì rào trao đổi ý-kiến khiến chàng phải đi xuống góc phòng. Viên giám-thị hành-lang đi đi lại lại.

— Thành phố Quảng-Ngãi nhỏ quá và tẻ quá chắc không phù hợp với tuổi trẻ của cô.

Chàng nói nhưng vẫn đưa mắt nhìn xuống lớp.

— Vâng ạ. Quảng-Ngãi buồn lắm nên ba em đã xin đổi về Sài-Gòn.

Nhưng còn phải đợi bán nhà đã.

— Nhà to lắm ?

— Dạ, không to lắm. Trước đây có người trả mười hai vạn. Nhưng nay vì tình-hình mà họ trả sụt đi.

Vài ngón tay giơ lên xin thêm giấy thi, nàng cầm giấy đem xuống phát cho họ. Phong nhìn đôi vai tròn, hàng orlon mỏng màu hoa bèo uốn theo

thân hình. Gót chân đi thoăn thoắt nhanh nhẹn. Khi nàng trở lại bàn, chàng giao cho việc lập bản danh sách những thí-sinh nộp bài. Chàng nói :

— Khi thí-sinh nộp bài, cô nhớ xem bài thi có ghi số ký-danh không. Nhận bài xong cô bắt họ ký và cô mới giao trả thẻ thí sinh cho họ. Coi chừng kẻo họ chưa nộp bài mà đã ra khỏi phòng. Mất bài là nguy lắm. Cô sẽ được đổi đi, không phải về Saigon như ba cô xin mà về Kontum hay Pleiku đó.

Nàng mỉm cười :

— Ông cũng vậy.

— Đâu có được «cũng vậy» ? Khổ nhất là tôi sẽ phải đi Côn-Sơn hay Quảng-Đức.

Một vài thí sinh lác đác nộp bài. Khi tiếng trống báo hiệu mãn giờ thì cả hai túi bụi vừa thu bài vừa bắt ký vừa tìm thẻ thí sinh để trả lại vừa trông chừng ra cửa kẻo có thí sinh bỏ phòng ra đi. Khi công việc đã yên ổn, khi tất cả thí sinh đã ra khỏi phòng rồi, khi kiểm lại số bài thi thấy đủ, chàng bảo :

— Thế là trót lọt buổi sáng nay. Cô có thể thở ra được rồi.

Trong khi xếp lại bài thi theo thứ tự chàng hỏi :

— Cô dạy lớp Nhất phải không ?

— Thưa ông không. Em dạy lớp Ba.

— Sao ít thế ?

— Em có con nhỏ, bà Hiệu trưởng cho dạy lớp nhỏ để đỡ nhọc.

Phong quay lại nhìn nàng. Có con nhỏ? Đã có chồng rồi sao ? Có chồng? Loáng trong một giây, từ một hình ảnh thiếu nữ mỹ miều, chàng thấy nàng chợt biến thành một thiếu phụ cam chịu.

— Chồng cô làm gì ?

— Chồng em buôn bán.

— Người Bắc ?

— Thưa không. Anh ấy người Huế.

— Sao cô không lấy chồng người Bắc cho gần gũi ?

— Thưa ông, khi đã yêu nhau thì...

Phong không muốn nghe chữ «yêu nhau» thoát từ đôi môi kia. Giá nàng nói « bị bắt buộc phải...» thì chàng sẽ thấy dễ chịu trong lòng hơn. Để giữ vẻ thản nhiên, chàng thấy cần phải nói đùa một câu :

— Ở thành-phố nhỏ người ta mau lấy chồng. Vì không có một món tiêu khiển nào có thể bận rộn tâm-trí họ được. Ở thành-phố nhỏ gia-đình nào cũng đông con. Người ta không dùng thì-giờ để la cà ở rạp hát, ở phòng trà mà họ chỉ biết tìm thú vui trong gia-đình. Có lẽ đây là một định-lý : « Khi đóng cửa một giải-trí trường thì người ta sẽ mở thêm được một nhà hộ sinh ».

Hoàng-Yến mỉm cười :

— Đó là một khẩu-hiệu hay. Nhưng ở đây cũng còn bao nhiêu cô giáo chưa chồng.

— Chắc vì họ không đẹp bằng cô.

— Không chắc.

— Nhưng có điều này chắc : là những cô gái chưa chồng bị hai sự thiệt thòi. Chưa chồng là sự thiệt thứ nhất và là thiệt thòi quan trọng. Thứ hai là phải dạy những lớp Nhất nhọc nhằn... Xin lỗi, chồng cô buôn bán gì ?

— Nhà em mở hiệu dự trữ thuốc Âu Mỹ.

— Ở đường Phan-bội-Châu ?

— Thưa ông không. Ở đường Lê-Trung-Đình.

Chiều hôm sau khi các môn thi nhiệm-ý : vẽ, nữ công, âm nhạc đã thi xong, có cuộc họp kiểm-thảo của Hội-đồng giám-thị. Trên đường đi đến hội-nghị chàng gặp Hoàng-Yến cùng đi với một người đàn ông. Gặp nhau quá bất ngờ, chạm sát mặt nhau ở một lề đường hẹp, cả hai bên phải đứng dừng lại để chực tránh đường nhau. Hoàng-Yến lúng túng chào chàng và phải giới thiệu người đàn ông đi với mình :

— Xin giới-thiệu với ông : nhà tôi.

Rồi quay sang chồng :

— Ông Phong giám-thị cùng trung tâm với em.

Chàng giơ tay bắt và nhìn kỹ vào mặt người chồng, thất vọng vì anh không xứng với vẻ đẹp của người vợ. Một mái tóc mềm nằm rẽ hai, tuân theo một đường rẽ quá thẳng. Đôi con mắt ranh mãnh đi với cái hàm bạnh, nhiều mưu-cơ và có thể tàn-bạo. Cái miệng rộng. Môi dưới mỏng và dài hơn môi trên khiến có đoạn phải cong lại mới đủ chỗ. Chàng đưa mắt nhìn sang Hoàng Yến. Vẫn đôi má hồng phúng phính ngây thơ. Chàng có cảm tưởng hơi đau xót như khi nhìn một con cừu non bị vuốt sắt của một con ó hung tợn đe dọa. « Khi yêu nhau thì... », chàng nhớ lại lời của nàng. Sao con cừu kia lại yêu con ó kia nhỉ? Họ có một đứa con. Lát nữa hai người sẽ cùng nhau châu đầu trên cái nôi hay cùng chuyền tay cho nhau đứa bé mĩm mĩm.

Phong thấy bực mình vẩn vơ. Suốt buổi hội-nghị chàng chỉ im lặng không nói. Lúc ở nhà ra đi chàng đã chuẩn bị những ý-kiến để phê bình cách tổ-chức phòng thi, công việc giám thị ! công việc chủ khảo... nhưng bây giờ tự-nhiên chàng thấy chán không thích nói nữa. Sáng hôm sau khi xách va-li lên tàu vào Qui-Nhơn, chàng giã-từ không luyến-tiếc cái ám ảnh không vui kia.

Hôm nay bất ngờ chàng gặp lại cái môi mỏng, dài và cong vêu. Đôi mắt ranh mãnh. Mái tóc dẹt. Sự bực mình kéo nhanh đến làm chàng cơ hồ nghẹp thở. Chàng thấy khó chịu một lần thứ hai về cái khuôn mặt sung sướng không xứng đáng đó. Anh chàng này lại cũng có một người vợ đẹp và thùy-mị. Vô lý. Anh chàng này lại bủn xỉn và thất-lễ với mình. Chàng nhớ lại lúc nãy anh ta đã lục lọi mãi tìm cho ra 2 tờ giấy bạc bẩn để đưa cho mình. Trên mặt hộp tiền, kìa những tờ giấy 10 đồng sạch sẽ, màu trắng và màu hồng minh bạch, giấy láng dày

cộm nằm xếp chồng chất như thế kia. Sao anh ta thô-bỉ một cách trắng trợn thế ? Sao anh ta dám coi thường mình, dám ngang nhiên chọn giấy bạc bẩn dành cho mình, chọn trước mũi mình ? Anh ta đáng bị mắng. Mất 10 đồng còn quá nhẹ đối với tội vô lễ. Nhân quả cũng rõ ràng ra đó. Đầu óc bủn-xỉn suy tính về những tờ giấy bạc mới cũ mà hoá ra tính lẫn tính lộn, cái lợi không thấy đâu mà cái lỗ đã rõ ràng. Nhưng dù nghĩ vậy, chàng cũng mong rằng anh ta chợt tỉnh lại để thấy rằng mình tính lầm 10 đồng và anh ta đến xin lại. Chàng sẽ rất tự nhiên mở nắm tay ra bỏ đồng bạc lên bàn cho anh ta tự đếm lấy. Không đếm tiền thối lại là một cử-chỉ lịch-sự, vậy tiền thối dư hay thiếu không thuộc trách-nhiệm của chàng. Nhưng đưa mắt tìm anh hàng sách thì thấy anh đã rời bỏ quầy hàng đi sang đứng cạnh hai thiếu-nữ vừa đến. Hai mầu áo hồng và hai khuôn mặt xinh xắn. Cạnh đó, cái môi dưới của anh ta cong lại một cách kệch cỡm. Hai con mắt láu lỉnh rình rập. Tất cả khuôn mặt như bị căng ra, đầy vươn tới, chuẩn bị để vồ vào câu chuyện của hai cô kia.

Tất cả đều bất lợi cho anh ta. Phong chầm chậm bước ra cửa. Mười đồng cầm dư trong tay như gào lên « Trả lại cho anh ta đi. Của phi nghĩa. Danh-dự... ». Chàng phải đứng dừng lại trước một tấm quảng-cáo lớn rao tên một tờ nguyệt-san sắp ra đời. Vừa lơ-đãng đọc những chủ trương nghệ-thuật, xã hội của tờ báo, chàng vừa tự nhủ :

— Hay đem tiền vào trả lại cho anh ta ? Nhưng mà... Trễ quá. Chẳng lẽ bây giờ... Đáng lẽ lúc nãy...

Trong khi suy nghĩ, óc chàng nhớ cẩn thận đến câu tiên-tri đọc hồi sáng « Buổi chiều có hoạnh-tài ». Chàng suýt kêu lên : « Lần đầu tiên Tử-Vi nói đúng ». Hoạnh-tài là đây chứ gì ? Vì lần nào cũng vậy, dù người ta đưa dư tiền nhiều hay ít chàng cũng đều trả lại. Có lần về đến nhà đếm lại mới thấy mình cầm dư tiền, phải lục đục đi trở lại để trả cho người ta. Nay sao tự-nhiên chàng lại vò nắm trong tay ? Cái gì xui thế ? Ừ, sao ngồi ở quầy hàng lại không phải là người vợ dịu dàng của anh hàng sách ? Sao về mặt anh ta lại gợi chi đến một kỷ-niệm khó chịu mà mình chưa hoàn toàn quên ? Sao anh ta bủn xỉn thô-bỉ đến mức là chọn lựa những tờ giấy bạc mới cũ ? Đó là lòng ham mê chỉ xứng đáng với những đứa trẻ, với những bà cụ nhà quê lần thần. Sao anh ta lại vô lễ với chàng ? Chứ 10 đồng thì có giá-trị gì đâu ? 10 đồng có nghĩa lý gì cạnh vài trăm bạc chàng trả cho hàng rượu khi vui chân vào ngồi với một, hai người bạn. 10 đồng có nghĩa gì cạnh một vé hát chàng đôi lúc mua mà thực-tình không muốn đi xem. 10 đồng, đó chỉ là giá của một quả cam nhiều khi chua quá chàng bỏ không ăn. Phải, không ai dám tin rằng chàng tham 10 đồng của anh hàng sách, và sự thật quả là chàng không thèm tham

lam thật. Có lẽ đó là « hoạnh-tài » nó tự nhiên đến, bắt buộc đến theo cái luật huyền-bí của nó mà mình không được biết chăng ? Chứ một anh hàng sách bỏ vốn ra hàng bồn, năm chục vạn đồng sao điên rồ gì mà suy tính ham mê chi những tờ giấy bạc mới cũ để đến nỗi hóa ra lẫn thẩn tính cộng có hai con số mà đã tính sai ?

Phong thấy lòng mình bớt băn khoăn một chút. Tiếng nói của Luân lý đã bớt phần gay gắt. Tuy vậy chàng vẫn còn áy náy. Trong khi đó thì chân chàng đã bước dần đến chiếc xe ghếch ở lề đường. Để dẹp hẳn sự áy náy, chàng nghĩ tiếp :

— Ta đem mười đồng này về cho thằng con nhỏ của anh cai vườn. Nó sẽ mừng lắm. Mấy hôm nay nó những ước ao đi xem phin Ấn-Độ. Nó nghèo lại tàn tật. Nó cần mười đồng đó hơn là anh hàng sách vô duyên kia. Và lại anh ta đáng bị phạt về tội vô lễ tội bủn xỉn.

Phong thấy tâm hồn mình đã gần thanh-thản. Trước khi rồ máy xe, chàng nhìn xuống đồng hồ tay.

— Mười giờ rưỡi đêm.

Cái ngày hôm nay có thể được coi như đã kết thúc vào giờ này. Những băn khoăn của lương tâm qua đi, chàng thấy lòng lâng lâng một niềm thích thú nhỏ : chàng đã muồn và đã giúp được cho Tử-Vi nói đúng một lần.

VÕ-HỒNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

●

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

ĐIỂM SÁCH

THÁI-TUẤN

Tên sách : **Tìm hiểu hội họa.**

Tên tác giả : **Đoàn-Thêm.**

Nhà xuất bản : **Nam Chi Tùng Thư.**

VỚI cái đà tiến triển của bộ môn họa hiện nay và với số người ưa thích tìm hiểu về hội họa càng ngày càng đông đảo thì một cuốn sách để cập đến vấn đề họa quả là cần thiết và hữu ích. Nhất là cuốn sách đó lại là một cuốn sách viết bằng tiếng Việt, vì sẽ phổ thông rộng rãi hơn.

Cuốn « Tìm hiểu hội họa » của tác-giả Đoàn-Thêm được xuất bản đúng lúc mà giới yêu hội họa mong đợi.

Bài tựa do nhà xuất bản Nam-Chi tùng thư ở ngay đầu sách đã nói rõ với người đọc một cách kỹ lưỡng vì nguyên do nào sách được viết ra về cách thức làm việc của tác giả khi sưu tầm tài liệu, về những nỗi khó khăn khi thực hiện ấn loát, và cuối cùng mượn lời tác giả để kết luận một cách khiêm nhượng — xin đừng coi tập sách này như một quyển nghiên cứu hay phê bình hội họa...

Tôi nghĩ rằng : đó là một điều quá cẩn thận.

Ở ngay phần đầu, tác giả thuật lại với người đọc những băn khoăn thắc mắc của mình khi húc phải « *bức tường NGHỆ-THUẬT* », và nghĩ rằng những nỗi băn khoăn thắc mắc đó cũng là những nỗi băn khoăn thắc mắc chung của những người yêu tranh muốn tìm hiểu về hội họa. Nên đi từ những kinh nghiệm bản thân, tác giả trình bày mổ xẻ, phân tích những băn khoăn thắc mắc của mình một cách cụ thể, và cởi mở giải đáp những thắc mắc ấy bằng những tài liệu đã thu thập được.

Người ta đọc thấy tất cả những băn khoăn, thắc mắc đầu tiên của tác giả đặt mình vào địa vị người thưởng ngoạn khi đứng trước một họa phẩm là : đề tài.

Đề tài của tất cả các loại tranh : từ cổ điển cho tới những loại tranh lập thể, trừu tượng ; là một điều đã làm cho tác giả băn khoăn không ít. Tác giả viết : « Hồi nhỏ khi ngắm tranh Tàu « như Tam-Anh chiến Lã-Bố »

hay « Đường-Minh-Hoàng du Nguyệt Điện » tôi để ý đến mặt đỏ râu dài của Quan-Công áo giáp vàng của Lã-Bồ, những chiếc đèn lồng treo ở cung trăng... » (trang 7). Đó là đề tài ở một bức tranh Tàu. Khi xem tranh sơn dầu của các họa sĩ Tây phương tác giả cũng *chỉ quan tâm đến « cốt truyện »* và những chi tiết : mặt mũi quần áo, binh khí ở những bức tranh chiến trường. Cho đến khi xem đến loại tranh trừu tượng của Miro, tác giả cũng đã từng băn khoăn tìm đoán xem họa sĩ đã vẽ cái gì trong bức họa. Tin rằng : đó cũng là những thắc mắc chung của phần đông người xem tranh, nên tác giả đã giải thích về điểm này rất tường tận cặn kẽ. Dẫn dắt đọc giả từ chỗ những hình ảnh thông thường đến sự biến đổi của những hình ảnh ấy qua lập thể. Tiếp theo sau là những băn khoăn về phần kỹ thuật thực hiện một họa phẩm. Tác giả đã hướng dẫn người đọc một cách cẩn thận tỉ mỉ vào địa hạt của chuyên môn, của kỹ thuật.

Những luật tắc về đường nét, luật viễn cận, về sự cân đối, về màu sắc ; đã được tác giả trình bày đầy đủ suốt trong hai mươi trang giấy. Và khi đi gần đến chỗ kết luận tác giả viết : « Ngoài ra, tôi tưởng còn một điều kiện nữa, là quan sát cảnh vật và đời sống quanh mình. Có chịu nhìn bụi cây ở mỗi mùa, mỗi lúc nắng mưa, sáng trăng hay đêm tối, sẽ thấy sự biến đổi hình sắc trong không gian và thời gian : đến khi nhìn tranh vẽ cây, *mới nhận ra được họa sĩ vẽ đúng hay sai*, tô màu một cách giả tạo, tưởng tượng hay hợp cảnh thiên nhiên ». Riêng ở đoạn này tôi nhận thấy đề tài trong một họa phẩm vẫn luôn luôn là một ám ảnh đối với tác giả. Tất cả những luật tắc căn bản về đường nét màu sắc có hai tác dụng. Một là dùng nó để cố bắt chước cho hệt với đề tài làm mẫu. Hai là dùng nó để tạo ra một sự cân đối hòa hợp cho toàn thể bức họa. Nếu dùng các luật tắc đó theo tác dụng thứ nhất nghĩa là để bắt chước cho hệt với cảnh vật thiên nhiên thật đúng không sai thì bức họa cũng có có được sự cân đối, hoà hợp ; bởi trong thiên nhiên mọi vật vốn đã sẵn có một sự hoà hợp cân đối nhưng nếu họa sĩ cóp lại theo đúng như vậy thì bức họa vẫn có thể rất đẹp nhưng thiếu sự sáng tạo là căn bản là yếu tố không thể thiếu được trong mọi sáng tác nghệ thuật.

Nếu họa sĩ áp dụng những luật tắc đó theo tác dụng thứ hai của nó, nghĩa là không phải để vẽ cho đúng với sự vật thiên nhiên, mà chỉ cốt tạo ra một sự hoà hợp cân đối trong toàn thể bức họa, trong cái thế giới riêng của mình, trong cái vũ trụ nhỏ bé hạn chế bằng chiều dài chiều ngang của khổ vải ; thì tất nhiên người thưởng ngoạn không thể so sánh những đề tài trong tác phẩm với cảnh thật ở ngoài xem là đúng hay sai.

Cũng bởi vậy mà sự hiểu biết về những luật tắc trong hội họa từ xưa tới nay nếu đã giúp cho người thưởng ngoạn được một phần nào trong việc xem tranh, thì nó cũng

đã gây ra cho họ nhiều sự lúng túng nhầm lẫn đáng tiếc.

Nhưng dù sao, thì sự trình bày của tác giả về vấn đề kỹ-thuật trong hội họa cũng đã giúp cho độc giả một ý niệm tổng quát để cho thể theo rõi tác giả sang phần thứ hai của cuốn sách.

Tóm tắt phần thứ nhất, tác giả muốn cởi mở những băn khoăn thắc mắc riêng của mình và cũng là chung đối với phần đông độc-giả; bằng con đường đi vào phân tách bức tranh và khám phá ngay trong kỹ thuật hội họa. Con đường ấy có thể coi là cụ thể và hợp lý. Nhưng, nhận thấy con đường đó chỉ mới đưa độc giả đến chỗ tìm hiểu hình thức thể hiện một bức họa nên tác giả đã hướng dẫn độc giả vào du lịch trong thế giới của các họa phái. Đó là phần thứ hai của cuốn sách. Ở phần này tác giả giới thiệu các trường phái từ cổ điển cho tới trừu tượng. Sự trình bày của tác giả trong phần này cũng có tính chất thiên nhiều về sự tiến triển, thay đổi của phần kỹ thuật, và lối vẽ của các họa phái; nói chung là tác giả làm công việc mổ xẻ phân tích hình thức kỹ thuật của các họa phẩm và bút pháp của các họa phái. Và để người đọc có thể theo rõi kỹ càng hơn, tác giả đã đề cập đến lịch trình tiến triển của nền Hội họa Âu Châu từ trước thế kỷ XIX.

Công việc giới thiệu các họa phái tác giả đã mất nhiều công phu nghiên cứu, để có thể trình bày cặn kẽ cùng độc giả: lịch sử của các họa phái, những ảnh hưởng, những tư tưởng, những quan niệm về nghệ thuật và về cuộc sống đã nảy sinh ra những môn phái khác nhau. Thí dụ như về họa phái « Biểu hiện » tác giả có nhiều nhận xét xác đáng. Nhưng tiếc rằng: với phạm vi cuốn sách tác giả chỉ có thể thu gọn vấn đề và đề cập đến một cách tổng quát.

Kể ra những trình bày của tác giả ở phần thứ nhất đã có thể giúp cho độc giả nhận xét về hình thức kỹ thuật của các họa phái được nói đến ở phần thứ hai. Và nhân đó mà ý thức được phần nào về cái đẹp vật chất của một bức họa.

Cái đẹp vật chất của một bức họa là cái phần hình thức gồm có các yếu tố màu sắc, đường nét, bút pháp v.v... Trong công việc tìm hiểu về hội họa, thì việc lĩnh hội được cái đẹp vật chất của một bức họa kể như là một bước tiến dài.

Ở phần thứ hai này, tác giả cũng có trình bày sự tiến triển và phát sinh của các môn phái qua ảnh hưởng của triết học, ảnh hưởng của chính trị và đời sống xã hội. Tuy tác giả đã rút ngắn, thu gọn và đề cập đến một cách tổng quát, nhưng tôi tin rằng: độc giả cũng có thể có một ý niệm sơ qua về cái đẹp tinh thần trong một họa phẩm. Tôi tin và mong như vậy. Vì đúng ra thì cái phần đẹp vật chất và cái phần đẹp tinh thần trong một tác phẩm nghệ thuật chỉ là một. Khi người ta thấy hai phần đó chia rời nhau là nghệ sĩ đã thất

bại, và bức tranh chỉ còn là một đồ trang trí hoặc thuộc vào loại minh họa hay có tính chất tài liệu.

Cuối phần này tác giả nhận định về trừu tượng, và trình bày vấn đề ra một cách khách quan. Tác-giả để cho các họa sĩ của phái trừu tượng tự biện hộ giãi bày quan niệm, đường lối của họ. Trong đó Poliakoff, Kandinsky, Paul Klee, Kupka, mỗi người đều có một lý do để bênh vực cho đường lối của mình.

Nếu chưa nhận ngay được cái đẹp của hội họa trừu tượng thì sau khi đã nghe các lời bào chữa của một số họa sĩ nổi danh của đường lối đó, độc giả cũng đã nhận thấy rằng : các nghệ sĩ ấy có một tin tưởng vững chắc ở đường lối thực hiện nghệ thuật của họ và họ thận trọng, nghiêm chỉnh trong công việc sáng tác.

Phần thứ ba, tác giả đề cập tới « cái thú xem tranh thể hiện và tranh trừu tượng. » Vấn đề này tác giả cho người ta thấy là phần kết thúc của sự tìm hiểu về hội họa. Phần này là một phần chính yếu và cũng có thể coi như phần kết luận của cuốn sách. Tác giả có bào chữa thêm cho trừu tượng như sau : « Song nếu chỉ là một xu hướng theo thị hiếu nhất thời Trừu tượng đã chẳng thể trường tồn và tiếp tục lan tràn 50 năm nay ... » Điều đó chẳng ai có thể chối cãi được. Ở đây tôi xin góp một chút ý kiến ; là vấn đề thưởng ngoạn theo sự thông thường nghĩa là tùy theo sở thích cá nhân thì việc xem tranh còn cần phân biệt loại tranh có đề tài : tranh thể hiện với tranh không có đề tài : trừu tượng. Việc thưởng ngoạn để cốt tìm tới cái bản chất tinh-túy (essence) của nghệ thuật không phân biệt hai loại tranh đó.

Theo rõi từng trang từng phần của cuốn sách tới đây ; độc giả đã có thể làm giàu cho sự hiểu biết của mình về những lý thuyết, những kỹ thuật những sự tiến triển của các trường phái trong hội họa.

Đó là tất cả những hiểu biết cần thiết và tối thiểu mà tác giả đã thận trọng cống hiến cho độc giả. Những yếu tố đó dần dần sẽ giúp cho độc giả làm quen với hội họa và khám phá được cái đẹp trong thế giới màu sắc.

Tuy nhiên để đi vào du lịch trong cái vũ trụ bí mật huyền diệu này. độc giả không thể sử dụng những điều hiểu biết đã thu lượm được một cách rời rạc và máy móc. Không thể phân chia sự hiểu biết đó ra ; không thể đem những hiểu biết về kỹ thuật đứng riêng rẽ mà mổ xẻ phân tích bức họa. Cũng không thể bảo rằng : trước hết hãy dùng kỹ thuật dùng các luật tắc trong hội họa để xét nét về bức tranh rồi sau đó mới vận dụng đến cảm xúc để nhìn bức tranh, cũng không thể cho rằng : Cần phải rung động, cảm xúc trước rồi mới dùng đến kỹ thuật luật tắc để kiểm soát lại. Bởi vì một tác phẩm nghệ thuật do nhiều yếu tố tạo nên, và tất cả những yếu tố đều liên hệ, tương trợ, chi phối, điều hòa, lẫn nhau để tạo ra một sắc thái chung. Chỉ khi nào chúng ta, những người

thưởng ngoạn tìm được cái mối liên hệ giữa các yếu tố trong một họa phẩm, và nhất là nhận được ra cái tính chất tương đối của mỗi yếu tố đó thì chúng ta mới có thể cảm thấy được những cái gì là tuyệt đối trong nghệ thuật, nghĩa là cái bản chất của nghệ thuật tiềm ẩn trong một bức họa và đó là cái đẹp của một bức họa, đúng với danh từ «Đẹp».

Cái phần Đẹp, cái phần nghệ thuật đó bao giờ cũng lóe lên nhanh chóng như một tia chớp nhoáng, đánh mạnh vào thị giác, vào rung cảm vào toàn diện con người thưởng ngoạn ; nó không cho người thưởng ngoạn kịp «tra khảo» sự hiểu biết của mình về kỹ thuật, về luật tắc, về xu hướng trường phái, về lý thuyết, về chủ trương của từng cá nhân họa sĩ vì như khi người ta nhìn một người đẹp thoáng qua khuôn cửa, chẳng cần phải biết danh tính, tên tuổi cũng chẳng cần biết đến vòng ngực vòng lưng, chiều cao, cân nặng.

Nếu người nghệ sĩ trong khi sáng ác phải tạm quên tất cả những hiểu biết đó thâm nhập vào con người mình đến độ biến thành một thứ *trực giác về nghệ thuật*, thì người thưởng ngoạn cũng phải hành động đúng như vậy, mới mong thưởng ngoạn đúng mức.

Còn công việc mổ xẻ phân tích là phần việc của các nhà nghiên cứu, tìm hiểu để xếp đặt thành những luật tắc, lý thuyết và việc đó là việc khác. Ở cuốn sách này, tác giả đã có công cống hiến cho tất cả bạn đọc những vật liệu để bạn đọc dùng nó mà xây dựng cho sự hiểu biết của mình về hội họa.

Vật liệu tốt, và chỉ có thể coi đó như vật liệu. Còn cách xây dựng là tùy ở độc giả.

Ngoài ba phần chính, cuốn sách còn gồm có một phần phụ lục bổ khuyết thêm vào các phần trên. Các tranh ảnh in đen trắng và in màu trên cuốn sách giúp thêm những tài liệu nghiên cứu cho độc giả.

Trong tình hình hiện tại của nền hội họa Việt-Nam cuốn sách đã giúp ích rất nhiều cho những người muốn tìm hiểu hội họa. Tất nhiên là chúng ta còn cần rất nhiều sách vở nói về hội họa ở những khía cạnh khác. Có như vậy nền hội họa của nước ta mới được chú ý và phát triển.

THÁI-TUẤN

Đã có bán khắp nơi :

THUỞ BAN ĐẦU

Truyện của MINH-ĐỨC do Sống Thu xuất bản

— Bìa năm màu, trình bày mới nhất của họa-sĩ NGHIÊU-ĐỀ.

— Sách dày 178 trang, gồm những truyện tâm-tình, sống động của thanh-niên thời-đại trải qua một giai-đoạn lịch-sử.

THUỞ BAN ĐẦU

là quyển truyện không thể thiếu trong mọi tủ sách gia-đình

Giá 35 đ.

PASAY (1)

hữu-phương

Lầu ngút cao đinh thự
Công viên ghế nằm đầy
Mênh mông trời đại lộ
Xinh xinh những chòm cây

Thảnh thơi dòng Pasig
Cầu nhìn nhau, nhìn nhau
Rizal âm tiếng dội
Suối người tuôn về đâu?

Có về chăng Pasay
Cuồng xoay chi xóm này
Thương rằng đây phố cũ
Tường xưa lớp bụi dày

Santa Cruz chăng đó
Linh hồn Manila
Tiếng người đi đêm suốt
Ngày qua ngày ngày qua

Ta dừng chân bỡ ngỡ
Tìm sao em phương này
Đàn jeepney thác loạn
Tìm sao em thơ ngây.

Ngập ngừng ta lui lại
Trời bỗng nổi gió mưa
Đường đêm đèn thôi tỏ
Mắt lạ sửng nhìn mơ..

Ta biết rồi, Pasay
Ta nhớ rồi, Pasay
Biển thôi gào giông tô
Trời cũng mất dần mây

Ta thấy rồi, Pasay
Ta hiểu rồi, Pasay
Em mất rồi tiếng nói
Ta còn đây hồn say.

Buồn sao hai tay rỗng
Buồn sao trái tim không
Phố vui màu sắc lạ
Chỉ làm ta bâng khuâng

Tìm về bên Pasig
Nhìn nước trải sông đầy
Nội buồn dâng thương tiếc
Như sông hoài bóng mây.

H. P.
Manila, 6-1962

(1) Tên một khu phố thuộc Thủ đô Manila

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í phụ trách

IX

Vũ-Hối

★ VŨ-HỐI.

Sinh ngày 22-11-1932 tại Tam-Kì, tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt).

Đã tổ chức những cuộc triển lãm chung với các họa sĩ khác ở Hội-An, Đà-Nẵng, Huế.

Đã gởi tranh triển lãm ở New-York, Washington do sự đỡ đầu của các họa sĩ đàn anh ngoại quốc...

Được giải thưởng danh dự về Trang trí năm 1958.

Hiện đang kèm cho các ngoại kiều môn tự học về Hội họa và giáo sư Hội họa các trường trung học ở Phong-Dinh (Cần-Thơ).

Đang điều khiển một phòng vẽ Quãng cáo và Trang trí ở Phong-Dinh.

Kính anh Nguiễn-Ngu-Í,

Theo tôi thì ngành Hội họa của nước Việt ta nhận xét qua các cuộc triển lãm ở trong nước có đủ xu hướng. Còn riêng tôi, tôi chưa dám cho xu hướng nào đáng kể nhất, vì hiện các xu hướng còn đang tiến triển và cố giành lấy phần thắng thế về mình. Chẳng khác nào trong một cuộc chạy đua băng đồng, ta chỉ mới chứng kiến phút mới khởi đầu.

Phần tôi tôi, hiện đang đứng ở ngã ba đường, chưa biết mình nên theo xu

Say nhạc

hướng nào, nhưng tôi đang cố gắng tìm một đường lối riêng biệt.

Sau nhiều lần nhận xét đồng bào thưởng thức tranh, tôi có thể nói rằng họ đã có một con mắt nhận xét khá tinh vi, và họ không còn dễ dãi như trước nữa. Họ luôn luôn muốn tìm một cái gì mới, lạ trong tranh của ta.

Theo chỗ tôi được biết, công chúng xem tranh hiện giờ có thể chia làm hai phái.

Một phái thích «cảm» một bức tranh đẹp khi họ thấy bức tranh đó, họ hiểu được, màu sắc dịu dàng, đúng với sự thật. Còn một phái thích những cái gì tân kì, họ ưa tìm tòi, đứng trước một bức tranh có những màu sắc lạ, có lối bố cục mới, có kĩ thuật độc đáo, làm họ phải suy gẫm hàng giờ, dang xa, lại gần, đứng góc này nhìn, qua góc nọ ngắm..., rồi một khi họ đã «khám phá» được dụng ý của nghệ sĩ, họ đã thông cảm những tình, những ý mà họa sĩ muốn diễn tả bằng một nghệ thuật chẳng-giống-ai, thì họ rất lấy làm thích thú.

Vậy thì người sáng tác tranh nên «phục vụ» phái nào đây ? Số đông dễ dãi, hay số ít khó khăn ?

Đến đây, xin anh cho phép tôi nói đến cái «tôi» một chút. Trong các cuộc triển lãm, tôi có trưng bày một số tranh vẽ theo nguồn cảm xúc của tôi, diễn tả hơi khác lề lối cổ điển ; có nhiều bạn xem, không hiểu hay hiểu mà không biết có đúng không, đích thân họ tìm tôi để nhờ tôi giải thích, cả phần hình thức lẫn phần nội dung của những bức tranh ấy. Chắc anh cũng rõ giảng tranh mình là điều tối kị. Tôi không ngại điểm mình «đề cao»

Bãi biển Qui-Nhơn

mình, bởi lẽ giải thích là nói lên trường hợp sáng tác. dụng ý của mình, chứ không phải là tự khen mình dùng màu này nó hay, mình vẽ lối này nó đẹp. Hay, đẹp, đó là thuộc về quyền của người xem tranh, nhà phê bình chuyên môn hay người thưởng thức tài tử. Nhưng vì lẽ khi tô màu lên vải, tôi đã gởi gắm nhiều ý, nhiều tình, lắm khi những đòi hỏi, những ước mơ..., có những cái rất riêng tư, rất tế nhị, mình ngại ngùng nói ra... Mà có muốn giải thích đi nữa, chẳng biết các bậc đàn anh, các bạn của tôi ra sao, chớ tôi thì thấy lời nói của mình không đủ để diễn tả... Giải thích e mình lại phụ mình!

Tôi cũng như phần đông người xem tranh, quan niệm rằng một bức tranh phải chứa đựng một cái gì trong đó, «nói lên» một cái gì, nghĩa là làm sao cho người xem tranh không dửng dưng. Tranh «đẹp» theo tôi, là ở điểm đó.

Tôi nghĩ mình vẽ và đem triển lãm là mình có tham vọng được người ta hiểu. Có hiểu, người thưởng ngoạn tranh mới thấy đẹp, và khiến họ càng tìm hiểu tác phẩm đã làm họ thích thú, do đó họ tìm hiểu Hội họa thêm.

Cho nên vì vậy mà tranh của tôi có ba loại : loại *cựu*, loại *tân* (tôi tạm gọi thế), và loại dung hòa giữa tân và cựu. Đành rằng nghệ sĩ thì phụng sự Nghệ thuật, nhưng mà xa cách công chúng quá, để đến nỗi họ ngơ ngác và lánh xa thì e Nghệ thuật chăng, vì Nghệ thuật vốn do người mà có, chẳng lẽ lại tách xa người ?

Khi nào có dịp xuống miền Tây, mời anh ghé chơi nhà vẽ của tôi, anh sẽ thấy tôi là người... «ba tối». Phần nhiều tranh tôi, nhìn thấy là hiểu ngay, một số sáng tác theo lối suy tưởng của riêng tôi với kĩ thuật hoàn toàn mới, và một số kết hợp cả cổ điển và tân thời, không dễ hiểu nhưng cũng không bưng bít.

«*Có người mà cũng có ta*», chẳng biết tôi có đạt được điều tôi mong muốn này chăng.

Người ngoại quốc mua tranh của tôi, tôi để ý, thì họ thích những bức tranh sáng tạo theo lề lối cổ điển, có những gì riêng biệt của địa phương mình : hoặc đường nét, hoặc màu sắc, hoặc cảnh... Tôi nghĩ hay vì họ quá mới nên họ thích cái gì cổ, đó cũng là một lối thời thượng chăng ?

Dầu sao, tôi thấy Dân tộc tính trong tranh là điều cần, vì có thế ta mới có một cái gì khác biệt, nhưng chẳng phải Dân tộc tính là nệ cổ, cứ đi theo những con đường mòn có sẵn, không tìm tòi, không khám phá, không học hỏi thêm. Tôi muốn nói : cái gia tài ta được hưởng, ta phải làm nó sinh sôi nẩy nở. Và ai cấm ta vừa giữ cái hồn thiên thu của Dân tộc vừa theo những kĩ thuật tân tiến, để tác phẩm của mình đáp ứng đúng những đòi hỏi của cuộc sống mới, rộng, quốc tế thời nay, vừa rung động được người cùng nòi giống ?

Nói ra chắc ông anh thông cảm mà chẳng cười : những bức tranh của tôi quả là kết quả của mồ hôi, huyết lệ của tôi, không hơn không kém. Tôi không quan trọng hóa mà cũng không bi đát hóa sự việc, vì ngoài những giờ làm việc miệt mài ở sở, tôi về nhà, bỏ cặp ra là loay hoay vẽ, có khi phải cầm cọ, tô màu đến hai giờ sáng. Bức tranh tôi đã nhìn ngoài đời, đã nghiền ngẫm trong tâm trí từ mấy hôm trước, nay nó nhảy múa, lồng lộn trong tiềm thức, hoạt động trong vô thức và tiềm thức, bắt tôi phải thực hiện sớm chừng nào hay chừng ấy. Có khi nó là một mảnh tâm lí của mình. Và ở đây, theo tôi, Hội họa mang bản ngã chủ quan của nghệ sĩ hơn văn chương nhiều. Và nếu tôi chậm trễ ghi lại hình ảnh ấy, tức là bỏ lỡ cơ hội vì giây phút thai nghén chín mùi ấy tan đi, là hỏng việc. Nếu lúc ấy qua rồi mà gắng gượng vẽ lại, thì cũng sẽ tạo một bức tranh vô vị, vô duyên, chỉ có màu sắc vô tư chứ không còn có con người tôi trong ấy nữa. Đúng là « *mỗi bức tranh là một trạng thái tâm hồn* » và tôi nhớ câu nói của bà Công tước *de Noailles* sao mà đúng thế !

« *Jamais nous n'aurons notre âme de ce soir* » (Còn bao giờ ta tìm lại được tâm hồn của ta chiều nay nữa !)

Chọn bức tranh nào tôi thích nhất, là điều đã làm tôi khó nghĩ. Bởi lẽ vẽ xong bức tranh nào là tôi thấy nhẹ nhàng khoan khoái, như bà mẹ sau khi cho đứa con thấy ánh sáng mặt trời, nhưng rồi sau, vẽ xong bức khác, tôi lại thấy bức mới này làm tôi ưng ý hơn !

Tôi xin gởi anh hai bức tranh tương đối tôi ưng ý.

Bức « *Bờ biển Qui-Nhơn* » gợi lại trong tôi niềm nhớ quê hương dằng dặc và một bức loại siêu thực tôi vừa vẽ xong, trong đó tôi cố diễn tả niềm « *Say nhạc* ».

Tôi có ba nguyện vọng thiết tha :

Một là chánh phủ lập viện Bảo tàng để giữ tranh giá trị hoạ sĩ trong nước và ngoài nước ; được thế sẽ có ích lợi biết bao cho những hoạ sĩ muốn học hỏi thêm và những người xem tranh thiếu phương tiện hoặc ít thì giờ.

Hai là có những cuộc triển lãm ở các tỉnh để đồng bào lục tỉnh cũng có dịp thưởng thức tranh như đồng bào ở thủ đô vậy.

Ba là báo chí sẵn sàng giới thiệu các cuộc Triển lãm Hội họa, viết bài giới thiệu, phê bình, mở rộng cột báo cho Họa sĩ phát biểu ý kiến, thì có lợi cho giới Hội họa và người mến Hội họa.

VŨ-HỐI

★

Thu-Nga

✯ THU-NGA.

Tên thật : Nguyễn-Thị-Nga.

Sanh năm 1919 tại Huế ; gốc người Thanh-Nghệ.

Viết văn, làm thơ, vẽ.

Về vẽ, tự học, được một số họa sĩ đàn anh dìu dắt, như họa sĩ Nguyễn-Đỗ-Cung.

Đã dự Triển lãm Hội họa mùa Xuân nhâm-dần (1962).

Triển lãm riêng tại phòng Triển lãm Đô thành (14-8 đến 20-8-1962).

— Chị cho biết cái duyên của chị với Hội họa bắt đầu lúc nào ?

Chị mơ màng, như nhìn vào quá khứ.

— Xin phép anh nói đến chuyện đại gia đình một tí. Có thế anh mới hiểu hơn. Nguyên ông ngoại tôi là Bạch-Xỉ.

— Một nhà cách mạng đương thời với cụ Phan-Đình-Phùng, vì chống chánh sách bảo hộ nên bị người Pháp bắt đem hành hình, nếu tôi nhớ không lầm ?

Chị gật đầu, tiếp :

— Thân sinh tôi là Đình nguyên Nguyễn-Phong-Di tức Nguyễn-Thái-Bạt, vẫn là một nhà cách mạng trốn sang Tàu và Nhật cùng với Kì ngoại hầu Cường-Để, sau bị thực dân Pháp bắt về giam lỏng tại Huế.

« Chẳng nói anh cũng rõ vì ông và cha chúng tôi đã hoạt động chống Pháp nên đại gia đình tôi bị theo dõi, rồi đến phong trào bãi khóa 1929-30, các anh tôi có dự, nên thân tộc đều bị ghi vào sổ đen và bị nhà cầm quyền nghi kị. Bà ngoại tôi cũng từng làm cách mạng thuở thiếu thời mới đưa anh em tôi về quê ở, về phía trên Đô-Lương. Nhà có nhờ một họa sĩ Tàu dạy vẽ cho các anh, tôi còn nhỏ cũng học lóm. Tôi thích vẽ đến nỗi vườn nhà, có mo cau nào rụng là có một cái quạt mo với bức tranh sơn thủy do tôi vẽ lấy và tặng tất cả người trong nhà. Nhờ thế mà tôi được học vẽ với các anh, và tôi say mê với màu với nét. Vườn ruộng, núi rừng lúc bấy giờ khiến tôi càng mến cảnh thiên nhiên và tôi lấy chúng làm đề tài để vẽ. Lớn lên, tôi tìm cách đi theo các người thân trong những cuộc săn bắn vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, cốt được thấy những nơi trước kia ông ngoại tôi hoạt động trong thời cụ

Nắng trong phố

Phan-Đình Phùng, hầu sau này viết lại đời người, nhưng rồi mộng trẻ ấy cũng trôi theo ngày tháng. Chỉ được một cái là tôi càng mến Thiên nhiên. Và vì thế mà sau này, tôi thích vẽ cảnh hơn vẽ người.

Và chị không ngăn được cái thở dài.

— Mất mộng viết, chị còn mộng vẽ. Thế chị còn hơn bao anh chị em suốt đời chẳng thực hiện được mộng nào. À, chị có thể nào cho xem tranh chị sắp triển lãm chăng ?

Chị trở lại vui vẻ, mời tôi lên lầu. Một căn phòng dài dành riêng cho chị để tranh. Một số đã vô khung, một số còn chờ đợi.

Chị lần lượt giới thiệu tranh, từ lối vẽ cổ điển đến lối vẽ tân thời, lối nào chị cũng nghiên cứu và thể hiện, cả lối lập thể và siêu thực. Toàn là tranh sơn dầu, và ở một góc, một bức tranh lụa chị vừa phác họa.

— Chị cũng toan bước sang tranh lụa à ?

— Như anh thấy đó. Tôi chưa biết mình nên dừng lại ở chất liệu nào, môn phái nào. Chất liệu nào, môn phái nào, tôi cũng để tâm tìm hiểu, học hỏi và thực hiện. Vì tôi thấy mỗi lối, mỗi chất đều có một cái đẹp riêng. Chưa biết phải phụ gì giờ !

« Bây giờ, để tôi hỏi lại anh chứ. Anh thấy trong tất cả tranh tôi, có điểm nào làm anh để ý ? »

Tôi nhìn lại một lượt các tranh bày.

— Không biết có đúng không, nhưng tôi sao có cảm tưởng rằng dù chị vẽ cảnh ban mai tươi đẹp, cảnh họp chợ nhà quê hay cảnh đèn sáng quanh hồ...; (đừng nói chi đến cảnh hoàng hôn, đến khu phố vắng), vẫn bàng bạc trong nét, trong màu, trong toàn thể bức tranh một cái gì như xa vắng, như cô đơn...

Chị im lặng một hồi.

— Tôi tánh thích sống ẩn dật, thích từ thuở bé, và có lẽ cái hoang vu, cái buồn kín đáo của những nơi tôi sống lúc tâm hồn còn non dại đã để những vết sâu đậm trong người, nên khi vẽ, chúng «hồi sinh» ở trong tranh mà tôi không ngờ. Cũng như vấn đề dân tộc tính mà anh nêu ra trong bức thư phỏng vấn. Vẽ, tôi chỉ biết vẽ, chớ không hề bận tâm về điểm: đề tài mình chọn, lối mình họa có cái gì là dân tộc tính chăng ? Ấy đó mà khi tranh hoàn thành, nhìn lại, tôi thấy có cái gì của đất nước. Chẳng hạn như tranh « *Em bé chăn trâu* » này.

— Tôi thấy chị vẽ gần đủ lối và đủ loại. Tranh cảnh, tranh người, cả tranh lịch sử, có tranh xã hội nào không chị ?

— Cũng có anh à, nhưng tôi chưa hoàn thành. Có lần tôi phác họa bức tranh « *Khi người ta đói* » : một nhạc sĩ giang hồ ốm tong teo, sau khi đàn hát, dơ cái nón cũ mèm ra, mà khách ăn trong hiệu kẻ đồ nỉ mới tinh người phấn son rực rỡ vẫn bận say sưa với miếng ăn ngon, với chất rượu ngọt mà chẳng ngó ngàng gì người nghệ sĩ lỡ thời nọ. Nhưng rồi nửa chừng, hứng mất, tôi đành bỏ dở.

Thấy tôi đứng nhìn lâu hai bức tranh để kề, chị nói :

— Tôi thích những con đường phố cũ, những góc phố đìu hiu. Và anh đang ngắm hai bức tranh tôi thích nhất. À, anh có biết con đường nhỏ sau nhà thương Đô Thành chứ ?

— Biết nhiều lắm, chị. Mươi năm trước, bị tai nạn xe hơi xuít chết, tôi nằm ở nhà thương ấy mấy tháng trời và thường đứng ngắm con đường nho nhỏ, buồn buồn ấy.

— Chính nó ở trong tranh « *Nắng trong phố* » đây. Tự nhiên là tôi có sửa đổi cảnh thật đi một ít.

Tôi hỏi chị, có chiều đột ngột.

— Có phải chị có ý thích màu xanh không chị.

— Anh nhận xét đúng. Nhưng rõ ràng hơn, là tôi ưng nhất màu xanh nhạt. Và các bầu trời của tôi đều xanh một màu xanh lợt lạt. Tôi đã đặc biệt sử dụng màu xanh này trong tranh « *Nắng trong thôn* » đây. Xin phép anh tôi đọc bài thơ tôi đề tranh này.

Trưa hè nắng dọi thôn xa
Mây râm đôi lúc nhạt pha xanh mờ.
Xa xa có mảnh rào thưa.
Có ao thả cá có bờ lúa xanh...

Tình cờ tôi nhìn thấy sáu bảy chiếc giường con ở trong một phòng gần đấy tôi bèn hỏi chị :

— Chị nay tuy khỏi bận vì việc ngoài đời, nhưng bao bổn phận trong gia đình hẳn không cho chị đeo đuổi Nghệ thuật như ý muốn ?

Chị cười cười, có chiều an phận mà cũng có vẻ muốn vẫy vùng.

— Bảy cháu phải chăm lo, cũng đủ chiếm gần hết thì giờ. Nhưng tôi lợi dụng những hồi.., có thể lợi dụng được. Tỉ như những lúc đưa con nghỉ mát ở Đà

CÁC BẠN ĐÓN XEM

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

(tiểu thuyết tâm lí)

của **NGUIỄN-NGU-Í**

(BÌNH-NGUYÊN-LỘC đề tựa)

Một nàng con gái luống tuổi, xinh xinh ; một gã đàn ông góa vợ, lạ lùng. Hai cuộc đời cách trở sao lại dính vào nhau...? Và đâu đây, lảng vảng bóng hình của một người không còn nữa...

Mơ hoa

Lạt, tôi mang theo đồ nghề để vẽ. Và chính cái chỗ ít thì giờ để lo cho nghệ thuật ấy lại làm mình càng tha thiết với nghệ thuật. Anh còn nhớ anh chàng họa sĩ Mĩ lạc ở Hồng-Kông trong phim «Cái xã hội của cô nàng Suzie Wong» chứ? Lúc đầu chạy theo nàng Hội họa, rồi vì hoàn cảnh, định tạm biệt với sở thích để vào cái giới kinh doanh, nhưng rồi sau cũng trở về với Hội họa, mà càng tha thiết hơn xưa.

Tôi cười.

— Chắc chị cũng ở vào một trường hợp tương tợ. Và từ nay, chị quyết đi cho đến cùng. Nhưng mà... anh có khuyến khích hay ngăn cản chị ?

— Thú thật với anh, sau mười lăm năm chung sống, có bảy con rồi, nhà tôi không hề biết tôi từng làm bạn với cọ với mầu. Chẳng phải tôi « giấu nghề » vì nhà tôi khó tính, hay không ưa vợ mình kết tóc se tơ với Nghệ thuật đâu. Tại tôi sợ... nhà tôi chê. Anh còn lạ gì, đàn bà chúng tôi tự ái lắm mà. Thiên hạ cho là dở, chẳng nói làm gì, chứ chính chồng mình chê, là có nước độn thổ. Nhưng rồi như cái kim bỏ trong túi, lâu ngày mũi kim cũng ló ra. Nhà tôi không khuyến khích cũng không cản ngăn, mà để tôi hoàn toàn tự do.

Cùng tôi bước xuống thang lầu, chị không quên nhắc :

— Anh nhớ cho rằng tới giờ phút này đây, tôi vẫn vẽ một cách tài tử. Tôi chỉ là một thứ bướm lạc vào vườn hoa của Hội họa...

« Nhưng rồi bướm ấy sẽ ở luôn trong vườn hoa nọ và góp phần điểm tô thêm cho vườn thêm hương, sắc », tôi thầm nghĩ thế.

NGUIỄN-NGU-Í *viết lại*,

Trần-Quang-Hiếu

✱ TRẦN-QUANG-HIẾU.

— Sanh ngày 9-10-1938 tại Tân-Vinh-Hòa, tỉnh Sa-Đéc (Nam-Việt).

— 1954: Tốt nghiệp trường Mĩ nghệ thực hành Gia-Định.

— 26-11-1955, du học.

— Triển lãm cùng các Họa sĩ thế giới (Exposition à la découverte du Monde) ở Hall de la Sorbonne ngày 23-2-1956, tại Paris.

— 1956, Sang Tây Đức mở cuộc Triển lãm mùa Đông (Exposition Winter) tại 2 đô thị lớn München và Regensbung.

— Mở cuộc Triển lãm giao hữu tại Maison de l'Indochine, ngày 25-2-1957 dưới sự chủ tọa ông Giám đốc Đông-Dương học xá Paris.

— 1958, mở một cuộc triển lãm chung với một họa sĩ Tây-Ban-Nha Jean Ping ngày 7-2-1958 dưới sự chủ tọa ông Phạm-Khắc-Hi, đại sứ Cộng hòa Việt-Nam tại Paris và ông đại sứ Tây-Ban-Nha, Cujas Rojas.

— 1958, mở cuộc Triển lãm « Air du Việt-Nam » (Paris) với các họa sĩ Việt tại Pháp gồm có: Lê-Phổ, Việt-Hồ, Lê-Bá-Đảng, Nguyễn-Bôn, ngày 20-4-1958 tại Maison de la Chimie, dưới sự tổ chức của hội Thân hữu Việt-Pháp.

— 1959, mở cuộc Triển lãm chung Họa sĩ thế giới ngày 7-11-1959 tại Maison Internationale

— 1959, mở cuộc Triển lãm mùa Đông tại Galerie Raymond Duncan, ngày 5-12-1959, Paris.

— 1960, mở cuộc Triển lãm Thủ ấn họa tại Paris, ngày 21-4-1960.

— 1960, ngày 18-8, mở cuộc Triển lãm tại phòng Thông tin Đô thành, dưới sự bảo trợ ông bộ trưởng Thông tin, ở Sàigòn.

— 1961, ngày 18-8, mở cuộc Triển lãm tại phòng Thông tin Đô thành dưới sự bảo trợ của ông Bộ trưởng Công dân vụ, ở Sàigòn.

⁂

Paris 1-6-1962

Anh Nguiễn-Ngu-Í,

Lá thư này viết để trả lời bức thư phỏng vấn của anh, tôi viết nhằm đầu tháng sáu; đáng lí mùa này phải nhiều ánh sáng và nhiều nóng bức, thế mà mưa dầm liên miên trọn tháng năm rồi, lạnh cắt da, đài khí tượng cho biết trong vòng 89 năm qua, nay sự kiện này mới trở lại. Thật là một điều không ai ngờ trước được, cũng như tôi không ngờ anh em bên nhà còn nhớ đến tôi, một trong những họa sĩ còn tìm học hỏi ở quê người và thành tích chẳng có là bao.

Tôi tuy rời đất tổ đã bảy năm, nhưng trong hai mùa hè 1960 và 1961, tôi có mặt ở quê hương để mở hai cuộc triển lãm những tác phẩm mà tôi phải sáng tác vội vàng ngay tại nước nhà (60-70 bức tranh tôi sáng tác trong vòng một tuần lễ. Ghê chưa, anh ? Nhưng nếu anh biết rõ hoàn cảnh của tôi lúc ấy !)

Nhờ đó mà tôi có làm quen với một số anh em họa sĩ, và cũng nhờ đó mà tôi mới có ít nhiều yếu tố để trả lời những câu anh hỏi.

I.— Những xu hướng Hội họa ở nước Việt ta.

Theo thiển ý, Hội họa vốn mênh mông như bầu trời, và người phụng sự Nghệ thuật như cánh chim bay. Phục-hưng, Tân Cổ điển, Trừu tượng, Lập thể, Vô hình dung, Lập dị, vân vân và vân vân, ai biết rõ mình đi mãi một lối nào mà tự dán cho mình một nhãn hiệu nào đó. Điều này là phận sự các nhà phê bình nghệ thuật, chia ra từng nhóm, từng môn phái cho tiện việc phê phán đó thôi.

Tóc em quằn quịt duyên hò hẹn
Kinh dị đi vào trong bóng đêm

Còn ở nước Việt ta, theo chỗ tôi được biết, thì đại đa số họa sĩ đang còn ở trong xu hướng Tân Cổ điển, một số họa sĩ trẻ muốn thoát khỏi cái vòng kềm tỏa của các ông thầy quá hẹp hòi với quan niệm cũ kỹ để phiêu lưu vào những thế giới mới, lạ.

Trong thời gian về nước, tôi rất lấy làm sung sướng mà được thấy sự ham say mê mãi của một số anh em có rất nhiều hứa hẹn, như một Văn-Đen, một Trần-Kim-Hùng, một Hiếu-Đệ...

Các anh em ấy làm cho tôi càng tin tưởng ở ngày mai của Hội họa nước nhà.

Đường dài Ngựa hay

(ảnh của A. Morain)

II.— Dân tộc tính hay Quốc tế hóa?

Tôi không chống đối hai cái chiều hướng có vẻ « ngược xuôi » này.

Cứ vẽ thành thật, thể hiện trên vải những gì mình ôm ấp trong lòng, suy gẫm trong óc, thì cái quốc gia nó hòa với cái quốc tế, và từ cái quốc tế nó trở lại với cái quốc gia.

Những Chagall, Picasso, Modigliani, Foujita..., đã không còn là họa sĩ của một quốc gia nào, họ đã quốc tế hóa cả con người họ ở cái thế kỉ mở rộng này, và trong tác phẩm của họ, họ không hề bận rộn về cái tính Dân tộc hay Quốc tế, mà tự nhiên hai cái tính này chúng quấn cục lại trong họa phẩm họ như bột đã khuấy thành hồ.

III.— Tìm kiếm trong lãnh vực Hội họa.

Tôi xin nói rõ với anh : tôi sanh ra trong một gia đình vốn theo ngành Trang trí cổ truyền từ nhiều thế hệ. Tôi biết vẽ từ lúc lên năm, lớn lên là tôi vào ngay trường Mĩ nghệ thực hành Gia-Định, học hết bốn năm, thêm một năm dự khuyết ở trường cao đẳng Mĩ thuật Sài-Gòn, vị chi là năm năm, rồi tám năm ở trường cao đẳng Mĩ thuật quốc gia ở Paris.

Đến đây, tôi không thể ngăn được một nỗi bực tức — ấm ức thì đúng hơn — ngấm ngầm trong tôi từ lâu, nay được anh vô tình khơi phải. Đó là thái độ và lối dạy dỗ của đa số giáo sư Hội họa ở trường đã làm tình làm tội một số thanh

niên thiết tha với Nghệ thuật, đầy nhiệt tình với Hội họa. Vì họ đã qui theo « khuôn phép cổ, lề lối xưa ». Vô tình họ hủy hoại những mầm độc đáo, những khao khát mới lạ của môn đồ họ; vô tình họ chận đứng bước tiến của Hội họa nước nhà, một phần nào : họ làm cho người học với họ hiểu rằng Nghệ thuật là bắt chước, là khéo tay, chớ không phải là sáng tạo. Dường như họ nhắm mục đích đào tạo những công chức gương mẫu sau này hơn là tìm hiểu để phát huy tài năng của lũ đàn em thiết tha phụng sự Nghệ thuật. Do đó mà không có sự theo dõi từng tài năng riêng, từng cá tính độc đáo, nâng đỡ dắt dìu cho tới nơi tới chốn. Đó là tôi chưa nói đến cái thái độ « Thương sống Ghét chết » của một số người có trách nhiệm.

Thú thật với anh, rời khỏi nhà trường, tôi như một Tề-Thiên đại thánh bị cái kim-côi bóp chặt lấy đầu (xin anh đừng nghĩ tôi tự so sánh mình với Tề-Thiên nhé !), không mong gì hơn là thoát khỏi cái khuôn mòn lối cũ để bước vào những con đường mới. Và chỉ sau năm năm cố gắng tìm hiểu, học hỏi thêm ở Pháp, tôi mới gỡ được cái kim-côi tinh thần nọ.

IV.— Bức họa nào tôi ưng ý nhất ?

Không biết anh còn nhớ phòng Triển lãm của tôi năm rồi tại quốc nội, có một bức tranh màu xanh xanh, vẽ một cô thanh nữ Việt ngồi, tóc dài buông xõa...

« Tóc em quấn quít duyên hò hẹn,

« Kinh dị đi vào trong bóng đêm... » ?

Hai câu thơ của Cẩm-Tâm đề tranh ấy thật đúng với tâm tình bức tranh bàng bạc không khí Liêu trai ấy.

Bức tranh trên đây có đẹp chăng về mặt nghệ thuật. Tôi không để ý, nhưng nó quá đẹp cho cuộc đời hiến cho màu cho sắc của tôi. Bởi vì tôi cho tác phẩm có đẹp là khi nó nói lên được tiếng lòng của mình.

V.— Triển vọng và tình trạng Hội họa nước ta bây giờ.

Tình trạng chưa mấy khả quan, nhưng tương lai có nhiều hứa hẹn, do sự đóng góp tích cực của người trong giới, sự nâng đỡ ngày một thiết thực của nhà cầm quyền và sự ủng hộ của công chúng (sốt sắng mua tranh cũng như vui lòng đi xem triển lãm !)...

* * *

Paris 8 - 7 - 1962

Xin vui lòng đáp anh mấy câu anh hỏi phụ :

A.— Họa sĩ ta có cần ra nước ngoài để thấy, để nghe, để học hỏi thêm chăng ? Và nếu cần, thì nên đi nước nào?

Nếu họa sĩ ta tự mãn, thì tốt hơn là ở trong nước, còn cho rằng Nghệ thuật, không bao giờ mình đạt cả, mà chỉ có đến gần, và suốt đời nghệ sĩ là tìm kiếm mãi, học hỏi luôn thì ra nước ngoài là một điều cần thật là cần.

Và tự nhiên là nên đến nơi nào có thể xem là ngã tư của các xu hướng xưa nay về Hội họa thế giới. Theo tôi thì không đâu hơn Paris, kinh đô của Ánh sáng, của Nghệ thuật. Nhờ vị trí địa dư, nhờ có một cái vốn lâu đời

nhờ tâm hồn cởi mở, phong phú, rộng rãi, yêu nghệ thuật, của người Pháp mà Paris là chốn nảy nở, phát triển và hẹn hò của hầu hết các xu hướng về Hội họa của năm châu.

B — Anh chị em họa sĩ ta ở Pháp có làm được gì để giới Hội họa Pháp và Quốc tế chú ý đến không?

Anh hỏi làm tôi thêm buồn. Họa sĩ bên nhà có lẽ đoàn kết hơn. Phần chúng tôi tại Pháp là một lũ... (xin phép anh được dùng thành ngữ này) « âm hồn uổng tử » lạc lõng vào cái thiên đàng của người. Trước ánh sáng quá ư rạng rỡ, một số chúng tôi bị quáng mắt, một số bị mù vì tự ti dân-tộc quá nặng!

Nghĩa là tại Pháp, chúng tôi chưa thương yêu lấy nhau, thì làm gì có sự gặp gỡ nhau thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm và « làm cái gì » cho thiên hạ để ý! Mạnh ai nấy đi anh à, dầu đi đó là đi vào con đường không có ngỏ ra!

C.— Họa sĩ ta ở Pháp có thể chỉ sống bằng nghề Hội họa hay phải làm thêm nghề khác?

Trừ trường hợp vài anh như Lê-Phổ, Mai-Trung-Thứ, Vũ-Cao-Đàm, Lê-Bá-Đảng (mà tôi tin rằng anh đã có thư phỏng vấn) là số họa sĩ tiền chiến đã đóng đô tại Pháp trên dưới hai chục năm thì có thể sống vững với nghề.

Còn vài bạn khác mà tôi được biết như anh Trần-Văn-Lộc, anh Vĩnh-Tự, chị Huỳnh-Chi thì người hiện giờ giao hàng cho một hiệu thuốc, người thì không biết dựa vào đâu, người thời chờ ngày xuất giá để... tòng phu. Riêng tôi, mấy năm nay sống nhờ phụ cấp gia đình với học bổng Chính phủ, tháng đủ tháng thiếu và phải « bá nghệ tùy thân » đó anh!..

TRẦN-QUANG-HIẾU

ĐÍNH-CHÁNH

B. K. số 135, mục Phỏng vấn:

— trang 99, phần tiểu sử họa sĩ Nguyễn-Trí-Minh, dòng 15, thiếu chữ: *chung* ở trước:

« *chung*, tại Musée d'Art moderne...»

— trang 101, cột 2, dòng 9: « *pháp* biểu ý kiến » xin sửa *phát* biểu...; dòng 14: « ... cũng *đủ* rõ », xin sửa: « cũng *đã* rõ... »

— trang 102, 104, dưới 2 bức tranh; thay vì « Nguyễn-Thị-Thịnh », xin đọc: « *Trương*-Thị-Thịnh ».

B. K. số 134, bài của Mộng-Trung, tr. 65, cột 1, dòng 29, xin đọc: « lên xuống không dưới hai *trăm* nấc thang ».

KHÁNH THÁNH MỘT XƯỞNG LỌC DẦU SHELL VỪA ĐƯỢC THIẾT LẬP Ở PHI-LUẬT-TÂN

Xưởng lọc dầu SHELL mới hoàn thành ở Tabangao, đảo Luzon ở Phi-Luật-Tân, vừa được Tổng-Thống Phi-Luật-Tân, Ông Diosdado Macapagal, chính-thức khánh-thành ngày 28 tháng 7 năm 1962.

Xưởng lọc dầu nầy nằm trên một diện-tích rộng 70 mẫu tây và có thể lọc 25.000 thùng barils dầu nguyên-chất mỗi ngày (chừng 1 1/4 triệu tấn mỗi năm). Phí-tổn xây cất là 65 triệu đồng pesos (chừng 6 triệu rưỡi Anh-kim). Nhà máy sản-xuất xăng super và xăng thường, dầu lửa, nhiên-liệu cho phi-cơ phản-lực, dầu cặn (dầu diesel oil và dầu gas oil) dùng trong kỹ-nghệ và chuyên chở, dầu fuel oil, và sau nầy sẽ sản-xuất dung-môi.

Xưởng lọc dầu mới nầy thuộc Công-Ty « The Shell Refining Company (Philippines) Inc. », trong đó phần hùn vốn của tư-nhân Phi là 25 phần trăm.

Dầu nguyên chất được chở từ Bornéo và Irak tới.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIEM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA*

SINH-HOẠT

TRÀNG . THIÊN

Viết và vẽ, theo ý Henry Miller

Trong các tác phẩm của nhà văn hào Mỹ Henry Miller in ra gần đây có vài quyển rất được chú ý : thứ nhất là quyển *Hạ chí tuyến* (Tropique du Cancer), xuất bản lần đầu cách đây 28 năm, rồi bị cấm vì những lý do giống như đối với quyển *Người tình của Chatterley phu nhân* ở Anh. Năm vừa qua, 1961, sau bao nhiêu cuộc tranh tụng, sách ấy mới lại được ra đời, đầy đủ, khỏi bị cắt xén. Thứ hai là quyển *Vẽ, tức là yêu*, một tác phẩm nói về hội họa, có trình bày kèm theo một số họa phẩm của họa sĩ... H. Miller !

Tháng 4 năm nay, nhân dịp đi chấm giải Formentor, Henry Miller có ghé ngang qua Paris. Madeleine Chapsal đến gặp và phỏng vấn ; bài báo đăng vào tạp chí *l'Express* số ra ngày 26-4-1962. Chúng tôi dịch một vài đoạn :

— Ông có vẽ nữa sao ?

Henry Miller

— *Tôi có vẽ màu nước (thủy thái họa), những lúc nào cảm thấy không muốn viết. Bà biết đấy, tôi chán văn chương rồi, muốn thôi cho xong...*

— Ông nói thật hay nói đùa đấy ?

— Tôi vẫn biết là nói thế chứ tôi không thôi đâu ! Tôi không có thể thôi được, nhưng mà bây giờ tôi không quá quan tâm đến nó như ngày trước nữa ; thực ra, hiện giờ, viết hay không viết đối với tôi cũng thế thôi...

— Thái độ ấy bắt đầu từ hồi nào ?

— Từ mười năm gần đây. Thế mà rồi tôi vẫn cứ viết ! Khó thoát khỏi cái nghiệp ấy, vả lại khi người ta có một cái tài thì cũng phải dùng nó chứ... Nhưng mà tôi không coi là chuyện quan trọng quá đáng, như hồi trước. Phải nhận rằng hồi đó tôi quả có một cái gì trong lòng cần phải nói ra.

— Thưa ông, cái gì vậy ?

— Lịch sử cuộc đời tôi đấy mà. Tôi không phải như phần đông những tác giả khác đi bịa đặt ra các nhân vật, tưởng tượng ra chuyện này chuyện kia : tôi, tôi chỉ có một điều để nói, ấy là câu chuyện về cuộc đời mình. Vả lại, trong các loại sách, tôi thích hơn hết là những cuốn tác giả tự kể truyện mình. Thế mà tôi lại không ưa Stendhal, ông này theo người ta bảo thì cũng hay nói về mình. Còn bà, cố nhiên là bà thích tác giả ấy chứ ?

— Vâng, nhưng không phải lúc nào cũng vậy đâu... Tại sao ông lại nói « cố nhiên » ?

— Tôi tưởng người Pháp nào cũng sùng bái Stendhal cả chứ...

— Không nhất thiết. Vả lại cũng tùy từng thời kỳ, như hiện nay chẳng hạn, người ta đang đọc lại Balzac rất nhiều...

— Thật vậy hả ? Người Pháp thực là khác thường ! Lúc nào họ cũng hồi sinh lại được một tác giả, họ giải thích một cách khác, họ xét lại dưới một khía cạnh mới, và thế là thành ra mới mẻ ngay !

— Ở đây người ta nghịch với văn chương...

— Quí ngài làm cho nó thành ra linh động lắm. Thế nhưng, tôi thiết tưởng nhiều văn chương quá, người ta có thể bằng lòng với một số ít hơn nhiều. Bà hiểu ý tôi muốn nói chứ ? Nhiều sách quá, nhiều sách quá !... Tôi không biết người Pháp quí bà làm cách nào mà đọc được nhiều đến thế. Người quí quốc là những độc giả phi thường...

— Tôi chắc ông đọc nhiều hơn chúng tôi.

— Ồ không, không, tôi đọc sách hồi những năm trai trẻ kia... Bây giờ, tôi chỉ đọc... cho đi độ chừng hai hay ba, hay bốn cuốn, mỗi tuần lễ...

— Đọc thế mà ông cho là ông không đọc bao nhiêu !

— Tôi tưởng người Pháp phải đọc ít ra là một tá sách mỗi tuần chứ ?

— Ồ !

— Ở đâu người Pháp cũng có thể nói về chuyện đó ! Ở đây, thường khi tôi bị lúng túng, vì người ta hay hỏi : « Ông có đọc quyển này chưa ? Ông đã đọc quyển kia chưa ? » Chưa, tôi chưa đọc !... Vả lại, đôi khi tôi cũng tự bảo

rằng muốn xét về một người nào, ta có thể căn cứ vào những sách hắn đã đọc, mà cũng có thể căn cứ vào những thứ hắn không đọc tới chứ !

— Chắc ông biết rằng đối với người Pháp ông là một nhà văn rất lớn lao.

— *Vâng, tôi biết người Pháp có cảm tình với tôi. Người Pháp đã đối với tôi rất tốt, nghĩa là đã chấp nhận tôi, và tôi rất biết ơn họ. Thế nhưng tôi không giống như các văn sĩ thông thường ở Pháp. Có lẽ tôi hơi giống với Cendrars, tác giả này quí quốc ít đọc, hoặc giống Céline. Nhưng tôi ít chua chát hơn Céline, tôi không chua chát tí nào...*

— Ông giống các tác giả ấy ở chỗ viết một giọng văn như là lời nói...

— *Đúng ý tôi như thế. Đôi khi tôi tự hỏi không biết có phải các văn sĩ Pháp có văn hoa quá đi chăng ; dù cho đến cả những kẻ không phải là nghệ sĩ đại tài đi nữa, tất cả văn sĩ Pháp đều có linh khiếu tự nhiên biết sử dụng một thứ ngôn ngữ khéo léo, thông minh, tuyệt vời. Còn chúng tôi, những văn sĩ viết bằng tiếng Anh, chúng tôi ngập ngừng, ấp úng, bập bẹ... Chúng tôi phải vật nhau với phương tiện cực hơn người Pháp nhiều. Người Pháp quí bà có cái khiếu trời cho về ngôn ngữ.*

— Coi bộ ông cũng không thiếu cái khiếu ấy đâu.

— *Nhưng không bằng người quí quốc... Khi tôi tới đây, một trong những cái thú khoái nhất của tôi là nghe người ta nói chuyện với nhau ngoài đường : mọi người ai nói cũng hay cả ! Ở bên Mỹ, người ta nói, rồi lại im lặng, một sự im lặng nguy hại ghê gớm, không ai biết phải nói gì nữa, tưởng chừng như có những bức tường đột nhiên dựng lên... Ở bên xứ tôi, nói chuyện không phải là một nghệ thuật.*

— Hiện thời ở Hoa-Kỳ người ta đối với ông ra sao ?

— *Tôi là một thứ đối tượng ! Một đối tượng để thương hại, để căm thù, để thương yêu, để thán phục, tất cả... Gần đây, lại vừa có một phong trào rần rộ xung quanh quyển* Hạ chí tuyền. *Chắc bà đã biết quyển truyện ấy mới được in tự do, không bị cắt xén, lần đầu tiên hồi năm ngoái...*

Madeleine Chapsal và Henry Miller tiếp tục nói chuyện về cuốn *Hạ Chí tuyến*. Nhà văn hào Mỹ lấy làm hài lòng về quyển truyện đầu tay của mình, ông bảo ngày nay, đọc lại, ông vẫn thấy nó : « Rất hay. Hay như bất cứ thứ gì tôi đã viết ra. Tôi thích lắm, bằng lòng về nó lắm. »

Madeleine Chapsal lại hỏi về vụ kiện. Các câu trả lời cho thấy quan niệm của H. Miller về vấn đề văn chương với đạo đức :

— Luận điệu của những kẻ buộc tội cuốn sách ấy như thế nào ?

— *Họ chỉ lo công kích danh từ, công kích những chữ « bẩn thỉu », nhưng kỳ thực thì mọi người vẫn dùng ! Còn tôi, tôi lại thấy có nhiều cuốn sách không dùng lối văn « bậy bạ » đó mà thực ra thì lại dâm ô, bại hoại, tục tĩu gấp mấy lần, ấy thế mà nó vẫn ra đời tự do. Vả lại, tôi vẫn nghĩ rằng sách tôi không có gì*

đồi trụy mà còn đầy tươi vui, dù là khi nói về những điều xấu xa... Các ông quan tòa, thật không tưởng tượng được! Có ông đi chê quyển Hạ chí tuyền *là « không có truyện » ! Không có truyện ! Đối với họ, như vậy là không thành văn chương rồi, như vậy chứng tỏ rằng tôi chỉ cốt trình bày ra một mớ tục tĩu mà thôi ! Rồi họ lại còn buộc rằng tôi chỉ chú ý đến những hạng người cùng mạt trong xã hội, như thể sách không có tác dụng « nâng cao » ! Ấy là chưa nói tới những chỗ tả chuyện xác thịt, đáng lẽ không nên đưa vào trong sách ! Trong lúc ấy thì ở Mỹ lúc nào cũng có người đang làm cái chuyện mà tôi nói ấy. Nếu nói rằng làm chuyện ấy mà kể là phạm tội thì không có ở xứ nào người ta phạm tội nhiều hơn ở Mỹ.*

— Thế ông đã tự bào chữa ra sao?

— Trước hết tôi cho rằng một tác giả không những chỉ có quyền được viết thế nào tùy thích, mà lại còn phải có quyền phổ biến tác phẩm của mình tự do, và có quyền được người ta đọc đến. Còn đối với lập luận chính yếu là bảo vệ trẻ con, tôi thấy đó là bổn phận của các bậc cha mẹ chứ ; nếu không thế, nếu chỉ lo xuất bản sách cho vừa tầm trẻ con thì rồi chúng ta sẽ đi tới đâu? Như vậy hóa ra là tự hạ xuống cho ngang hàng cái trình độ phát triển thấp nhất, và rồi chẳng bao giờ tiến lên nữa ! Cuối cùng, trong thực tế thì luận cứ ấy không đứng vững,, bởi vì trẻ con chúng không thèm quan tâm đến những chuyện ấy đâu : tôi có đứa con gái mười sáu tuổi, khi nó thấy cuốn sách đó được in tự do, nó đi mua về — lúc ấy tôi đang ở Âu-Châu — nó viết thư nói với tôi rằng nó không tài nào đọc nổi, chán quá, sách cầm lên chỉ chực tuột tay rơi xuống. Ấy, tác giả là bố nó mà còn thế đấy ! Vả lại, các nhà chuyên môn về thần kinh đều công nhận rằng một quyển sách không bao giờ làm « bại hoại tinh thần » của một ai cả. Không bao giờ người ta hóa ra tà dâm sau khi đọc một quyển sách, hoặc giả người ta thành ra sát nhân sau khi đọc một truyện giết người. Trái lại, đọc như vậy có thể có ít nhiều lợi ích, nó giảm bớt căng thẳng, giải tỏa bớt mặc cảm...

Không như William Faulkner, coi việc viết lách không quan trọng mấy đối với đời sống của mình, Henry Miller bảo với Madeleine Chapsal rằng văn chương đã cứu mình như một liều thuốc.

— Ông viết lịch sử cuộc đời ông, như vậy có làm thay đổi gì ở nơi ông chăng ?

— Có chứ, tôi chắc chắn viết như thế đối với tôi cũng là một phép trị liệu. Nếu tôi không viết, có lẽ bây giờ tôi đã thành ra một người điên, tôi đã phát cuồng rồi ! Hồi tôi chưa thành văn sĩ, tôi đã phải chịu đựng nhiều quá. Nhiều khó khăn, nhiều khổn khổ, nhiều đau xót quá... Viết được, tôi đỡ đi nhiều.

***

Không viết văn, Henry Miller tưởng sẽ phát điên, mà không vẽ ông cho rằng mình cũng lại phát điên nữa. Sáng tác là một cách làm vơi đi những đau khổ dồn dập đè trong

đời ông, vào hồi trai trẻ. Trong quyển *Vẽ tức, là yêu*, ông viết.

Khi hồi tưởng lại khoảng thời gian năm 1928, lúc tôi bắt đầu vẽ những bức thủy-thái-họa đầu tiên, tôi tưởng như nếu không tìm ra lối thoát đó có lẽ tôi đã điên mất. Những tác phẩm văn chương không đưa tới đâu, cuộc sống gia đình thì bê bối, và cái tài xin xỏ của tôi thì chỉ là một con số không. Khi tôi khám phá ra khả năng của bàn tay trái («bàn tay trái là bàn tay của mơ mộng»), tôi hoạt động kinh khủng. Tôi vẽ bất cứ là sáng, trưa hay tối, và khi nào hết màu tôi xài tới bút chì, tới than, tới cả những cục than cúi nữa....

Nhưng năm 1928, Henry Miller đã bắt đầu hội họa, khám phá ra khả năng của mình như thế nào ? Cũng trong tác phẩm nói trên, ông kể rằng vợ ông đi Paris có đem về một tập tranh của George Grosz mà ông rất khoái, vì lối vẽ bạo cuồng hết sức. Một hôm ông túng tiền, đói, đi tìm bạn bè để kiếm bữa ăn mà không được, buồn xo đứng dán mũi vào tủ kính nhìn vào cửa hàng, trông thấy mấy bức tranh màu nước của Turner, tự nhiên ông thích quá, nẩy ý muốn vẽ.

Hôm sau, có tiền ăn rồi, lại có dư chút ít, ông đi mua bút hạng tồi và một hộp màu nước, thứ bán cho học trò dùng. Đem màu về, ông mang bức tranh tự họa của Grosz ra chép theo. Ông ngạc nhiên hết sức: giống tranh Grosz thực sự! Thừa thắng, ông vẽ luôn một cái ghế, một bình trà, một cái tủ. Và quái lạ thay, những bức vẽ của ông lại giống cái ghế, bình trà và cái tủ ! Thế là ông tiếp tục, và được nhiều người công nhận có tài.

Về hội họa, Henry Miller quan niệm:

Vẽ, là yêu trở lại. Muốn thấy như một họa-sĩ thấy, thì phải nhìn với đôi mắt của tình yêu. Tình yêu của họ không có tính cách chiếm hữu : người họa-sĩ bắt buộc phải chia xẻ những điều mà họ thấy. Thường khi, họ cho chúng ta thấy và cảm thấy những điều mà chúng ta không biết đến, hay những điều đối với chúng ta đã quá quen lờn. Thái độ họ đến với tạo vật nhằm nói cho chúng ta biết rằng không có cái gì là tồi tàn hay xấu xí, không có cái gì là nhàm, là tầm thường hay tạp nhạp cả, nếu không phải là chính ngay cái khả năng trông nhìn, cái thị lực của mình. Thấy không phải là nhìn ; điều cần yếu là nhìn - thấy ; là thâm nhập bằng cái nhìn và chiêm nghiệm...

Nhìn tạo vật xung quanh như thế, H. Miller đã thấy như thế nào ? Ông bảo :

Các bạn có bao giờ để ý rằng những hòn sạn lượm ngoài bãi về chúng tỏ ra biết ơn khi ta nắm chúng trong tay mà vuốt ve ? Chúng có một vẻ khác đi chứ ? Một bình trà cũ kỹ thích được người ta xoa vuốt nó với một cử chỉ dịu dàng, hiểu biết. Một cái búa cũng vậy : săn sóc kỹ, nó luôn luôn phục vụ ông chủ được cẩn thận tử tế.

* * *

Nghe Henry Miller nói về chuyện viết văn và vẽ tranh thực là dễ dàng:

đời cực quá, chịu không nổi, thì viết, đem ngay chuyện mình ra mà viết, chẳng cần tìm kiếm lôi thôi ; thấy người ta vẽ hay quá, muốn vẽ theo, thì vẽ ! Và khi đã viết hay vẽ thì con người ấy rất thành thực, thành thực tới hồn nhiên, và dốc hết tinh thần, say mê vào công việc.

Qua cách nói chuyện của H. Miller người ta cũng thấy một vẻ hồn nhiên thành thực lạ lùng, không có chút dè dặt : trên đời này thật ít ai dám nói thẳng rằng mình có tài, mình thấy tác phẩm mình hay lắm, thích lắm, làm cho mình bằng lòng, sung sướng lắm v. v... Vậy mà H. Miller cứ nói. Ta tưởng tượng ông đang cười toe toét, tự nhiên, cởi mở.

Quả là một con người như vậy không quan trọng hóa công việc mình làm. Một nhà phê bình Pháp kể rằng lúc 30 tuổi Balzac ngồi xuống trước bàn viết, bắt đầu cầm bút, ông vạm vỡ, tươi tỉnh, trẻ trung, yêu đời ; khi viết đến tác phẩm cuối cùng ông rời bàn viết đứng dậy, mặt sị xuống, mệt mỏi, rã rời, già nua. Cho tới khi đau gần chết, tác phẩm của ông vẫn còn ám ảnh ông : ông lầm nhầm gọi nhầm tên bác sĩ Horace Bianchon tức là một nhân vật do ông sáng tạo ra ! Henry Miller không bị sự nghiệp văn chương của mình đè bẹp, rút hết sinh lực đi như vậy. Trái lại, càng sáng tác ông càng cởi mở, sung sướng thêm. Lúc trẻ ông tưởng hóa điên được, nhưng vừa viết vừa vẽ luôn một hơi mấy mươi năm, tới chừng 71 tuổi thì trông ông lại khỏe và tươi như người 69 ! Madeleine Chapsal hỏi ông về già cảm thấy ra sao. Ông đáp :

Sa xuống tuổi già còn thảm hơn là sa vào cõi chết. Già, còn tệ hơn là chết. Nhưng tôi lại không cảm thấy mình già ! Tôi già mà tôi không cảm thấy già. Ngoại trừ cái việc tôi chạy có chậm hơn và không đánh « bốc » được như ngày xưa chẳng hạn, thì tôi chẳng thấy về thể chất mình có gì thay đổi hết. Trái lại tôi vui hơn hồi trẻ nhiều, không có gì làm tôi đau khổ nhiều nữa. Vả lại, tôi sống qua ngày, và đó là cách sống duy nhất.

Tưởng cổ kim ít có nghệ sĩ nói tốt về nghệ thuật được đến như vậy.

TRÀNG-THIÊN

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Nhận định về tiểu thuyết hiện đại

Ngày 9 tháng 8 vừa qua, tòa soạn tuần báo « Văn-Đàn » có tổ chức một cuộc thảo luận tại báo quán về tiểu thuyết hiện đại.

Thuyết trình viên : *Vũ.Hạnh.*

Chủ tọa : *Phạm - Đình - Tân,* chủ nhiệm Văn-Đàn.

Theo lời người tổ chức, thì số người mời khá đông, nhưng tiếc vì có lẽ thời tiết không được tốt mà một số tiểu thuyết gia không đến dự, như Bình-Nguyên-Lộc, Võ-Phiến, Nguyễn-Hoạt...

Người ta thấy có mặt : *Thiết-Can* một nhà văn tiền chiến, *Nguyễn-Thạch-Kiên, Trần-Dạ-Từ, Nguyễn-Thạch-Ngữ, Phạm - Trường - Thiên, Thái-Tâm-Canh,* những người viết truyện và tiểu thuyết lớp trẻ, *Thiên-Giang,* một lí thuyết gia về văn nghệ, *Tề-Xuyên, Thái-Bạch,* nhà báo, *Phạm-Đình-Khiêm, Thái-Bằng,* nhà biên khảo, *Nguyễn-Công-Huân,* nhà khoa học.

Bên nữ có các bà : *Vũ-Bá-Hùng tự Thiều-Mai, Thùy-Dương, Vân-Trang.*

Ông chủ tọa cho biết, trước đề tài cuộc thảo luận là «So sánh tiểu thuyết giữa thời tiền chiến và hậu chiến », nhưng giờ đổi lại, bởi sau chiến tranh, hoàn cảnh xã hội, chánh trị đều khác và thời gian mấy năm từ hiệp định Genève nó ngắn ngủi quá. Rồi ông nhường lời cho Vũ-Hạnh.

Thuyết trình viên cho biết bài thuyết trình quá rộng lớn đòi hỏi nhiều điều kiện ngoài tầm mức của anh : khả năng hẹp hòi, tài liệu thiếu thốn, thì giờ eo hẹp, lại còn những điểm tế nhị xét về mặt chính trị ; đó là chưa kể cái thành kiến : hễ ai nói đến ưu hay khuyết của một thực trạng thì dễ bị dán cái nhãn « nịnh bợ » hay là « nói xấu ».

Rồi anh trình bày một ít nhận định về :

a) nội dung hai tiếng tiểu thuyết,

b) thời khoảng của cái danh từ hiện tại,

c) chủ đề của cuộc thuyết trình.

Vì điểm *a*, anh cho rằng « hai tiếng Tiểu thuyết ngày nay đã không thu hẹp ở trong ý nghĩa hoang đường, và đã trở thành một loại văn chương phong phú, có cái nhiệm vụ dùng trí tưởng tượng tái tạo sự sống để giúp độc giả hiểu biết rõ thêm con người và các cảnh đời, tóm lại là để *giải trí* và *giáo dục* ». Và anh kể môn loại của tiểu thuyết.

Còn «hiện tại», ở đây, xin hiểu trên giấy tờ là từ 1954 cho đến ngày nay (1962), nhưng trên thực tế, thì lại từ 1956, 1957, bởi vì từ những năm này mới có những sáng tác mang tính chất của giai đoạn mới.

Và chủ đích cuộc thuyết trình chỉ là *một nhận định thực trạng, một sự tìm hiểu về những tính chất căn bản của ngành tiểu thuyết hiện tại.*

Rồi thuyết trình viên vào đề.

Anh xét qua những điều kiện thực tế đã phát sinh ra một số hiện tượng về tiểu thuyết, như sự xây dựng chế độ cộng hoà nằm trên những điều kiện ưu đãi của đất nước miền Nam. Lợi thế này đã khiến một số nhà văn trẻ quá nhiệt thành và quá vội vàng đến nỗi muốn chồi từ lớp nhà văn tiền chiến, và đã « *nảy nở nhiều khuynh hướng mới mẻ*

về tiểu thuyết, phát sinh ra nhiều cây bút cố tìm độc đáo cho nghệ thuật mình, phát huy được những tác phẩm mang những sắc thái khác lạ hơn xưa. »

Hiện tượng khai thác dĩ vãng « nóng hừng hực lửa đạn chiến tranh » được bộc lộ trong những « Dì Mơ, Siu-Cô-Nương. Những chuyện trong lán, Giã từ ».

Hoàn cảnh mới, môi trường rộng rãi khiến người viết tiểu thuyết có thể *phát kiến nhiều điều khác lạ, tiếp nhận những ảnh hưởng văn nghệ bốn phương*, nên người đọc gặp lại ít nhiều nôn mửa, chán chường, bất chấp khuôn khổ cũ, và con người nổi loạn chui rúc trong các hầm rượu châu Âu, con người yêu đương trắng trợn ở Kinh đô Chiều bóng, con người anh hùng đầm đá phi ngựa ở xứ Viễn Tây.

Ảnh hưởng ngoại lai tuy tản mác nhưng mà khá rõ trong một số tác phẩm đã ra đời hay còn in rải rác trên các báo.

Thuận lợi có, mà khó khăn cũng có. Một trong những khó khăn đáng chú ý là thời bấp bênh của xã hội chúng ta trước khi được quân bình, khiến người ta tự hỏi mình ở đâu, mình làm gì, mình đi về ngã nào đây ? Vì thế mà «số lượng cây bút tiểu thuyết hiện nay vẫn còn ít ỏi cũng như số lượng tác phẩm chưa được dồi dào ».

Lại còn tình trạng đất nước chia đôi, khiến ta mất một số tiểu thuyết gia có căn bản và một số độc giả quan trọng.

Nhìn lại các tiểu thuyết gia lớp cũ thì họ đà sớm già cỗi, bám vào một hệ thống ý thức cố định, không hòa mình với lớp người mới, cho nên họ thường khai thác dĩ vãng.

Lại có một hình thức trụy lạc, một số «đàn anh» ve vãn lớp trẻ, để lợi dụng họ, biến họ thành kẻ dưới trướng đặng bọn họ đóng vai một vị tiểu chúa, một vị đại vương.

Cho nên ta có thể bảo là *lớp tiểu thuyết gia trẻ tuổi ngày nay không có đàn anh.*

Do đó mà lớp trẻ chạy tìm thần tượng ngoại quốc, học đòi vụng về thể cách biểu hiện nghệ thuật của người ; họ muốn chối quá khứ để có thể làm kẻ tiên phuông, và vì đó mà họ tự phụ quá sớm, háo danh quá rõ, khiến tác phẩm họ thiếu giá trị về nội dung cũng như về hình thức.

Tiểu thuyết hiện đại có tính cách tự truyện quá đậm, một thứ tự truyện cá biệt. Và vì quá ham nói về mình, nên khó mà tìm chút giá trị tư tưởng gì trong các tác phẩm ấy.

Rồi thuyết trình viên mời chúng ta nhìn vào các tác phẩm xuất hiện từ sáu bảy năm nay : « Chúng ta thấy gì ? Những mẩu tình ái lơ mơ, bất lực, nhảm nhí, những chuyện gia đình vụn vặt cỏn con, những cảnh đời vẽ cho quá thảm, những thứ tình cảm sầu buồn tiêu cực, lan man ».

Bao nhiêu vấn đề quan trọng của thời đại chưa được nói đến, chưa được nhà văn dùng làm khung cảnh, hoặc làm tài liệu cho nên tiểu thuyết rất xa cuộc đời.

Tiểu thuyết hiện nay chưa cho ta thấy một sự cố gắng về phần tư tưởng, một sự vươn cao, đào sâu về mặt nội dung, một sự nỗ lực xác nhận thực tại.

Nghèo nàn về tư tưởng, về nội dung kéo theo nghèo nàn về nghệ-thuật. Lắm tác-giả đeo đuổi mọi thể văn mà « chưa biết viết thành câu ».

Về phần người đọc, có điều rất đáng quan tâm là sự phân hóa của các độc giả : không thuần nhất như vài chục năm về trước. Nay, có hai hạng độc giả rõ rệt : hạng của các nhóm Sáng Tạo, Quan - Điểm, Đời Nay..., hạng của Trọng-Nguyên, Dương-Hà, Ngọc-Linh...

Thuyết trình viên cho cái khuynh hướng chỉ xem tiểu thuyết viết cho trí thức là thứ văn chương chính thống và coi thường tiểu thuyết viết cho bình dân là điều lệch-lạc.

Anh thì cho rằng tiểu thuyết viết cho đám quần chúng rộng rãi này đáng cho ta lưu ý, vì : có nhiều độc giả, có nhiều ảnh hưởng, có một lề lối nghệ thuật riêng biệt.

Tuy phong phú, loại tiểu thuyết bình dân này chiếu thị hiếu tầm thường, nghĩ đến tánh cách thương mãi thiển cận. Do đó một số nhà văn đứng đắn không muốn thừa nhận loại tiểu thuyết ấy bởi lẽ « xét về nội dung nó chỉ là mớ công thức nhằm gây xúc động rẽ tiền, xét về kĩ thuật là sự hời hợt, dễ dãi, không đóng góp gì cho việc xây dựng văn học ».

Nhưng dầu sao ta không thể để nó mặc tình sống chết, tác oai hay tác phúc.

Xét về hạng người tiêu thụ, thuyết trình viên không giấu nỗi bi quan : tầng lớp trí thức bỏ tiền mua tiểu thuyết rất ít, vì họ mượn bạn để đọc, hoặc sẽ chờ sách biếu, hay không bao giờ mua xem cả.

Số phận tiểu thuyết còn bị phim ảnh uy hiếp nặng nề, lại bị hạng trung gian là các nhà xuất bản làm cho điêu đứng. Cho nên có một hiện tượng trong năm 1662 là hầu hết tác giả đều tìm cách để tự in tác phẩm của mình.

***

Sau đó, là cuộc bàn cãi giữa các nhà văn, nhà báo có mặt.

NGUIỄN.NGU.Í *thuật*

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Đại hội thứ XI của tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế

Ngày 24-8-62, tổng liên đoàn Giáo giới Việt-Nam có mở cuộc họp báo tại trụ sở, lúc 10 giờ.

Thuyết trình viên là ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh, chủ tịch ủy ban Văn hóa Giáo dục và Thanh niên Quốc hội, uỷ

viên ban chấp hành tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế và trưởng phái đoàn Việt-Nam tại đại hội thứ XI của tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế tại Stockholn vừa họp từ 29 tháng 7 tới 5 tháng 8.

Ông Chỉnh nói sơ qua về tổ chức lớn rộng này, gồm liên đoàn quốc tế các hiệp hội Giáo viên, các Giáo sư Trung học công lập và các tổ chức Giáo giới thuộc 81 quốc gia, và có 3.186.678 hội viên. Mỗi năm có tổ chức một đại hội để thảo luận những vấn đề liên hệ tới tổng liên đoàn và để trao đổi kinh nghiệm về những vấn đề giáo dục quan trọng. Đại biểu mỗi nước tham dự tùy theo số hội viên của mình (tỉ như nước Việt ta có 10.000 hội viên thì có quyền gởi ba đại biểu, và năm nay ba đại biểu ấy là thuyết trình viên, ông Trương-Văn-Chôm, khoa trưởng Đại học Dược khoa và ông Trần - Bích - Lan, giáo sư Trung học). Đại hội năm nay có 463 đại biểu và quan sát viên (kể cả đại diện các tổ chức quốc tế như Liên-Hiệp-Quốc, Unesco, BIE, UNICEF, OMS ,v. v...)

Tổng liên đoàn Giáo giới Việt-Nam vào tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế từ năm 1959.

Trong Đại hội năm nay, các đại biểu đã thảo luận và quyết định về nhiều vấn đề nội bộ, ngoài ra có thảo luận về *Giáo dục trong thời đại kĩ thuật*. Đặc biệt kì này là có cực tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc Eihsenhower đến thuyết trình về « *Giáo dục với niềm thông cảm quốc tế* ».

Ông Chỉnh nhấn mạnh về hai điểm đặc biệt liên hệ tới nước Việt chúng ta, đó là :

1.— *việc đại hội chấp thuận bản phúc trình của ủy ban Điều tra tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế về những hoạt động phá hoại của Cộng sản tại Việt liên quan tới nền giáo dục của nước Việt cộng hòa.*

2.— *việc đại biểu Việt được đắc cử ủy viên chấp hành tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế.*

Về điểm một, thuyết trình viên nhắc lại trong đệ nhị Nghị luận hội các nhà lãnh đạo Giáo giới Á-Châu tại Sài-Gòn từ 27-11 đến 7-12-1962, đại biểu của các nước Brunéi, Tích-Lan, Trung-Hoa, Đại-Hàn, Ấn-Độ, Nhật-Bản, Mã-Lai, Tân-Tây-Lan, Phi-Luật-Tân, Thái Lan và Việt đã quyết nghị yêu cầu tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế thành lập một ủy ban Điều tra để nghiên-cứu các hoạt động phá hoại của Cộng sản ở Việt và những hậu quả của những hoạt động nầy đối với nền giáo dục tại nước Việt tự do.

Quyết nghị nầy được ban chấp hành tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế chấp thuận và thành lập một ủy ban Điều tra, mà trách vụ là :

« *Nghiên cứu một cách khách quan những hậu quả đối với giáo chức, trường học và trẻ em, do những hoạt động khủng bố gây nên tại miền Nam nước Việt* ».

Ủy ban này đã tới Sài-Gòn ngày 18 và giã từ chúng ta ngày 26 tháng 5 vừa qua. Ủy ban nầy đã tới An-Xuyên và Ba-Xuyên điều tra tại chỗ, tiếp xúc với các giới chính quyền và tư nhân, nhất là đã tiếp xúc với rất nhiều giáo chức nạn nhân hoặc gia đình các nạn nhân.

Trong bản phúc trình của ủy ban Điều tra, có những bản này mà thuyết trình viên thấy cần nhắc lại :

— Sự tiến triển của nền giáo dục, nhất là nền giáo dục Tiểu học, từ giữa năm 1954. (sánh với năm 1959, thì tăng gấp ba).

— Cuộc phá hoại qui mô các trường ở thôn quê bắt đầu năm 1955.

— tất cả những hành động phá hoại đều do Cộng sản chủ trương.

— có : 32 giáo chức bị giết, 73 bị bắt cóc, 189 bị bắt cóc rồi được thả, khoảng 100 bị hành hạ.

— quân khủng bố hành động như sau : giáo chức bị cảnh cáo ; phụ huynh bị bắt buộc không cho con em đi học, không được giúp đỡ trường học ; võ trang bao vây nhà của giáo chức, bắt mang đi, lấy của cải nạn nhân, đem nạn nhân về trại, cho ăn rất ít; đánh đập, nạn nhân sau đó có thể được thả về, hoặc hành hình, võ trang tấn công trường học, phá hủy dụng cụ và sách vở, đốt phá nhà trường.

— từ 1959 đến 1962, có 600 trường bị đóng cửa, 1.838 lớp học bãi bỏ, số học sinh các trường Tiểu học giảm mất 78.196 trò

— một số truyền đơn tuyên truyền của Cộng sản đã được phát cho sinh viên, học sinh, giáo chức các trường Trung học và Đại học ở Thủ đô.

Kèm theo bản phúc trình, ủy ban Điều tra có đệ trình Hội nghị để xin chấp thuận một bảng tổng kết với những lời khuyến cáo, (như phổ biến thực trạng, tăng cường an ninh, giúp đỡ giáo chức bị nạn cùng gia đình họ...)

Bản phúc trình đã được Đại hội chấp thuận với 2 phiếu trắng và 2 phiếu chống.

Về điểm hai, thuyết trình viên nhấn mạnh : tổng hội Giáo giới nước nhà mới thành lập có 3 năm, số hội viên sánh với các tổ chức bạn thật là nhỏ, nhưng được đắc cử vào ban chấp hành tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế, thì chỉ có một ý nghĩa : được tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế tín nhiệm và dân tộc ta được cảm tình của thế giới.

Kết thúc, thuyết trình viên nhờ đại diện báo chí nước nhà và các nước bạn tố cáo hành vi vô nhân đạo của Cộng sản đã chối bỏ những quyền thiêng liêng nhất của con Người : « *quyền được hưởng Giáo dục, quyền Tự do và quyền Sống.*

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Một tình thương, Nhớ quê (Bạch Liên-Châu) Khi tình yêu thức dậy Qua khu Thánh đường (Lệ-Thùy-Lam) Cánh mộng, Thư cho mẹ.... (Hoài-Hương-Tử) Thơ (Nguyễn-Phượng-Liên) Cô đơn, Phiên sầu, Âm mục (Trần-Uyên-Nhược-Châu) Nhìn xuống dòng sông, Bài thánh ca thuở nhỏ.. (Phầm-Thư) Tôi sẽ yêu — Điệp khúc Thạch sanh (Gấu) Tháng 8 ở Tân-Châu, Thân-Phận, Bài 68 anh em (Ngy-Do-Thái) Tiếng sáo giữa rừng (Tinh-Huyền) Mây vàng, Biển Chiều, Điệu xưa, Gọi Hồn...(V.Đ.L.) Phủ Nhận, Vòng hoa Trắng, Loài chim biển Bầy chim Hải đảo (Chương-Đài) Khuyết sử I, Mưa quê hương (Trần-Yen-Thảo) Dạ hoài Buổi sáng bãi bể (Cô-Lữ) Bây giờ (Đynh-Hoàng-Sa) Giọt sương sớm trên sông (Hoài-Khanh) Đời Thị-Kính (Thích-Chơn-Điền) Niềm đau của Tim, Giấc mộng đêm hoang (Linh-Tâm) Một vết roi non Khúc Than (Nh.. n) Chiều thu trong cửa Ngục (Lê-Văn-Cư) Theo trăng — Cầu nguyện (Thái-Dương) Cho nhau, Bài thơ yêu đương, Hư vô (Xuân-Phụng) Cổ đại (Ng-Dã-Thảo) Nét buồn của Khương (Yên-Vũ) Tù không Ngục.. (Vũ-Th. Giang) Dậm về, Cảm nghĩ, Mua thương (Thiện-Sinh) Quê tình trái mật (Hoàng-Lộc) Muôn ngả — Kiếp lênh đênh — Chủ nhật thứ hai (N. N. Sa-Mạc) Độc thoại (T. V.) Khẩn nguyện những sau cùng Tiếng buồn dĩ vãng — Hoang vu —Vọng sầu...(Trần-Dạ-Cát) Tìm về bình yên... (Vũ-Đình-Uyên) Duyên sau (Nguyễn-Đức-Tiếu) Trời hoang vu (Kỳ-Lê-Văn) Đôi mắt bàn tay (Du-Tử-Lệ) Độc quyền — Ra khơi (w. S. Khắc-Minh) Thương nhớ chi Chia ly (Thiên-Khánh) Kể lể (Thục Hiền) Niềm thương biển cả (Tinh Huyền) Thánh ca (Hoàng) Có những đứa con gái... (Yên-Vũ Nguyễn-Văn-Minh).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

*

— **Một nhóm học sinh tư thục Mĩ-Tho.**— Cám ơn các em đã lưu ý đến tuyển tập « 25 *truyện ngắn* » và góp ý về việc xuất bản. Hiện tôi gặp vài trở ngại nhưng mong rồi sẽ vượt qua. Có vài điều các em hỏi không tiện trả lời trên mặt báo. Mong các em cho biết địa chỉ để tôi có thư riêng.

— **Em Lê-Nguyên-Ngâm**, *Nha-Trang*.— Thư em góp ý về tuyển tập truyện ngắn do tôi trình bày làm tôi cảm động. Sẽ hết sức cố gắng để « giới học sinh các em có một tập truyện ngắn chọn lọc để làm bạn đầu giường ».

— **Anh Phạm-Trọng-Tuy**, *Cao-Lãnh, Kiến-Phong*.— Vừa gởi mấy tập nội san B.V. cho anh. Mong anh sẽ gặp may trong việc tìm tài liệu về Nguyễn-Hoàng Tư, nhà thơ xấu số của miền Nam chúng ta. Bài hồi kí về N. H. Tư của T.T.S, tôi đã có từ lâu. Còn câu chúc cuối thư, tôi chỉ xin nhận phần nửa... trên thôi.

Anh Trần-Kim-Hùng, *Huế*. — Chẳng hay anh đã nhận được số báo có đăng bài anh chưa, xin cho biết.

Nguiễn-Ngu-Í

SÁCH BÁO MỚI

— **Năng lực tinh thần** (L'Energie spirituelle) của Bergson, người dịch: L.M. Cao-Văn-Luận — Đại-Học Huế xuất bản và gửi tặng. Sách dày 155 trang. Giá 50đ.

— **Việt Nam văn học nghị luận.** của Nguyễn-Sĩ-Tế, Trường-Sơn xuất bản, và tác giả gửi tặng — Sách dày trên 190 trang. Giá 45đ.

— **Đạo làm người của Nguyễn-Công-Trứ.** của Vũ-Kỳ, nhà Kim Ý xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 254 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Việt-Nam khảo-cổ tập-san** số 3 của Viện-khảo-cổ do Bộ quốc gia giáo dục ấn hành.

— **Buồn lên đôi vai** Tập thơ của Triều Hoa Đại, Trinh Đức. Tuyết Ái, Linh Thủy Giang, Viễn Hà Nhân, do tác giả xuất bản. Sách dày 37 trang, giá 25đ.

— **Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết** của Nguyễn-Văn-Trung do cơ sở Tự Do xuất bản, tác giả gửi tặng — Sách dày 210 trang, gồm 3 phần. Tổng quát về văn chương; xây dựng tác phẩm tiểu thuyết và phần phụ lục Giá 40đ.

— **Việt sử tân biên** (Việt-Nam kháng Pháp sử) quyển 5 (tập thượng) của Phạm-Văn-Sơn do tác giả gửi tặng — Sách dày trên trên 450 trang, gồm 5 phần: Từ âm mưu lật đổ ngai vàng của Tự Đức đến các phong trào cách mạng chống Pháp. Giá 100đ.

— **Sống Mạnh** tuần báo bạn gái, số 1 và số 2, Giám đốc: Bà Kim Phượng, Tòa soạn và Trị sự, 21o, Hiền Vương Saigon; Mỗi số 8 trang khổ lớn. Giá 2đ.

— **Thuở ban đầu** của Minh Đức do Sông Thu xuất bản, tác giả gửi tặng. Bìa do Nghiêu Đề minh họa. **Thuở ban đầu** gồm 8 truyện ngắn, trong số đó có vài truyện đã đăng trên Bách Khoa sách dày 170 trang. Bản đặc biệt không ghi giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản, bà giám đốc tuần báo Sống Mạnh và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Đã phát-hành khắp nơi nguyệt-san của tất cả mọi người yêu sách

TIN SÁCH

do Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản

Nội dung số 2 — loại mới, gồm có:

1) Cô THU-LIỄU: *William Faulkner, con người và tác-phẩm.*

2) *Điểm sách:* THƯ-TRUNG đọc *thương hoài ngàn năm* — NGUYỄN-TẠO LÂM đọc *tư-tưởng hiện-đại* — NGUYỄN-NGU-Í đọc *những vần thơ trẻ* — PHƯƠNG-MAI đọc *thân phận.*

3) Giới-thiệu tất cả các sách mới trong tháng.

TÌM HIỂU HỘI HỌA

của ĐOÀN-THÊM

Cuốn sách quốc-văn đầu tiên để phổ biến hội-họa

NAM CHI TÙNG THƯ XUẤT BẢN

300 trang, 206 tranh đen trắng, 24 bản màu

— Những thường-thức căn-bản để thưởng ngoạn bức tranh
— Những tài-liệu chính xác về cuộc tiến triển hội-họa
— Những lý-tưởng, quan-niệm, kỹ-thuật của các môn-phái
— Những nhận xét chắc chắn về mọi ngành mọi nhóm và các nhà danh-họa.

Có bán tại các nhà sách :

VIỆT-BẰNG *Đường Lê-Lợi Saigon*
XUÂN-THU *Đường Tự-Do Saigon*
MỸ-TÍN *Đường Nguyễn-Huệ, Saigon*
NHÀ IN KIM-LAI *3, Nguyễn-Siêu, Saigon*
TÒA BÁO BÁCH-KHOA *160, Phan-Đình-Phùng, Saigon*

Giá tiền : 185 $ loại thường
250 $ loại tốt (Nhà in Kim-Lai)

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, *Đường Nguyễn-Siêu* — Téléphone : 20.821 — SAIGON

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CUA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

FOREIGN EXCHANGE BANK

THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesudori - Ningyocho - Marunouchi - Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho - Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Semba - Shinsaibashi - Kobé - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki - Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg - Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane - Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels - Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Deihi Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Caire - Frankfurt - Vancouyer.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francico - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York